BẢNG GIÁ PHỤ TÙNG XE VINFAST FADIL

Mã phụ tùng	Tên phụ tùng tiếng Anh	Tên phụ tùng tiếng Việt	Số lượng	Đơn vị	Giá bán lẻ (chưa VAT)	Giá bán lẻ (VAT)
EEP60000761	BATTERY,	ẮC QUY, (50 AMPE GIỜ)	1	Chiếc	2.555.000	2.810.500
EEP60001323	ANTENNA,RDO	ĂNG TEN ĐÀI RADIO	1	Chiếc	143.000	157.300
SVC60001369	BUSHING,SHFT SHF DTNT	BẠC LÓT VẤU CHỐNG GÀI NHẦM SỐ LÙI	1	Chiếc	16.000	17.600
SVC60000288	BUSHING,R/SEAT BK CTR PIV	BẠC LÓT, TRỤC XOAY GIỮA LƯNG GHẾ SAU (MỘT PHẦN CỦA 4) (*KIT1)	1	Chiếc	9.000	9.900
CHS60000045	PEDAL,BRK & ACCEL(W/BRKT)	BÀN ĐẠP PHANH & GA (CÙNG VỚI GIÁ BẮT) (BAO GỒM 1-6)	1	Chiếc	3.234.000	3.557.400
SVC60001386	PEDAL,ACCEL	BÀN ĐẠP, GA (*KIT1)	1	Chiếc	1.003.000	1.103.300
SVC60000846	PEDAL,BRK	BÀN ĐẠP, PHANH (BAO GỒM 6) (*KIT1)	1	Chiếc	2.072.000	2.279.200
SVC60000982	HINGE,L/GATE	BẢN LỀ CỬA HẬU	1	Chiếc	150.000	165.000
BIW60001579	HINGE,FRT S/D LWR	BẢN LỀ DƯỚI CỬA TRƯỚC	1	Chiếc	134.000	147.400
BIW60001580	HINGE,FRT S/D LWR	BẢN LỀ DƯỚI CỬA TRƯỚC	1	Chiếc	134.000	147.400
BIN60001396	HINGE,R/SEAT BK	BẢN LỀ LƯNG GHẾ SAU	1	Chiếc	176.000	193.600
BIW60000405	HINGE,HOOD	BẢN LỀ NẮP CA BÔ	1	Chiếc	162.000	178.200
BIW60000406	HINGE,HOOD	BẢN LỀ NẮP CA BÔ	1	Chiếc	162.000	178.200
BIW60000467	PIVOT,HOOD HOLD OPEN ROD	BẢN LỀ THANH CHỐNG NẮP CA BÔ	1	Chiếc	23.000	25.300
BIW60001581	HINGE,RR S/D LWR	BẢN LỀ TRÊN CỬA SAU	1	Chiếc	134.000	147.400
BIW60001583	HINGE,RR S/D LWR	BẢN LỀ TRÊN CỬA SAU	1	Chiếc	134.000	147.400
BIW60001478	HINGE,FRT S/D UPR	BẢN LỀ TRÊN CỬA TRƯỚC	1	Chiếc	183.000	201.300
BIW60001479	HINGE,FRT S/D UPR	BẢN LỀ TRÊN CỬA TRƯỚC	1	Chiếc	183.000	201.300
SVC60001328	HINGE,I/P COMPT DR	BẢN LỀ, CỬA NGĂN CHỨA TRÊN BẢNG TÁP LÔ (MỘT PHẦN CỦA 8)	1	Chiếc	51.000	56.100
PWT60000922	SHAFT,FRT WHL DRV HALF	BÁN TRỤC TRƯỚC (BAO GỒM 2-14)	1	Chiếc	5.423.000	5.965.300
PWT60000923	SHAFT,FRT WHL DRV HALF	BÁN TRỤC TRƯỚC (BAO GỒM 2-14)	1	Chiếc	5.981.000	6.579.100
BEX60000778	TAPE,FRT S/D WDO FRM OTR RR BLACKOUT	BĂNG DÁI, BÊN NGOÀI KHUNG KÍNH CỬA TRƯỚC CHE ÁNH SÁNG PHÍA SAU	1	Chiếc	94.000	103.400
BEX60000779	TAPE,FRT S/D WDO FRM OTR RR BLACKOUT	BĂNG DÁI, BÊN NGOÀI KHUNG KÍNH CỬA TRƯỚC CHE ÁNH SÁNG PHÍA SAU	1	Chiếc	94.000	103.400
BIW60000544	REGULATOR,RR S/D WDO	BẢNG ĐIỀU KHIỂN KÍNH CỬA SAU (BAO GỒM 3, 5)	1	Chiếc	1.434.000	1.577.400
BIW60000545	REGULATOR,RR S/D WDO	BẢNG ĐIỀU KHIỂN KÍNH CỬA SAU (BAO GỒM 3, 5)	1	Chiếc	1.434.000	1.577.400
BIW60000542	REGULATOR,FRT S/D WDO	BẢNG ĐIỀU KHIỂN KÍNH CỬA TRƯỚC (BAO GỒM 3, 5,6)	1	Chiếc	1.453.000	1.598.300
BIW60000543	REGULATOR,FRT S/D WDO	BẢNG ĐIỀU KHIỂN KÍNH CỬA TRƯỚC (BAO GỒM 3, 5,6)	1	Chiếc	2.555.000	2.810.500
BIW60000780	TAPE,RR S/D WDO FRM FRT BLACKOUT	BĂNG DÍNH BỊT LỖ PHÍA TRƯỚC KHUNG KÍNH CỬA SAU	1	Chiếc	103.000	113.300
BIW60000781	TAPE,RR S/D WDO FRM FRT BLACKOUT	BĂNG DÍNH BỊT LỖ PHÍA TRƯỚC KHUNG KÍNH CỬA SAU	1	Chiếc	103.000	113.300
SVC60000812	GEAR,RACK & PINION STRG	BÁNH RĂNG, GIÁ VÀ CƠ CẤU LÁI DÙNG BÁNH KHẾ (BAO GỒM 2-5,7-10,12) (15,16"/66MM)	1	Chiếc	6.562.000	7.218.200
CHS60000658	WHEEL,15X6	BÁNH XE 15X6	1	Chiếc	4.509.000	4.959.900
CHS60001502	WHEEL,15X6	BÁNH XE 15X6	1	Chiếc	4.593.000	5.052.300
CHS60001394	WHEEL,14X4 COMPACT SPA	BÁNH XE DỰ PHÒNG CỠ NHỎ 14X4	1	Chiếc	1.364.000	1.500.400
SVC60001366	CANISTER,EVAP EMIS	BẦU HÚT HƠI XĂNG (BAO GỒM 6, 7) (ĐỒNG BỘ)	1	Chiếc	1.044.000	1.148.400
SVC60001367	CANISTER,EVAP EMIS	BẦU HÚT HƠI XĂNG (THAM KHẢO PHẦN 03 "BÌNH NHIÊN LIỆU" ĐỂ CÓ HÌNH ẢNH CHI TIẾT) (CHỈ CÓ BẦU LỌC HƠI NHIÊN LIỆU)	1	Chiếc	845.000	929.500
PWT60000654	CLEANER,AIR	BẦU LỌC GIÓ (INCLS 1-3, 9,10,20,21)	1	Chiếc	2.518.000	2.769.800
PWT60000297	CONVERTER,W/UP 3WAY CTLTC	BẦU TRUNG HÒA KHÍ THẢI SẤY NÓNG 3 CHIỀU (BAO GỒM 6, 8,9,11)	1	Chiếc	17.296.000	19.025.600
SVC60000699	PAN,LWR OIL	BỂ DẦU DƯỚI (BAO GỒM 22-24)	1	Chiếc	811.000	892.100
SVC60001154	SUPPORT,F/END UPR TIE BAR	BỆ ĐỠ, THANH GIẰNG TRÊN PHÍA TRƯỚC (MỘT PHẦN CỦA 19)	1	Chiếc	234.000	257.400
SVC60001165	SUPPORT,F/END UPR TIE BAR	BỆ ĐỠ, THANH GIẰNG TRÊN PHÍA TRƯỚC (MỘT PHẦN CỦA 6)	1	Chiếc	234.000	257.400
SVC60000331	MOUNT,RR S/ABS	BỆ LẮP, CÁC THANH GIẢM CHẤN PHÍA SAU	1	Chiếc	234.000	257.400
SVC60000756	BALL,5TH & REV SHFT SHF DTNT	BI CẦU, HÃM CHỐNG GÀI NHẦM SỐ LÙI VÀ SỐ 5	1	Chiếc	3.000	3.300
SVC60001071	CONVERTER,TORQ	BIẾN MÔ	1	Chiếc	19.419.000	21.360.900
BEX60000967	REAR EMBLEM	BIỂU TƯỢNG TRÊN CỬA HẬU (BIỂU TRƯNG PHÍA SAU LOTUS)	1	Chiếc	239.000	262.900
SVC60001229	TANK,FUEL	BÌNH NHIÊN LIỆU (BAO GỒM 10) (THAM KHẢO PHẦN 03 "BÌNH NHIÊN LIỆU" ĐỂ CÓ HÌNH ẢNH CHI TIẾT)	1	Chiếc	3.844.000	4.228.400
CHS60001179	TANK,RAD SURGE	BÌNH NƯỚC LÀM MÁT	1	Chiếc	279.000	306.900
PWT60000429	MUFFLER,EXH RR (W/ EXH PIPE)	BÌNH TIÊU ÂM ỐNG XẢ SAU (CÙNG VỚI ỐNG XẢ) (BAO GỒM 3, 4,6)	1	Chiếc	2.981.000	3.279.100
SVC60000827	BEARING KIT,CONN ROD	BỘ BẠC THANH TRUYỀN	1	Chiếc	94.000	103.400
SVC60000870	BEARING KIT,CR/SHF	BỘ BẠC TRỤC KHUỶU (BAO GỒM 20, 25,26) (TIÊU CHUẨN)	1	Chiếc	482.000	530.200
SVC60001252	INSULATOR KIT,BRK PRESS MOD VLV	BỘ CÁCH NHIỆT VAN ĐIỀU BIẾN ÁP SUẤT PHANH (BAO GỒM 2, 3)	1	Chiếc	1.383.000	1.521.300
SVC60000701	BALANCER,CR/SHF	BỘ CÂN BẰNG TRỤC KHUỶU	1	Chiếc	1.134.000	1.247.400
BIN60000047	TENSIONER,DRV BELT	BỘ CĂNG ĐAI TRUYỀN ĐỘNG	1	Chiếc	1.012.000	1.113.200
SVC60001308	ACTUATOR,O/S RR VIEW MIR INR	BỘ CHẤP HÀNH GƯƠNG CHIẾU HẬU NGOÀI XE (MỘT PHẦN CỦA 10) (*KIT1)	1	Chiếc	298.000	327.800
SVC60000849	ACTUATOR,MODE VLV	BỘ CHẤP HÀNH VAN CHUYỂN CHẾ ĐỘ	1	Chiếc	412.000	453.200
SVC60000848	ACTUATOR,TEMP VLV	BỘ CHẤP HÀNH VAN NHIỆT ĐỘ	1	Chiếc	412.000	453.200
PWT60000448	RESONATOR,INT AIR DUCT	BỘ CỘNG HƯỞNG, ỐNG NẠP AIR (INCLS 12, 15,16,19)	1	Chiếc	492.000	541.200
SVC60000713	HARNESS,F/INJR WRG	BÓ DÂY ĐIỆN ĐẦU PHUN NHIÊN LIỆU	1	Chiếc	933.000	1.026.300
EEP60001033	BLOCK,ENG WRG HARN JUNC	BÓ DÂY ĐIỆN ĐỘNG CƠ (BAO GỒM 1 - 7)	1	Chiếc	4.209.000	4.629.900
SVC60001457	HARNESS,BODY WRG	BÓ DÂY ĐIỆN THÂN XE	1	Chiếc	19.264.000	21.190.400
EEP60001095	HARNESS,BODY WRG	BÓ DÂY ĐIỆN THÂN XE	1	Chiếc	21.092.000	23.201.200
EEP60001096	HARNESS,BODY WRG	BÓ DÂY ĐIỆN THÂN XE	1	Chiếc	23.998.000	26.397.800
SVC60000853	HARNESS,ENG OIL LVL IND CONT MDL WRG	BÓ DÂY, DÂY MÔ ĐUN ĐIỀU KHIỂN ĐỒNG HỒ BÁO MỨC DẦU ĐỘNG CƠ (CHI TIẾT CỦA 19) (BAO GỒM 13,30)	1	Chiếc	1.973.000	2.170.300
SVC60000826	HARNESS,RR OBJECT ALARM SEN WRG	BÓ DÂY, DÂY NỐI CẢM BIẾN CẢNH BÁO CHƯỚNG NGẠI VẬT PHÍA SAU	1	Chiếc	1.036.000	1.139.600
SVC60001241	ADJUSTER KIT,RR BRK SHOE	BỘ ĐIỀU CHỈNH GUỐC PHANH SAU (BAO GỒM 11 - 13)	1	Chiếc	211.000	232.100
SVC60001242	ADJUSTER KIT,RR BRK SHOE	BỘ ĐIỀU CHỈNH GUỐC PHANH SAU (BAO GỒM 11 - 13)	1	Chiếc	211.000	232.100
PWT60000790	CONTROL,A/TRNS	BỘ ĐIỀU KHIỂN HỘP SỐ TỰ ĐỘNG (BAO GỒM 2-5)	1	Chiếc	2.414.000	2.655.400
CHS60000805	CONTROL,HTR & A/C (W/CBL CONT)	BỘ ĐIỀU KHIỂN, SƯỞI VÀ ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ (CÓ ĐIỀU KHIỂN BẰNG CÁP) (BAO GỒM 1,4,5)	1	Chiếc	3.211.000	3.532.100
SVC60000807	DEFLECTOR,CR/SHF OIL	BỘ ĐỔI HƯỚNG DẦU TRỤC KHUỶU (BAO GỒM 8, 9)	1	Chiếc	216.000	237.600
SVC60000964	DEADENER,F/TNK	BỘ GIẢM CHẤN, BÌNH NHIÊN LIỆU	1	Chiếc	56.000	61.600
BIN60000566	ABSORBER,F/RST ENGY	BỘ GIẢM CHẤN, HẤP THỤ NĂNG LƯỢNG PHÍA TRƯỚC (BAO GỒM 10,12)	1	Chiếc	128.000	140.800
PWT60000430	MUFFLER,EXH INTER (W/ EXH PIPE)	BỘ GIẢM THANH, XẢ KHÍ TRUNG GIAN (CÓ ỐNG XẢ) (BAO GỒM 9,12)	1	Chiếc	3.818.000	4.199.800
SVC60000813	SEAL KIT,F/INJR(O RING)	BỘ GIOĂNG (VÒNG GIOĂNG) KIM PHUN NHIÊN LIỆU (BAO GỒM 7, 9)	1	Chiếc	293.000	322.300
SVC60000795	SEAL KIT,VLV STEM OIL	BỘ GIOĂNG CẦN XU PÁP (BAO GỒM 27)	1	Chiếc	1.594.000	1.753.400
SVC60000936	SEAL KIT,FRT BRK CLPR PSTN	BỘ GIOĂNG PÍT TÔNG GIÁ ĐỠ MÁ PHANH TRƯỚC (BAO GỒM 7, 8)	1	Chiếc	80.000	88.000
SVC60001198	SEAL KIT,A/C EVPR TXV	BỘ GIOĂNG VAN TIẾT LƯU ĐIỀU HÒA (BAO GỒM 31, 33,36,37)	1	Chiếc	89.000	97.900
SVC60000931	SEAL KIT,FRT BRK CLPR GDE PIN	BỘ GIOĂNG, CHỐT DẪN HƯỚNG YÊN PHANH TRƯỚC (BAO GỒM 4,5)	1	Chiếc	159.000	174.900
SVC60001188	SEAL KIT,HTR & A/C EVPR & BLO MDL	BỘ GIOĂNG, CỤM QUẠT GIÓ VÀ GIÀN LẠNH ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ VÀ SƯỞI (BAO GỒM 2,26, 38,42,43)	1	Chiếc	368.000	404.800
BEX60001180	DEFLECTOR,RR TIRE FRT AIR	BỘ LÀM LỆCH, GIÓ TRƯỚC BÁNH SAU	1	Chiếc	28.000	30.800
BEX60001181	DEFLECTOR,RR TIRE FRT AIR	BỘ LÀM LỆCH, GIÓ TRƯỚC BÁNH SAU	1	Chiếc	28.000	30.800
SVC60000632	PAD KIT,FRT DISC BRK	BỘ MÁ PHANH ĐĨA TRƯỚC (BAO GỒM 9, 10)	1	Chiếc	1.466.000	1.612.600
SVC60000900	MODULE KIT,F/TNK F/PMP (W/O FUEL LVL SEN)	BỘ MÔ ĐUN, BƠM NHIÊN LIỆU TRÊN BÌNH (KHÔNG CÓ CẢM BIẾN MỨC NHIÊN LIỆU) (BAO GỒM 14)	1	Chiếc	4.270.000	4.697.000
EEP60000329	RECEIVER,R/CON DR LK	BỘ NHẬN ĐIỀU KHIỂN KHÓA CỬA	1	Chiếc	750.000	825.000
PWT60001224	CLAMP,A/CL	BỘ PHẬN CẶP, CHO BỘ LỌC KHÍ	1	Chiếc	18.000	19.800
SVC60000669	CLIP,A/C CNDSR TUBE	BỘ PHẬN KẸP ỐNG GIÀN LẠNH MÁY ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ (MỘT PHẦN CỦA 16)	1	Chiếc	17.000	18.700
SVC60000796	RETAINER,O/PMP FLOW CONT SOL VLV	BỘ PHẬN KẸP, VAN ĐIỆN TỪ ĐIỀU KHIỂN DÒNG BƠM DẦU (MỘT PHẦN CỦA 12)	1	Chiếc	246.000	270.600

BẢNG GIÁ PHỤ TÙNG XE VINFAST FADIL

Mã phụ tùng	Tên phụ tùng tiếng Anh	Tên phụ tùng tiếng Việt	Số lượng	Đơn vị	Giá bán lẻ (chưa VAT)	Giá bán lẻ (VAT)
SVC60001214	ROD KIT,STRG LNKG INR TIE	BỘ RÔ TUYN LÁI TRONG (BAO GỒM 4, 5,7,9)	1	Chiếc	970.000	1.067.000
BIW60001469	FILLER,BODY SI OTR PNL LWR	BỘ RÓT, BÊN DƯỚI TẤM LÓT NGOÀI SƯỜN XE	1	Chiếc	30.000	33.000
BIW60001470	FILLER,BODY SI OTR PNL LWR	BỘ RÓT, BÊN DƯỚI TẤM LÓT NGOÀI SƯỜN XE	1	Chiếc	30.000	33.000
BIN60000771	RETRACTOR,R/SEAT BELT	BỘ RÚT ĐAI AN TOÀN GHẾ SAU PHẢI	1	Chiếc	741.000	815.100
BIN60000797	RETRACTOR,F/SEAT BELT	BỘ RÚT ĐAI AN TOÀN GHẾ TRƯỚC (BAO GỒM 2-5) (MÀU ĐEN)	1	Chiếc	2.236.000	2.459.600
BIN60000795	RETRACTOR,F/SEAT BELT	BỘ RÚT ĐAI AN TOÀN GHẾ TRƯỚC (BAO GỒM 2-5) (MÀU ĐEN)	1	Chiếc	2.236.000	2.459.600
SVC60001504	TENSIONER,O/PMP DRV CHAIN	BỘ TĂNG ĐAI, XÍCH DẪN ĐỘNG BƠM DẦU	1	Chiếc	117.000	128.700
BIN60000792	MAT PKG,FLR AUX	BỘ THẢM TRẢI SÀN (BAO GỒM 2, 3) (MÀU ĐEN)	1	Chiếc	1.458.000	1.603.800
EEP60001122	RADIO,RECEIVER & CONT	BỘ THU VÀ ĐIỀU KHIỂN RADIO	1	Chiếc	11.343.000	12.477.300
CHS60001030	BAFFLE,RAD AIR LWR	BỘ TIÊU ÂM, PHÍA DƯỚI ĐƯỜNG NẠP KHÍ BỘ TẢN NHIỆT	1	Chiếc	281.000	309.100
SVC60001325	BAFFLE,RAD AIR LWR	BỘ TIÊU ÂM, PHÍA DƯỚI ĐƯỜNG NẠP KHÍ BỘ TẢN NHIỆT	1	Chiếc	223.000	245.300
SVC60000293	BAFFLE,RAD AIR UPR	BỘ TIÊU ÂM, PHÍA TRÊN ĐƯỜNG NẠP KHÍ BỘ TẢN NHIỆT	1	Chiếc	127.000	139.700
CHS60001031	BAFFLE,RAD AIR UPR	BỘ TIÊU ÂM, PHÍA TRÊN ĐƯỜNG NẠP KHÍ BỘ TẢN NHIỆT	1	Chiếc	450.000	495.000
SVC60001324	BAFFLE,RAD AIR UPR	BỘ TIÊU ÂM, PHÍA TRÊN ĐƯỜNG NẠP KHÍ BỘ TẢN NHIỆT	1	Chiếc	249.000	273.900
SVC60000637	BOOSTER KIT,P/B(VAC)	BỘ TRỢ LỰC PHANH (CHÂN KHÔNG) (BAO GỒM 5, 7,10)	1	Chiếc	2.494.000	2.743.400
SVC60000866	RING KIT,PSTN	BỘ XÉC MĂNG (QUÁ KÍCH CỠ 0.25)	1	Chiếc	628.000	690.800
SVC60001378	CYLINDER KIT,FRT S/D LK(UNCODED)	BỘ XY LANH KHÓA CỬA TRƯỚC (KHÔNG CÓ MÃ SỐ)	1	Chiếc	528.000	580.800
SVC60001245	CYLINDER KIT,BRK MAS	BỘ XY LANH PHANH CHÍNH (BAO GỒM 3, 4,8, 10) (4.649)	1	Chiếc	2.138.000	2.351.800
SVC60000841	PUMP,VAC	BƠM CHÂN KHÔNG	1	Chiếc	2.563.000	2.819.300
SVC60000805	PUMP,WAT	BƠM NƯỚC LÀM MÁT (BAO GỒM 11, 14-17,19- 28)	1	Chiếc	4.040.000	4.444.000
SVC60000881	PUMP,WSWA	BƠM NƯỚC RỬA KÍNH	1	Chiếc	390.000	429.000
SVC60000886	BULB,CARGO CTR CTSY LP	BÓNG ĐÈN CỬA HẬU (MỘT PHẦN CỦA 16) (T10-8W)	1	Chiếc	28.000	30.800
SVC60000890	BULB,HDLP	BÓNG ĐÈN PHA (MỘT PHẦN CỦA 1)	1	Chiếc	188.000	206.800
SVC60000897	BULB,RR LIC PLT LP	BÓNG ĐÈN SOI BIỂN SỐ (MỘT PHẦN CỦA 3) (*KIT1) (2.880)	1	Chiếc	16.000	17.600
SVC60000894	BULB,RR FOG	BÓNG ĐÈN SƯƠNG MÙ SAU (MỘT PHẦN CỦA 1) (DÙNG CHO ĐÈN XI NHAN P21W) (2.697)	1	Chiếc	22.000	24.200
SVC60000891	BULB,FRT FOG LP	BÓNG ĐÈN SƯƠNG MÙ TRƯỚC (MỘT PHẦN CỦA 15)	1	Chiếc	388.000	426.800
SVC60000895	BULB,T/SIG	BÓNG ĐÈN XI NHAN (MỘT PHẦN CỦA 1) (2. 679)	1	Chiếc	35.000	38.500
SVC60000908	BULB,DAYTIME RUNNING & PARK/POSN LP	BÓNG ĐÈN, CHẠY XE BAN NGÀY VÀ ĐỖ/ĐÈN ĐỊNH VỊ TRÍ (MỘT PHẦN CỦA 1)	1	Chiếc	89.000	97.900
SVC60000896	BULB,CTR CTSY LP	BÓNG, ĐÈN TRẦN Ở GIỮA (MỘT PHẦN CỦA 1) (W5W) (2.700)	1	Chiếc	12.000	13.200
SVC60000892	BULB,STOP & T/SIG & RR SI MKR LP	BÓNG, ĐÈN XI NHAN VÀ KÍCH THƯỚC PHÍA SAU (MỘT PHẦN CỦA 1)	1	Chiếc	22.000	24.200
STD60000025	STUD,TRANSAXLE	BU GIÔNG BẮT HỘP SỐ	1	Chiếc	23.000	25.300
BIW60001575	STUD,L/GATE STRUT(L/GATE SI)	BU GIÔNG BẮT THANH CHỐNG CỬA NÂNG SAU XE (BẮT CẠNH CỬA NÂNG)	1	Chiếc	16.000	17.600
SVC60001510	STUD KIT,RAD MTG (RPR)	BU GIÔNG CHÂN TẢN NHIỆT (SỬA CHỮA) (BAO GỒM 4-6)	1	Chiếc	933.000	1.026.300
SVC60000430	BOLT,CLU PRESS PLT	BU LÔNG BẮT BÀN ÉP LY HỢP (M8X1. 25X16MM)	1	Chiếc	9.000	9.900
SVC60000419	BOLT,L/GATE HGE(L/GATE SI)	BU LÔNG BẮT BẢN LỀ CỬA HẬU (PHÍA CỬA HẬU) (M8X1, 25MM) (10.230)	1	Chiếc	4.000	4.400
STD60001169	BOLT,FRT S/D HGE(BODY SI)	BU LÔNG BẮT BẢN LỀ CỬA TRƯỚC (SƯỜN XE) (M8X1, 25MM)	1	Chiếc	5.000	5.500
SVC60000471	BOLT,S/GR	BU LÔNG BẮT BÁNH RĂNG LÁI (M12X1. 75X135.9MM) (4.085)	1	Chiếc	34.000	37.400
PWT60000163	BOLT,TRANSAXLE T/CV	BU LÔNG BẮT BIỂN MÔ (M10X1.5X15MM)	1	Chiếc	4.000	4.400
BEX60001213	BOLT,RR LIC PLT	BU LÔNG BẮT BIỂN SỐ(10.186)	1	Chiếc	3.000	3.300
CHS60001168	BOLT,RAD SURGE TK	BU LÔNG BẮT BÌNH NƯỚC LÀM MÁT (M6X1, 0X16MM) (12.212)	1	Chiếc	3.000	3.300
PWT60000060	BOLT,A/TRNS CONT	BU LÔNG BẮT BỘ ĐIỀU KHIỂN HỘP SỐ TỰ ĐỘNG (M6X1.0X25MM) (VÒNG ĐỆM ĐƯỜNG KÍNH 16.8MM) (14.865)	1	Chiếc	6.000	6.600
SVC60000424	BOLT,A/CL	BU LÔNG BẮT BỘ LỌC GIÓ (M5X0.8MM) (*KIT1)	1	Chiếc	6.000	6.600
STD60000116	BOLT,FRT S/D WDO REG	BU LÔNG BẮT BỘ PHẬN ĐIỀU CHỈNH KÍNH CỬA TRƯỚC	1	Chiếc	9.000	9.900
SVC60000450	BOLT,W/PMP	BU LÔNG BẮT BƠM NƯỚC LÀM MÁT (MỘT PHẦN CỦA 18) (M6X1.0X35MM)	1	Chiếc	6.000	6.600
SVC60000405	BOLT,MAP SEN	BU LÔNG BẮT CẢM BIẾN ÁP SUẤT KHÍ NẠP (MAP) (M6X2.2X24MM)	1	Chiếc	74.000	81.400
SVC60000472	BOLT,KNOCK SEN	BU LÔNG BẮT CẢM BIẾN CHỐNG KÍCH NỔ (PHẦN 32) (M8X1.25X39MM)	1	Chiếc	52.000	57.200
SVC60000879	BOLT,RR WHL SPD SEN	BU LÔNG BẮT CẢM BIẾN TỐC ĐỘ BÁNH SAU (M6X1X16.35MM)	1	Chiếc	13.000	14.300
SVC60000423	BOLT,FRT WHL SPD SEN	BU LÔNG BẮT CẢM BIẾN TỐC ĐỘ BÁNH XE TRƯỚC (M6X1.0X18MM)	1	Chiếc	3.000	3.300
BIW60001172	BOLT,F/TNK FIL DR LAT REL CBL LVR	BU LÔNG BẮT CẦN CÁP MỞ CỬA NẮP BÌNH NHIÊN LIỆU (M6X1, 0MM) (12.184)	1	Chiếc	3.000	3.300
SVC60000418	BOLT,REV SHFT LVR	BU LÔNG BẮT CẦN CHUYỂN SỐ LÙI (TÙY CHỌN CÙNG VỚI94500172) (M8X1, 25MM) (LỤC GIÁC CÓ VÒNG ĐỆM) (0.854)	1	Chiếc	6.000	6.600
SVC60000416	BOLT,REV SHFT LVR	BU LÔNG BẮT CẦN CHUYỂN SỐ LÙI (TÙY CHỌN CÙNG VỚI94500214) (M8X1, 25MM)	1	Chiếc	3.000	3.300
STD60000021	BOLT,TRANS MT	BU LÔNG BẮT CHÂN MÁY (DỤNG CỤ KẸP CHỈ SỬ DỤNG MỘT LẦN, HÃY THAY DỤNG CỤ KẸP NẾU BỊ LỎNG HOẶC ĐÃ THÁO RA) (M10X1, 5X61MM)	1	Chiếc	27.000	29.700
SVC60000469	BOLT,FRT BPR ENGY ABS BRKT	BU LÔNG BẮT CHI TIẾT GIẢM VA CHẠM CẢN TRƯỚC (PART OF 6, 19) (M12X1.75X30.8MM) (2.559)	1	Chiếc	18.000	19.800
SVC60001336	BOLT,FRT BRK CLPR GDE PIN	BU LÔNG BẮT CHỐT DẪN HƯỚNG GIÁ MÁ PHANH TRƯỚC (TỪ BỘ KẸP MÁ PHANH)	1	Chiếc	22.000	24.200
SVC60001350	BOLT,SHFT INTLK DTNT	BU LÔNG BẮT CHỐT HÃM LIÊN ĐỘNG CHUYỂN SỐ	1	Chiếc	13.000	14.300
SVC60000453	BOLT,IGN COIL	BU LÔNG BẮT CUỘN ĐÁNH LỬA (MỘT PHẦN CỦA 3) (M6X1, 0X45MM) (3.265)	1	Chiếc	9.000	9.900
SVC60000758	BOLT,FRT BRK HOSE FTG	BU LÔNG BẮT CÚT ỐNG DẦU PHANH TRƯỚC (4.671)	1	Chiếc	19.000	20.900
PWT60000134	BOLT,F/TNK STRP	BU LÔNG BẮT ĐAI GIỮ BÌNH NHIÊN LIỆU	1	Chiếc	14.000	15.400
SVC60000372	BOLT,TMG CHAIN GDE	BU LÔNG BẮT DẪN HƯỚNG XÍCH CAM (MỘT PHẦN CỦA 29) (M6X1X33MM)	1	Chiếc	548.000	602.800
SVC60000468	BOLT,OIL PAN	BU LÔNG BẮT ĐÁY CÁC TE (M6X1X30MM) (0. 206)	1	Chiếc	14.000	15.400
SVC60000457	BOLT,LWR C/CASE	BU LÔNG BẮT ĐÁY CÁC TE (MỘT PHẦN CỦA 19) (M6X1, 0X60MM) (8.900)	1	Chiếc	9.000	9.900
SVC60000429	BOLT,BODY FRT WRG HARN GND	BU LÔNG BẮT DÂY ĐIỆN ĐỘNG CƠ	1	Chiếc	101.000	111.100
BEX60000314	BOLT,HDLP	BU LÔNG BẮT ĐÈN PHA (M4.2X1.41X25.8MM) (CÓ VÒNG ĐỆM PHẲNG)	1	Chiếc	9.000	9.900
STD60000234	BOLT,I/P	BU LÔNG BẮT ĐÈN PHANH SAU XE (M4, 2X1, 41X20MM) (KHÔNG CÓ VÒNG ĐỆM TRÒN) (10. 252)	1	Chiếc	3.000	3.300
STD60001562	BOLT,RR LIC PLT LP	BU LÔNG BẮT ĐÈN SOI BIỂN SỐ (M4.2X1.4MM) (VÍT TỰ REN) (*KIT1)	1	Chiếc	1.000	1.100
SVC60000483	BOLT,O/S RR VIEW MIR T/SIG LP	BU LÔNG BẮT ĐÈN XI NHAN TRÊN GƯƠNG CHIẾU HẬU (MỘT PHẦN CỦA 1) (*KIT1)	1	Chiếc	2.000	2.200
STD60001163	BOLT,FRT S/D CHK LINK(DR SI)	BU LÔNG BẮT ĐÒN CỬA TRƯỚC (SƯỜN CỬA) (M6X1, 0X16MM)	1	Chiếc	3.000	3.300
SVC60000341	BOLT,FRT S/D CHK LINK(BODY SI)	BU LÔNG BẮT ĐÒN CỬA TRƯỚC (SƯỜN XE) (M8X1.25X23MM) (15.222)	1	Chiếc	9.000	9.900
SVC60000470	BOLT,FRT LWR CONT ARM	BU LÔNG BẮT ĐÒN ĐIỀU HIỂN TRƯỚC PHÍA DƯỚI (M12X1, 75X45,8MM) (4.085)	1	Chiếc	18.000	19.800
CHS60000226	BOLT,RR SUSP TRAILING ARM	BU LÔNG BẮT ĐÒN KÉO GIẢM XÓC SAU (5. 506)	1	Chiếc	53.000	58.300
STD60000049	BOLT,TRANS MT BRKT	BU LÔNG BẮT GIÁ BẮT HỘP SỐ (DỤNG CỤ KẸP CHỈ SỬ DỤNG MỘT LẦN, HÃY THAY DỤNG CỤ KẸP NẾU BỊ LỎNG HOẶC ĐÃ THÁO RA) (M10X1. 5X40MM)	1	Chiếc	23.000	25.300
CHS60000187	BOLT,TRANS MT FRM SI BRKT	BU LÔNG BẮT GIÁ BÊN KHUNG CHÂN HỘP SỐ (M10X1.5X40.65MM) (MẶT BÍCH ACORN) (DÙNG CHO MÔ TƠ DẪN ĐỘNG ẮC QUY) (2. 042)	1	Chiếc	14.000	15.400
SVC60001196	BOLT,A/C EVPR BRKT	BU LÔNG BẮT GIÁ LẮP GIÀN LẠNH ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ (PHẦN 32)	1	Chiếc	30.000	33.000
CHS60000191	BOLT,RR S/ABS (AT R/AXL)	BU LÔNG BẮT GIẢM XÓC SAU (TRÊN CẦU SAU) (M10X1.5X65.75MM) (1.060)	1	Chiếc	21.000	23.100
SVC60000474	BOLT,FRT LWR CONT ARM	BU LÔNG BẮT GIẰNG SAU BẮT HỘP SỐ (M12X1.75X80.9MM) (RÔ TUYN DƯỚI PHÍA SAU ĐẾN KHUNG)	1	Chiếc	27.000	29.700
CHS60000246	BOLT,TRANS MT STRUT FRT	BU LÔNG BẮT GIẰNG TRƯỚC BẮT HỘP SỐ (M12X1.75X70.9MM) (PHÍA DƯỚI) (PHÍA SƯỜN SAU) (0.029)	1	Chiếc	42.000	46.200

BẢNG GIÁ PHỤ TÙNG XE VINFAST FADIL

Mã phụ tùng	Tên phụ tùng tiếng Anh	Tên phụ tùng tiếng Việt	Số lượng	Đơn vị	Giá bán lẻ (chưa VAT)	Giá bán lẻ (VAT)
BIW60000062	BOLT,O/S RR VIEW MIR	BU LÔNG BẮT GƯƠNG CHIẾU HẬU (M6X1, 0X23MM) (VÒNG ĐỆM ĐƯỜNG KÍNH 16.8MM) (8.900)	1	Chiếc	6.000	6.600
BIN60000260	BOLT,F/FLR LWR CNSL	BU LÔNG BẮT HỘP HỘP ĐỰNG ĐỒ SÀN TRƯỚC (MỘT PHẦN CỦA 1) (M4X1.46X13. 55MM) (9.262)	1	Chiếc	4.000	4.400
SVC60000790	BOLT,M/TRNS FLUID BFL	BU LONG BẮT HỘP SỐ	1	Chiếc	15.000	16.500
STD60000023	BOLT,TRANSAXLE	BU LÔNG BẮT HỘP SỐ TỰ ĐỘNG (M10X1, 5X48MM)	1	Chiếc	14.000	15.400
CHS60001199	BOLT,BRK & FUEL PIPE CLIP	BU LÔNG BẮT KẸP ỐNG DẦU PHANH VÀ ỐNG NHIÊN LIỆU(4.681)	1	Chiếc	1.000	1.100
SVC60000398	BOLT,BAT TRAY	BU LÔNG BẮT KHAY ẮC QUY (0.659)	1	Chiếc	9.000	9.900
BIW60000254	BOLT,L/GATE LAT	BU LÔNG BẮT KHÓA CỬA HẬU (M8X1, 25X25MM)	1	Chiếc	16.000	17.600
STD60001208	BOLT,FRT S/D LAT	BU LÔNG BẮT KHÓA CỬA SAU (15.394)	1	Chiếc	6.000	6.600
BIW60000144	BOLT,HOOD PRIM & SECD LAT	BU LÔNG BẮT KHÓA SƠ CẤP & THỨ CẤP CA BÔ (M8X1.25X24.05MM)	1	Chiếc	16.000	17.600
SVC60000307	BOLT,FRT WHL HUB	BU LÔNG BẮT LAZANG	1	Chiếc	28.000	30.800
STD60000195	BOLT,RDO FRT S/D SPKR	BU LÔNG BẮT LOA TRÊN CỬA SAU (M4.2X1. 4X25MM)	1	Chiếc	3.000	3.300
STD60000237	BOLT,ELEK BRK CONT WRG HARN GND	BU LÔNG BẮT MÁT BÓ DÂY ĐIỆN ĐÈN TIẾN (M6X1X20, 3MM) (VÒNG ĐỆM FLT LĂN THRD CÓ ĐẦU LỤC GIÁC) (9.647)	1	Chiếc	7.000	7.700
EEP60000164	BOLT,ECM & ENG WRG HARN GND	BU LÔNG BẮT MÁT BÓ DÂY ĐIỆN ECM & ĐỘNG CƠ (M8X1.25X22MM) (KHÔNG CÓ VÒNG ĐỆM)	1	Chiếc	9.000	9.900
BEX60001212	BOLT,RR BPR FASCIA	BU LÔNG BẮT MẶT CẢN SAU (4.2X1.4MM) (2. 587)	1	Chiếc	2.000	2.200
STD60000132	BOLT,FRT BPR FASCIA	BU LÔNG BẮT MẶT CẢN TRƯỚC	1	Chiếc	9.000	9.900
STD60001312	BOLT,F/CMPT INSL	BU LÔNG BẮT MẶT CẢN TRƯỚC (CÙNG VỚI ĐẦU HAI CHẤU) (7.874)	1	Chiếc	3.000	3.300
SVC60000391	BOLT,CYL HD	BU LÔNG BẮT MẶT MÁY (BAO GỒM 13) (M10X1.5X110MM) (*KIT1)	1	Chiếc	27.000	29.700
SVC60001180	BOLT,HTR & A/C EVPR & BLO MDL	BU LÔNG BẮT MÔ ĐUN QUẠT & GIÀN LẠNH ĐIỀU HÒA & BỘ SẤY	1	Chiếc	9.000	9.900
STD60000149	BOLT,HTR & A/C EVPR & BLO MDL	BU LÔNG BẮT MÔ ĐUN QUẠT & GIÀN LẠNH ĐIỀU HÒA & BỘ SẤY (M6X1.00X28) (10.150)	1	Chiếc	5.000	5.500
STD60000052	BOLT,STRTR	BU LÔNG BẮT MÔ TƠ ĐỀ (M10X1.5X45.65MM)	1	Chiếc	17.000	18.700
BEX60000162	BOLT,R/WDO WPR MOT	BU LÔNG BẮT MÔ TƠ GẠT MƯA KÍNH HẬU (M6 X 1.0 X 23)	1	Chiếc	9.000	9.900
SVC60000355	BOLT,RR WHL HUB	BU LÔNG BẮT MOAY Ơ BÁNH SAU	1	Chiếc	23.000	25.300
BIW60000161	BOLT,L/GATE LAT STKR	BU LÔNG BẮT MỐM KHÓA CỬA HẬU (M8X1, 25X25MM)	1	Chiếc	8.000	8.800
SVC60000375	BOLT,ENG FRT CVR	BU LÔNG BẮT NẮP GIÀN CÒ (M6X1X30MM) (0. 206)	1	Chiếc	9.000	9.900
STD60001528	BOLT,F/SEAT RECL FIN CVR	BU LÔNG BẮT NẮP HÃM CƠ CẤU HẠ GHẾ TRƯỚC	1	Chiếc	2.000	2.200
SVC60000489	BOLT,TRANS CVR	BU LÔNG BẮT NẮP HỘP SỐ	1	Chiếc	2.000	2.200
SVC60000571	BOLT,CM/SHF BRG CAP	BU LÔNG BẮT NẮP Ổ BI TRỤC CAM (MỘT PHẦN CỦA 14) (M6X1.0X39.2MM)	1	Chiếc	5.000	5.500
SVC60000749	SPARK PLUG,GAS ENG IGN	BU LÔNG BẮT NẮP Ổ BI TRỤC CAM (MỘT PHẦN CỦA 14) (M6X1.0X39.2MM)	1	Chiếc	286.000	314.600
STD60000054	BOLT,HTR & A/C EVPR MDL	BU LÔNG BẮT ỐNG DẪN NHIÊN LIỆU VÀO BÌNH (M6X1.0X19MM) (CÓ VÒNG ĐỆM PHẲNG) (8.900)	1	Chiếc	6.000	6.600
BEX60001216	BOLT,FRT W/H LNR	BU LÔNG BẮT ỐP VÀNH BÁNH XE (KHÔNG CÓ ĐẦU HAI CHẤU) (12.944)	1	Chiếc	4.000	4.400
STD60000123	BOLT,INTER STRG SHF UPR	BU LÔNG BẮT PHÍA TRÊN TRỤC LÁI TRUNG GIAN	1	Chiếc	14.000	15.400
STD60000183	BOLT,A/C CMPR HOSE	BU LÔNG BẮT TAI TREO ĐỘNG CƠ PHÍA SAU (M8X30MM) (1.540)	1	Chiếc	11.000	12.100
STD60000057	BOLT,DA UPR EXTN PNL OPG CVR	BU LÔNG BẮT TẤM CHẮN BÙN KHOANG PHÍA TRƯỚC (M6X1, 0X20MM) (10.230)	1	Chiếc	5.000	5.500
SVC60000431	BOLT,S/S	BU LÔNG BẮT TẤM CHẮN NẮNG (MỘT PHẦN CỦA 10) (M4.2X1.41X22.8MM)	1	Chiếc	4.000	4.400
SVC60000465	BOLT,ENG FRT CVR	BU LÔNG BẮT TẤM ĐẬY PHÍA TRƯỚC ĐỘNG CƠ	1	Chiếc	18.000	19.800
SVC60000392	BOLT,ENG FRT CVR	BU LÔNG BẮT TẤM ĐẬY PHÍA TRƯỚC ĐỘNG CƠ (67MM)	1	Chiếc	46.000	50.600
SVC60000388	BOLT,ENG FRT CVR	BU LÔNG BẮT TẤM ĐẬY PHÍA TRƯỚC ĐỘNG CƠ (M6X1X60MM)	1	Chiếc	84.000	92.400
STD60000197	BOLT,FRT S/D TR	BU LÔNG BẮT TẤM HƯỚNG GIÓ MẶT NẠ CẢN TRƯỚC (M4, 2X1,41X20MM) (CÓ VÒNG ĐỆM PHẲNG) (8.977)	1	Chiếc	3.000	3.300
SVC60000397	BOLT,SHFT INTLK PLT	BU LÔNG BẮT TẤM LIÊN ĐỘNG CHUYỂN SỐ	1	Chiếc	5.000	5.500
BIN60000119	BOLT,I/P STRG COL LWR TR CVR	BU LÔNG BẮT TẤM ỐP PHÍA DƯỚI TRỤ LÁI TRÊN TÁP LÔ (M4X1.79X16MM)	1	Chiếc	5.000	5.500
SVC60000464	BOLT,TMG CHAIN TENSR	BU LÔNG BẮT TĂNG XÍCH CAM (MỘT PHẦN CỦA 5) (M8X1, 25X50MM) (PHÍA TRÊN) (0.206)	1	Chiếc	12.000	13.200
SVC60000462	BOLT,TMG CHAIN TENSR	BU LÔNG BẮT TĂNG XÍCH CAM (MỘT PHẦN CỦA 5) (M8X1.25X40.7MM) (PHÍA DƯỚI) (2.277)	1	Chiếc	12.000	13.200
BIW60001162	BOLT,RR S/D O/S HDL	BU LÔNG BẮT TAY NẮM NGOÀI CỬA SAU (M6X1, 0MM)	1	Chiếc	3.000	3.300
STD60001206	BOLT,FRT S/D I/S HDL	BU LÔNG BẮT TAY NẮM TRONG CỬA SAU (M16MM) (14.683)	1	Chiếc	2.000	2.200
SVC60000477	BOLT,S/S SUPT	BU LÔNG BẮT THANH ĐỠ CHẮN NẮNG (MỘT PHẦN CỦA 1) (M4, 2X1,41X25MM) (ĐẦU TRÒN)	1	Chiếc	5.000	5.500
SVC60000363	BOLT,FRT SUSP STRUT	BU LÔNG BẮT THANH GIẰNG GIẢM XÓC TRƯỚC (M12X1.75X62MM) (CÓ KHÍA)	1	Chiếc	34.000	37.400
SVC60000390	BOLT,PCV VLV	BU LÔNG BẮT VAN THÔNG HƠI ĐÁY CÁC TE (CHI TIẾT CỦA 7, 12)	1	Chiếc	373.000	410.300
BIW60000428	BOLT,F/FDR	BU LÔNG BẮT VÈ TRƯỚC (ĐỂ GẮN LẮP ĐÁY VÈ XE)	1	Chiếc	5.000	5.500
BIW60001215	BOLT,F/FDR	BU LÔNG BẮT VÈ TRƯỚC(M6X1,0MM)	1	Chiếc	2.000	2.200
SVC60000426	BOLT,TRANS CASE	BU LÔNG BẮT VỎ HỘP SỐ (M8X1, 25MM) (HỘP BÊN TRÁI SANG HỘP BÊN PHẢI)	1	Chiếc	5.000	5.500
SVC60001005	BOLT,REV GR HSG	BU LÔNG BẮT VỎ SỐ LÙI	1	Chiếc	6.000	6.600
SVC60001040	BOLT,VLV BODY CVR	BU LÔNG BẮT VỎ THÂN VAN (DÙNG CHO CỤM PAN - DẦU, 31377 1XB0C) (4.196)	1	Chiếc	101.000	111.100
SVC60001235	BOLT,RR BRK CYL	BU LÔNG BẮT XI LANH PHANH SAU (MỘT PHẦN CỦA 16)	1	Chiếc	9.000	9.900
SVC60000548	BOLT,CR/SHF BALR	BU LÔNG BỘ CÂN BẰNG TRỤC KHUỶU (M14X1.5X70MM)	1	Chiếc	49.000	53.900
STD60000048	BOLT,DRV BELT TENSR	BU LÔNG BỘ CĂNG ĐAI TRUYỀN ĐỘNG (M10X1.5X100.75MM) (2.277)	1	Chiếc	33.000	36.300
SVC60000463	BOLT,W/PMP HSG	BU LÔNG BƠM CHÂN KHÔNG (PHẦN 46) (M8X1.25X45.7MM) (0.004)	1	Chiếc	13.000	14.300
SVC60000473	BOLT,LWR C/CASE	BU LÔNG CÁC TE DƯỚI	1	Chiếc	9.000	9.900
SVC60000547	BOLT,LWR C/CASE	BU LÔNG CÁC TE DƯỚI (M8X1.25X98MM)	1	Chiếc	14.000	15.400
SVC60001124	BOLT,MASS AIRFLOW SEN	BU LÔNG CẢM BIẾN LUỒNG KHÍ (M4X1. 79X16MM) (*KIT1)	1	Chiếc	6.000	6.600
SVC60001123	BOLT,BRK PED POSN SEN	BU LÔNG CẢM BIẾN VỊ TRÍ BÀN ĐẠP CÔN (MỘT PHẦN CỦA 13) (4.634)	1	Chiếc	19.000	20.900
SVC60000395	BOLT,CM/SHF POSN ACTR	BU LÔNG CẦN DẪN ĐỘNG VỊ TRÍ TRỤC CAM	1	Chiếc	155.000	170.500
SVC60000562	BOLT,CM/SHF POSN ACTR	BU LÔNG CẦN DẪN ĐỘNG VỊ TRÍ TRỤC CAM	1	Chiếc	14.000	15.400
SVC60000396	STUD,CTLTC CONV	BU LÔNG CẤY BẮT BẦU TRUNG HÒA KHÍ THẢI (3.342)	1	Chiếc	17.000	18.700
SVC60000387	STUD,ENG FRT CVR	BU LÔNG CẤY BẮT VỎ TRỤC CAM (M6X1X19/31MM)	1	Chiếc	25.000	27.500
SVC60000467	STUD,CM/SHF HSG CVR	BU LÔNG CẤY, NẮP CAM (MỘT PHẦN CỦA 12) (M6X1.0X39.1MM) (3.265)	1	Chiếc	61.000	67.100
SVC60000408	BOLT,IGN & START SW	BU LÔNG CÔNG TẮC KHỞI ĐỘNG & KHÓA ĐIỆN (M4X1.41X8MM) (*KIT1) (14.865)	1	Chiếc	249.000	273.900
BIW60001165	BOLT,F/TNK FIL DR	BU LÔNG CỬA ĐỔ NHIÊN LIỆU (M5X0.8MM)	1	Chiếc	2.000	2.200
SVC60000549	BOLT,WAT OTLT	BU LÔNG CỬA NƯỚC RA (PHẦN 47) (M6X1X34MM)	1	Chiếc	180.000	198.000
EEP60000273	BOLT,RDO CONT	BU LÔNG ĐIỀU KHIỂN ĐÀI (M4, 2X1,41) (1.303)	1	Chiếc	2.000	2.200
STD60000417	BRACE,F/SEAT BK FRM	BU LÔNG GHẾ TRƯỚC TRÁI	1	Chiếc	5.000	5.500
CHS60000165	BOLT,STRG COL LWR SUPT BRKT	BU LÔNG GIÁ ĐỠ PHÍA DƯỚI TRỤ LÁI (M8X1, 25X121MM) (1.428)	1	Chiếc	23.000	25.300
CHS60000129	BOLT,ENG MT BRKT	BU LÔNG GIÁ LẮP ĐỘNG CƠ (0.022)	1	Chiếc	27.000	29.700
SVC60001250	BOLT,FRT BRK CLPR	BU LÔNG GIÁ MÁ PHANH TRƯỚC	1	Chiếc	23.000	25.300
STD99000028	HEX-HEAD SCREW M6X20-U1-8.8-ZNS3	BU LÔNG M6X20	1	Chiếc	2.000	2.200
STD60000039	BOLT,A/C CMPR	BU LÔNG MÁY NÉN ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ (M8 X 88MM)	1	Chiếc	23.000	25.300
STD60000050	BOLT,GEN	BU LÔNG MÁY PHÁT (M8X1.25X105MM) (1. 428)	1	Chiếc	16.000	17.600
SVC60000491	BOLT,FRT S/D WDO REG MOT	BU LÔNG MÔ TƠ BỘ ĐIỀU KHIỂN CỬA KÍNH TRƯỚC (MỘT PHẦN CỦA 4) (M4.1X2.0MM)	1	Chiếc	4.000	4.400

BẢNG GIÁ PHỤ TÙNG XE VINFAST FADIL

Mã phụ tùng	Tên phụ tùng tiếng Anh	Tên phụ tùng tiếng Việt	Số lượng	Đơn vị	Giá bán lẻ (chưa VAT)	Giá bán lẻ (VAT)
SVC60001261	BOLT,WSW MOT	BU LÔNG MÔ TƠ THANH GẠT NƯỚC	1	Chiếc	9.000	9.900
BIN60001586	BOLT,F/SEAT ADJR FIN CVR	BU LÔNG NẮP HÃM BỘ ĐIỀU CHỈNH GHẾ TRƯỚC (M6X1.81X12MM) (11.649)	1	Chiếc	1.000	1.100
SVC60000357	BOLT,CM/SHF BRG FRT CAP	BU LÔNG NẮP Ổ BI TRỤC CAM TRƯỚC (MỘT PHẦN CỦA 14)	1	Chiếc	9.000	9.900
SVC60000438	BOLT,HTR & A/C EVPR & BLO MDL	BU LÔNG QUẠT VÀ DÀN LẠNH ĐIỀU HÒA	1	Chiếc	9.000	9.900
SVC60000560	BOLT,F/INJN FUEL RL	BU LÔNG RAY NHIÊN LIỆU CỦA ĐẦU PHUN NHIÊN LIỆU (3.374)	1	Chiếc	9.000	9.900
SVC60000485	BOLT,FRT BRK ROT	BU LÔNG RÔ TO PHANH TRƯỚC	1	Chiếc	2.000	2.200
SVC60000484	BOLT,FRT BRK SHLD	BU LÔNG TẤM CHẮN PHANH TRƯỚC (6.308)	1	Chiếc	2.000	2.200
SVC60000829	BOLT,FRT S/D TR	BU LÔNG TẤM ỐP CỬA TRƯỚC (MỘT PHẦN CỦA 14)	1	Chiếc	2.000	2.200
SVC60001077	BOLT,VLV BODY	BU LÔNG THÂN VAN	1	Chiếc	23.000	25.300
BIW60001525	BOLT,L/GATE STRUT BRKT(L/GATE SI)	BU LÔNG THANH CHỐNG CỬA NÂNG SAU XE (CẠNH CỬA NÂNG)	1	Chiếc	5.000	5.500
STD60000066	BOLT,BAT TRAY	BU LÔNG THANH GIẰNG BẰNG TÁP LÔ M8X1.25X25,20	1	Chiếc	14.000	15.400
BIN60000172	BOLT,I/P COMPT BRKT	BU LÔNG TRỤC CAM	1	Chiếc	9.000	9.900
SVC60000420	BOLT,SHFT CONT HSG	BU LÔNG VỎ BỘ ĐIỀU KHIỂN TRỤC (M8X1. 25X25.0MM) (1.153)	1	Chiếc	6.000	6.600
BIN60000253	BOLT,STRG WHL	BU LÔNG VÔ LĂNG (M15X1, 5X29MM)	1	Chiếc	39.000	42.900
STD60000173	BOLT,CM/SHF POSN ACTR SOL VLV	BU LÔNG VÒI PHUN DẦU PIT TÔNG (MỘT PHẦN CỦA 29) (M6X1X20MM) (OD 14, 2) (12. 188)	1	Chiếc	5.000	5.500
SVC60000421	BOLT,CLU ACTR CYL	BU LÔNG XY LANH CẦN DẪN ĐỘNG LY HỢP (M6X1X16MM) (2.383)	1	Chiếc	3.000	3.300
BIN60000177	BOLT,R/SEAT BK HGE	BU LÔNG, BẢN LỀ LƯNG GHẾ SAU (M8X20MM) (LỤC GIÁC) (4.128)	1	Chiếc	9.000	9.900
SVC60000415	BOLT,HOOD HGE (BODY SI)	BU LÔNG, BẢN LỀ NẮP CA PÔ (CẠNH THÂN XE) (3.275)	1	Chiếc	3.000	3.300
BIW60000272	BOLT,HOOD PRIM LAT REL CBL	BU LÔNG, BẮT DÂY CÁP NHẢ CHỐT KHÓA CHÍNH NẮP CA-PÔ (10.701)	1	Chiếc	5.000	5.500
BIN60001176	BOLT,R/SEAT BK FRM	BU LÔNG, BẮT KHUNG LƯNG GHẾ SAU (M8X1, 25MM)	1	Chiếc	9.000	9.900
STD60001588	BOLT,F/SEAT BK FRM	BU LÔNG, BẮT KHUNG LƯNG GHẾ TRƯỚC (M12X1.25X15MM) (11.377)	1	Chiếc	9.000	9.900
SVC60000389	BOLT,CR/SHF OIL DFL	BU LÔNG, BẮT TẤM HẮT DẦU TRỤC KHUỶU (MỘT PHẦN CỦA 7) (M6X1X25MM)	1	Chiếc	9.000	9.900
SVC60001078	BOLT,A/TRNS FLUID FLTR	BU LÔNG, BẦU LỌC DẦU HỘP SỐ TỰ ĐỘNG (4 226)	1	Chiếc	23.000	25.300
CHS60000190	BOLT,S/KNU(AT FRT LWR CONT ARM)	BU LÔNG, CAM LÁI (Ở CẦN ĐIỀU KHIỂN BÊN DƯỚI PHÍA TRƯỚC) (M10X1.5X60.75MM) (2. 277)	1	Chiếc	17.000	18.700
BIN60001539	BOLT,F/SEAT ADJR VERT ACTR HDL	BU LÔNG, CẦN ĐIỀU CHỈNH CAO THẤP GHẾ TRƯỚC (11.561)	1	Chiếc	2.000	2.200
SVC60000411	BOLT,STRG WHL AIRBAG COIL	BU LÔNG, CUỘN DÂY TÚI KHÍ BÁNH LÁI (M3X12MM) (ĐẦU BỔN CHẤU) (*KIT1) (2.188)	1	Chiếc	234.000	257.400
BEX60001214	BOLT,RR W/H LNR RR BR	BU LÔNG, ĐAI NỐI SAU LỚP LÓT BIN LÁI SAU (M4.2X1.4MM) (VÍT TỰ REN) (CÓ VÒNG ĐỆM) (8.214)	1	Chiếc	4.000	4.400
PWT60000130	BOLT,A/TRNS CONT BRKT	BU LÔNG, GIÁ BẮT ĐIỀU KHIỂN HỘP SỐ TỰ ĐỘNG	1	Chiếc	9.000	9.900
SVC60001176	BOLT,STRG COL CONT MDL BRKT	BU LÔNG, GIÁ BẮT MÔ ĐUN ĐIỀU KHIỂN TRỤ LÁI	1	Chiếc	9.000	9.900
SVC60001175	BOLT,STRG COL CONT MDL BRKT	BU LÔNG, GIÁ BẮT MÔ ĐUN ĐIỀU KHIỂN TRỤ LÁI (6.518)	1	Chiếc	14.000	15.400
CHS60000121	BOLT/SCREW,DRIVETRAIN & FRT SUSP CRADLE	BU LÔNG, HỆ THỐNG TRUYỀN ĐỘNG & PHÍA SAU GIÁ ĐỠ KHUNG TREO TRƯỚC	1	Chiếc	43.000	47.300
STD60000030	BOLT,FRT GRL	BU LÔNG, LƯỚI TRƯỚC (M4.2X1.4MM) (VÍT TỰ REN) (KHÔNG CÓ VÒNG ĐỆM) (2.726)	1	Chiếc	2.000	2.200
SVC60000486	BOLT,FRT GRL	BU LÔNG, LƯỚI TRƯỚC (MỘT PHẦN CỦA 1) (M4.2X1.4X13MM) (VÍT TỰ REN) (KHÔNG CÓ VÒNG ĐỆM) (10.772)	1	Chiếc	2.000	2.200
BIW60001196	BOLT,RR S/D WDO W/STR	BU LÔNG, MIẾNG CHẮN BỤI CỬA SỔ CỬA HÔNG PHÍA SAU (M4X0.7MM) (10.474)	1	Chiếc	2.000	2.200
SVC60000545	BOLT,ASST HDL	BU LÔNG, MÓC ÁO KHOÁC (MỘT PHẦN CỦA 5) (M6X1X25.0MM) (15.390)	1	Chiếc	26.000	28.600
SVC60001147	BOLT,ACCEL PED PAD	BU LÔNG, TẤM LÓT BÀN ĐẠP LY HỢP (*KIT1)	1	Chiếc	23.000	25.300
STD60001174	BOLT,FRT S/D LAT STKR	BU LÔNG, TẤM ỐP CHỐT KHÓA CỬA TRƯỚC (M8X1,25MM)	1	Chiếc	3.000	3.300
SVC60000482	BOLT,O/S RR VIEW MIR OPG APLQ	BU LÔNG, TẤM TRANG TRÍ KHE HỞ GƯƠNG CHIẾU HẬU BÊN NGOÀI (MỘT PHẦN CỦA 10) (*KIT1)	1	Chiếc	2.000	2.200
BIN60000068	BOLT,I/P AIRBAG	BU LÔNG, TÚI KHÍ BẰNG TÁP LÔ (M6X1. 0X30MM) (2.726)	1	Chiếc	14.000	15.400
BIN60000232	BOLT,I/P AIRBAG	BU LÔNG, TÚI KHÍ BẰNG TÁP LÔ (M6X1X25MM) (LOẠI LỤC GIÁC CÓ VÒNG ĐỆM PHẲNG) (8.900)	1	Chiếc	15.000	16.500
STD60001557	BOLT,F/SEAT BK FRM	BU LÔNG,BẢN LỀ LƯNG GHẾ TRƯỚC	1	Chiếc	9.000	9.900
CHS60001268	BOLT,SPA WHL STOW	BU ÔNG BẮT BÁNH XE DỰ PHÒNG	1	Chiếc	43.000	47.300
SVC60001204	BOLT,PARK BRK IND SW	BULÔNG, CÔNG TẮC ĐÈN BÁO PHANH TAY (MỘT PHẦN CỦA 1)	1	Chiếc	41.000	45.100
SVC60001049	BOLT,A/TRNS MAN SHFT SHF POSN SW	BULÔNG, CÔNG TẮC VỊ TRÍ CỦA TRỤC SANG SỐ BẰNG TAY HỘP SỐ TỰ ĐỘNG (4.329)	1	Chiếc	108.000	118.800
STD60001201	BOLT,I/P CTR AIR OTLT DUCT	BULÔNG, ĐẦU RA BỘ SẤY KÍNH CỬA SỔ BÊN (M4.8X1.6X16MM) (10.252)	1	Chiếc	2.000	2.200
BIN60000126	BOLT,F/SEAT	BULÔNG, GHẾ TRƯỚC (M10X1MM) (ĐẦU CÓ REN)	1	Chiếc	23.000	25.300
STD60000064	BOLT,FRT BPR IMP BAR REINF	BULÔNG, GIA CƯỜNG THANH CHỐNG VA ĐẬP CÁN TRƯỚC (M8X1,25X20MM) (5.598)	1	Chiếc	9.000	9.900
PWT60000265	BOLT,TCM BRKT	BULÔNG, GIÁ ĐỠ MÔ ĐUN ĐIỀU KHIỂN HỘP SỐ (9.680)	1	Chiếc	9.000	9.900
SVC60000352	BOLT,TRANS MT STRUT BRKT	BULÔNG, GIÁ ĐỠ THANH GIẰNG HỘP SỐ SÀN (M10X1.5X45MM) (4.085)	1	Chiếc	23.000	25.300
CHS60000245	BOLT,TRANS MT STRUT BRKT	BULÔNG, GIÁ ĐỠ THANH GIẰNG HỘP SỐ SÀN (M12X8,0X60MM) (4.085)	1	Chiếc	23.000	25.300
SVC60001043	BOLT,FWD CLU & LOW & REV BAND LUB FLUID PIPE	BULÔNG, ỐNG DẦU BÔI TRƠN ĐAI LY HỢP SỐ TIẾN, SỐ LÙI VÀ SỐ THẤP (4.133)	1	Chiếc	91.000	100.100
SVC60000425	BOLT,F/FDR INR PNL BRKT	BULÔNG, TẤM GẮN BA-ĐỜ-XỐC ĐẦU TRƯỚC VÀ ĐÈN ĐẦU (M6X1,0MM) (CHÂN BẮT CẠNH) (8.131)	1	Chiếc	3.000	3.300
CHS60000115	BOLT,RR SUSP STRUT	BULÔNG, THANH GIẰNG GIẢM XÓC TRƯỚC	1	Chiếc	9.000	9.900
BIN60000120	BOLT,DM LP HSG	BULÔNG, VỎ ĐÈN TRẦN XE (M4.2X1.41X13MM) (8.900)	1	Chiếc	1.000	1.100
BIN60001524	LENS,CTR CTSY LP	CÁC GƯƠNG, ĐÈN TRẦN Ở GIỮA	1	Chiếc	54.000	59.400
SVC60000747	INSULATOR,CM/SHF HSG CVR	CÁCH NHIỆT VỎ TRỤC CAM	1	Chiếc	80.000	88.000
CHS60001315	STEM,SPARE TIRE VLV	CÁI CẦN, XU PÁP LỐP BÁNH XE DỰ PHÒNG (KHÔNG CÓ NẮP)	1	Chiếc	29.000	31.900
SVC60000726	SENSOR,MAP	CẢM BIẾN ÁP SUẤT KHÍ NẠP (MAP) (BAO GỒM 5)	1	Chiếc	740.000	814.000
EEP60000321	SENSOR,BAT CUR	CẢM BIẾN BÁO DÒNG ĐIỆN ẮC-QUI	1	Chiếc	449.000	493.900
BEX60000199	SENSOR ASM,PARK ASST ALARM	CẢM BIẾN HỖ TRỢ ĐỖ XE	1	Chiếc	661.000	727.100
SVC60000989	SENSOR,MASS AIRFLOW	CẢM BIẾN LƯU LƯỢNG KHÍ NẠP (*KIT1)	1	Chiếc	3.187.000	3.505.700
SVC60000940	SENSOR KIT,FUEL LVL	CẢM BIẾN MỨC NHIÊN LIỆU (BAO GỒM 14)	1	Chiếc	1.115.000	1.226.500
SVC60001195	SENSOR,A/C EVPR AIR TEMP	CẢM BIẾN NHIỆT ĐỘ GIÀN LẠNH	1	Chiếc	174.000	191.400
CHS60000309	SENSOR,I/S AIR MSTRE & W/S TEMP	CẢM BIẾN NHIỆT ĐỘ KÍNH CHẮN GIÓ & ĐỘ ẨM KHÔNG KHÍ TRONG XE	1	Chiếc	779.000	856.900
CHS60000400	SENSOR,AMB AIR TEMP GA	CẢM BIẾN NHIỆT ĐỘ MÔI TRƯỜNG	1	Chiếc	49.000	53.900
BIN60000040	SENSOR,SUN LOAD TEMP	CẢM BIẾN NHIỆT MẶT TRỜI	1	Chiếc	310.000	341.000
SVC60001248	SENSOR,RR WHL SPD	CẢM BIẾN TỐC ĐỘ BÁNH SAU	1	Chiếc	424.000	466.400
SVC60001249	SENSOR,RR WHL SPD	CẢM BIẾN TỐC ĐỘ BÁNH SAU	1	Chiếc	424.000	466.400
SVC60000630	SENSOR,FRT WHL SPD	CẢM BIẾN TỐC ĐỘ BÁNH XE TRƯỚC	1	Chiếc	539.000	592.900
SVC60001047	SENSOR,A/TRNS INPUT SPD	CẢM BIẾN TỐC ĐỘ TRỤC SƠ CẤP HỘP SỐ TỰ ĐỘNG	1	Chiếc	809.000	889.900
SVC60001046	SENSOR,A/TRNS OUTPUT SPD	CẢM BIẾN TỐC ĐỘ TRỤC THỨ CẤP HỘP SỐ TỰ ĐỘNG	1	Chiếc	809.000	889.900
SVC60000942	SENSOR,BRK PED POSN	CẢM BIẾN VỊ TRÍ CHÂN PHANH (*KIT1)	1	Chiếc	347.000	381.700
SVC60000693	SENSOR,CM/SHF POSN	CẢM BIẾN VỊ TRÍ TRỤC CAM (CHI TIẾT CỦA 12) (BAO GỒM 5)	1	Chiếc	742.000	816.200
SVC60000703	SENSOR,ENG COOL TEMP	CẢM BIẾN VỊ TRÍ TRỤC KHUỶU (CHI TIẾT CỦA 47) (BAO GỒM 46) (CÓ 2 ĐỆM LÀM KÍN)	1	Chiếc	253.000	278.300
SVC60001192	SENSOR,FLR AIR TEMP	CẢM BIẾN, NHIỆT ĐỘ KHÔNG KHÍ TRONG ỐNG	1	Chiếc	174.000	191.400
PWT60000015	SENSOR,HTD OXY (POST-CATALYST BANK 1 SEN 2)	CẢM BIẾN, Ô XI KHÍ XẢ (TRƯỚC XÚC TÁC DÃY 1 CẢM BIẾN 1)	1	Chiếc	1.565.000	1.721.500

BẢNG GIÁ PHỤ TÙNG XE VINFAST FADIL

Mã phụ tùng	Tên phụ tùng tiếng Anh	Tên phụ tùng tiếng Việt	Số lượng	Đơn vị	Giá bán lẻ (chưa VAT)	Giá bán lẻ (VAT)
EEP60000319	SENSOR,AIRBAG F/END DISCRM	CẢM BIẾN, PHÁN ĐOÁN PHÍA TRƯỚC TÚI KHÍ (AUTOLIV SDM30 TƯƠNG THÍCH VỚI ESS)	1	Chiếc	1.394.000	1.533.400
SVC60001227	CAM,FUEL SDR	CAM BƠM NHIÊN LIỆU	1	Chiếc	80.000	88.000
SVC60000731	KNUCKLE,STRG	CAM LÁI	1	Chiếc	792.000	871.200
SVC60000736	KNUCKLE,STRG	CAM LÁI	1	Chiếc	792.000	871.200
BEX60000201	CAMERA,RR VIEW	CAMERA LÙI	1	Chiếc	2.737.000	3.010.700
SVC60000311	WEIGHT,12.5 GRAM WHL BAL	CÂN BẰNG LỐP	1	Chiếc	14.000	15.400
SVC60000314	WEIGHT,22.5 GRAM WHL BAL	CÂN BẰNG LỐP	1	Chiếc	13.000	14.300
SVC60000316	WEIGHT,27.5 GRAM WHL BAL	CÂN BẰNG LỐP	1	Chiếc	14.000	15.400
SVC60000309	WEIGHT,7.5 GRAM WHL BAL	CÂN BẰNG LỐP	1	Chiếc	9.000	9.900
SVC60000310	WEIGHT,WHL BAL(10 GRAM)	CÂN BẰNG LỐP	1	Chiếc	11.000	12.100
SVC60000312	WEIGHT,WHL BAL(15 GRAM)	CÂN BẰNG LỐP	1	Chiếc	12.000	13.200
SVC60000313	WEIGHT,WHL BAL(20 GRAM)	CÂN BẰNG LỐP	1	Chiếc	13.000	14.300
SVC60000315	WEIGHT,WHL BAL(25 GRAM)	CÂN BẰNG LỐP	1	Chiếc	14.000	15.400
SVC60000317	WEIGHT,WHL BAL(30 GRAM)	CÂN BẰNG LỐP	1	Chiếc	14.000	15.400
SVC60000319	WEIGHT,WHL BAL(35 GRAM)	CÂN BẰNG LỐP	1	Chiếc	15.000	16.500
SVC60000320	WEIGHT,WHL BAL(40 GRAM)	CÂN BẰNG LỐP	1	Chiếc	16.000	17.600
SVC60000321	WEIGHT,WHL BAL(45 GRAM)	CÂN BẰNG LỐP	1	Chiếc	17.000	18.700
SVC60000308	WEIGHT,WHL BAL(5 GRAM)	CÂN BẰNG LỐP	1	Chiếc	9.000	9.900
SVC60000322	WEIGHT,WHL BAL(50 GRAM)	CÂN BẰNG LỐP	1	Chiếc	18.000	19.800
SVC60000323	WEIGHT,WHL BAL(55 GRAM)	CÂN BẰNG LỐP	1	Chiếc	20.000	22.000
SVC60000333	WEIGHT,WHL BAL(60 GRAM)	CÂN BẰNG LỐP	1	Chiếc	20.000	22.000
SVC60001256	ARM,WSW	CẦN CHỔI GẠT MƯA KÍNH CHẮN GIÓ	1	Chiếc	262.000	288.200
SVC60001258	ARM,WSW	CẦN CHỔI GẠT MƯA KÍNH CHẮN GIÓ	1	Chiếc	272.000	299.200
SVC60001349	LEVER,REV SHFT	CẦN CHUYỂN SỐ LÙI	1	Chiếc	107.000	117.700
BIW60000468	LEVER,F/TNK FIL DR LAT REL CBL	CẦN DẪN CÁP MỞ CỬA MIỆNG ĐỔ NHIÊN LIỆU	1	Chiếc	216.000	237.600
SVC60000851	ACTUATOR,AIR INL VLV	CẦN DẪN ĐỘNG, VAN KHÍ NẠP	1	Chiếc	412.000	453.200
SVC60000706	ACTUATOR,CM/SHF POSN	CẦN DẪN ĐỘNG, VỊ TRÍ TRỤC CAM (TÙY CHỌN CÙNG VỚI12655753)	1	Chiếc	2.151.000	2.366.100
BIN60001542	HANDLE,F/SEAT VERT ACTR	CẦN ĐIỀU CHỈNH GHẾ THEO PHƯƠNG THẲNG ĐỨNG (MÀU ĐEN)	1	Chiếc	135.000	148.500
SVC60001019	LEVER,SEL CONT	CẦN ĐIỀU KHIỂN CHUYỂN SỐ (*KIT1)	1	Chiếc	246.000	270.600
SVC60001370	LEVER,5TH & REV SYNC	CẦN ĐỒNG TỐC SỐ 5 & SỐ LÙI (MỘT PHẦN CỦA 24) (4.383)	1	Chiếc	164.000	180.400
SVC60001260	ARM,R/WDO WPR	CẦN GẠT MƯA KÍNH SAU	1	Chiếc	131.000	144.100
SVC60001072	LEVER,A/TRNS RANGE SEL	CẦN LỰA CHỌN HỘP SỐ TỰ ĐỘNG	1	Chiếc	516.000	567.600
CHS60000454	LEVER,PARK BRK	CẦN PHANH TAY (BAO GỒM 3, 6)	1	Chiếc	767.000	843.700
BIW60001573	BUMPER,HOOD FRT	CẢN PHÍA TRƯỚC NẮP CA BÔ (HÌNH TRÒN) (LOẠI CỐ ĐỊNH)	1	Chiếc	6.000	6.600
SVC60001099	BUMPER,FRT SUSP STRUT	CẢN THANH GIẰNG GIẢM XÓC TRƯỚC	1	Chiếc	145.000	159.500
SVC60001079	LEVER,MAN SHFT SHF	CẦN TRỤC CHUYỂN SỐ BẰNG TAY (4.220)	1	Chiếc	73.000	80.300
BIW60001260	BUMPER,F/TNK FIL DR HGE	CẢN, BẢN LỀ CỬA NẠP BÌNH NHIÊN LIỆU	1	Chiếc	3.000	3.300
SVC60001348	ARM,REV SHFT FORK	CÀNG GẠT, CÀNG GẠT CHUYỂN SỐ LÙI	1	Chiếc	243.000	267.300
SVC60000820	BODY,THROT (W/SEN)	CẠNH THÂN XE, BƯỚM GA (CÓ CẢM BIẾN)	1	Chiếc	3.221.000	3.543.100
SVC60001213	BOOT KIT,S/GR	CAO SU BÁNH RĂNG LÁI (BAO GỒM 4, 9) (*KIT1)	1	Chiếc	265.000	291.500
BEX60001343	GROMMET,R/WDO WPR MOT	CAO SU ĐỆM MÔ TƠ GẠT MƯA KÍNH HẬU	1	Chiếc	27.000	29.700
SVC60000330	BUMPER,RR S/ABS	CAO SU GIẢM XÓC SAU	1	Chiếc	234.000	257.400
SVC60001102	INSULATOR,RR COIL SPR	CAO SU LÒ XO GIẢM XÓC SAU	1	Chiếc	66.000	72.600
SVC60001738	BOOT KIT,FRT WHL DRV SHF CV JT OTR	CAO SU NGOÀI BÁN TRỤC TRƯỚC	1	Chiếc	345.000	379.500
SVC60001283	BOOT KIT,FRT WHL DRV SHF CV JT OTR	CAO SU NGOÀI BÁN TRỤC TRƯỚC (CHI TIẾT CỦA 1, 2) (BAO GỒM 3,4,6)	1	Chiếc	345.000	379.500
SVC60001282	BOOT KIT,FRT WHL DRV SHF CV JT OTR	CAO SU NGOÀI BÁN TRỤC TRƯỚC (CHI TIẾT CỦA 1, 2) (BAO GỒM 3,4,6)	1	Chiếc	298.000	327.800
SVC60001103	INSULATOR,RR COIL SPR LWR	CAO SU PHÍA TRÊN LÒ XO GIẢM XÓC SAU	1	Chiếc	54.000	59.400
SVC60001247	CABLE,TEMP CONT	CÁP ĐIỀU KHIỂN NHIỆT ĐỘ (MỘT PHẦN CỦA 2)	1	Chiếc	101.000	111.100
BIW60000455	CABLE,F/TNK FIL DR LAT REL	CÁP NHẢ KHÓA CỬA ĐỔ NHIÊN LIỆU	1	Chiếc	91.000	100.100
BIW60000409	CABLE,HOOD PRIM LAT REL	CÁP NHẢ KHÓA SƠ CẤP NẮP CA BÔ (MÀU ĐEN)	1	Chiếc	237.000	260.700
SVC60001393	CABLE,PARK BRK RR	CÁP PHANH TAY	1	Chiếc	410.000	451.000
SVC60001394	CABLE,PARK BRK RR	CÁP PHANH TAY	1	Chiếc	410.000	451.000
EEP60000578	CABLE,DIGITAL RDO ANTENNA	CÁP, ĂNG TEN RADIO KỸ THUẬT SỐ	1	Chiếc	500.000	550.000
EEP60001523	CABLE,DIGITAL RDO ANTENNA	CÁP, ĂNG TEN RADIO KỸ THUẬT SỐ	1	Chiếc	483.000	531.300
BIN60001541	CAP,F/SEAT RECL HDL BOLT	CAP, CHỤP BU LÔNG CẦN ĐIỀU CHỈNH NGÃ GHẾ TRƯỚC (MÀU ĐEN)	1	Chiếc	26.000	28.600
BIN60001544	CAP,F/SEAT RECL HDL BOLT	CAP, CHỤP BU LÔNG CẦN ĐIỀU CHỈNH NGÃ GHẾ TRƯỚC (MÀU ĐEN)	1	Chiếc	26.000	28.600
SVC60000951	CABLE,BAT POS	CÁP, DƯƠNG ẮC QUY (BAO GỒM 2,4,5,8,9,15)	1	Chiếc	1.402.000	1.542.200
SVC60000954	CABLE,BAT POS	CÁP, DƯƠNG ẮC QUY (BAO GỒM 2,4,5,8,9,15)	1	Chiếc	1.413.000	1.554.300
SVC60001174	CABLE,STRG COL ANC	CÁP, NEO TRỤ LÁI	1	Chiếc	383.000	421.300
SVC60000822	CLIP,RF S/RL G/MLDG	CẶP, NẸP ỐP BẰNG VẢI CỦA RAY BÊN HÔNG MUI XE (MỘT PHẦN CỦA 1) (CÓ GỜ)	1	Chiếc	5.000	5.500
BEX60001243	CLIP,F/FDR UPR RR MLDG	CẶP, NẸP ỐP PHÍA SAU BÊN TRÊN VÈ XE TRƯỚC (MỘT PHẦN CỦA 2) (12.242)	1	Chiếc	4.000	4.400
SVC60000670	CLIP,A/C EVPR HOSE	CẶP, ỐNG MỀM MÁY NÉN ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ (MỘT PHẦN CỦA 17)	1	Chiếc	38.000	41.800
SVC60001223	CLAMP,F/TNK FIL HOSE UPR	CẶP, PHÍA TRÊN ỐNG MỀM BỘ RÓT BÌNH NHIÊN LIỆU (MỘT PHẦN CỦA 11)	1	Chiếc	35.000	38.500
SVC60000746	CLIP,RR S/D I/S HDL BZL	CẶP, TRỤ KHÓA CỬA TRƯỚC (10.565)	1	Chiếc	5.000	5.500
SVC60000516	CLIP,WSWA NOZ & R/WDO WA PUMP HOSE	CẶP, VÒI PHUN BỘ RỬA KÍNH CHẮN GIÓ VÀ ỐNG MỀM BƠM BỘ RỬA CỬA SỔ SAU	1	Chiếc	23.000	25.300
SVC60000384	FUSE,60 A	CẦU CHÌ	1	Chiếc	94.000	103.400
SVC60000917	FUSE,7.5 A	CẦU CHÌ 7, 5 A (MỘT PHẦN CỦA 1) (MÀU NÂU) (CẦU CHÌ NHỎ) (2.530)	1	Chiếc	712.000	783.200
SVC60000402	FUSE,15 A	CẦU CHÌ 7, 5 A (MỘT PHẦN CỦA 8) (8.965)	1	Chiếc	4.000	4.400
SVC60000915	FUSE,20 A	CẦU CHÌ 7, 5 A (MỘT PHẦN CỦA 8) (MÀU NÂU) (CẦU CHÌ NHỎ) (2.530)	1	Chiếc	94.000	103.400
SVC60001535	FUSE,SHUNT	CẦU CHÌ MẮC RẼ (MỘT PHẦN CỦA 8) (VỎ J THỔI CHẬM) (MẠCH RẼ) (2.530)	1	Chiếc	159.000	174.900
SVC60001547	FUSE,SHUNT	CẦU CHÌ MẮC RẼ (MỘT PHẦN CỦA 8) (VỎ Z ĐƠN) (RẼ NHÁNH) (2.530)	1	Chiếc	891.000	980.100
SVC60000569	FUSE,10 A	CẦU CHÌ, 10A (MỘT PHẦN CỦA 1) (MÀU ĐỎ) (10 AMPE) (CẦU CHÌ NHỎ) (8.965)	1	Chiếc	5.000	5.500
SVC60001517	FUSE,10 A	CẦU CHÌ, 10A (MỘT PHẦN CỦA 8) (CẦU CHÌ CHO GIAO TIẾP KỸ THUẬT SỐ CHO THIẾT BỊ ÂM NHẠC M5) (2.530)	1	Chiếc	94.000	103.400
SVC60000925	FUSE,10 A	CẦU CHÌ, 10A (MỘT PHẦN CỦA 8) (MÀU ĐỎ) (LOẠI NHỎ BIẾN DẠNG NHỎ)	1	Chiếc	469.000	515.900
SVC60001518	FUSE,125 A	CẦU CHÌ, 125A (MỘT PHẦN CỦA 8) (CẦU CHÌ CHO GIAO TIẾP KỸ THUẬT SỐ CHO THIẾT BỊ ÂM NHẠC M5) (2.530)	1	Chiếc	234.000	257.400
SVC60001528	FUSE,125 A	CẦU CHÌ, 125A (MỘT PHẦN CỦA 8) (CẦU CHÌ CHO GIAO TIẾP KỸ THUẬT SỐ CHO THIẾT BỊ ÂM NHẠC M6) (2.530)	1	Chiếc	234.000	257.400
SVC60001536	FUSE,125 A	CẦU CHÌ, 125A (MỘT PHẦN CỦA 8) (VỎ Z ĐƠN) (2.530)	1	Chiếc	891.000	980.100
SVC60001519	FUSE,150 A	CẦU CHÌ, 150A (MỘT PHẦN CỦA 8) (CẦU CHÌ CHO GIAO TIẾP KỸ THUẬT SỐ CHO THIẾT BỊ ÂM NHẠC M5) (2.530)	1	Chiếc	234.000	257.400
SVC60001544	FUSE,400 A	CẦU CHÌ, 150A (MỘT PHẦN CỦA 8) (CẦU CHÌ CHO GIAO TIẾP KỸ THUẬT SỐ CHO THIẾT BỊ ÂM NHẠC M6) (2.530)	1	Chiếc	891.000	980.100
SVC60001549	FUSE,150 A	CẦU CHÌ, 150A (MỘT PHẦN CỦA 8) (CẦU CHÌ MEGA CÓ MẠ AG M8) (2.530)	1	Chiếc	361.000	397.100
SVC60001537	FUSE,150 A	CẦU CHÌ, 150A (MỘT PHẦN CỦA 8) (VỎ Z ĐƠN) (2.530)	1	Chiếc	356.000	391.600
SVC60000924	FUSE,15 A	CẦU CHÌ, 15A (MỘT PHẦN CỦA 1) (MÀU XANH DA TRỜI) (LOẠI NHỎ BIẾN DẠNG NHỎ) (2.530)	1	Chiếc	361.000	397.100
SVC60000916	FUSE,15 A	CẦU CHÌ, 15A (MỘT PHẦN CỦA 8) (MÀU XÁM) (LOẠI M) (2.483)	1	Chiếc	94.000	103.400
SVC60000376	FUSE,15 A	CẦU CHÌ, 15A (MỘT PHẦN CỦA 8) (MÀU XANH DA TRỜI) (IEC,REC)	1	Chiếc	118.000	129.800

BẢNG GIÁ PHỤ TÙNG XE VINFAST FADIL

Mã phụ tùng	Tên phụ tùng tiếng Anh	Tên phụ tùng tiếng Việt	Số lượng	Đơn vị	Giá bán lẻ (chưa VAT)	Giá bán lẻ (VAT)
SVC60001530	FUSE,175 A	CẦU CHÌ, 175A (MỘT PHẦN CỦA 8) (CẦU CHÌ CHO GIAO TIẾP KỸ THUẬT SỐ CHO THIẾT BỊ ÂM NHẠC M6) (2.530)	1	Chiếc	234.000	257.400
SVC60001538	FUSE,175 A	CẦU CHÌ, 175A (MỘT PHẦN CỦA 8) (VỎ Z ĐƠN) (2.530)	1	Chiếc	891.000	980.100
SVC60001520	FUSE,200 A	CẦU CHÌ, 200A (MỘT PHẦN CỦA 8) (CẦU CHÌ CHO GIAO TIẾP KỸ THUẬT SỐ CHO THIẾT BỊ ÂM NHẠC M5) (2.530)	1	Chiếc	234.000	257.400
SVC60001531	FUSE,200 A	CẦU CHÌ, 200A (MỘT PHẦN CỦA 8) (CẦU CHÌ CHO GIAO TIẾP KỸ THUẬT SỐ CHO THIẾT BỊ ÂM NHẠC M6) (2.530)	1	Chiếc	234.000	257.400
SVC60001550	FUSE,200 A	CẦU CHÌ, 200A (MỘT PHẦN CỦA 8) (CẦU CHÌ MEGA CÓ MẠ AG M8) (2.530)	1	Chiếc	361.000	397.100
SVC60001529	FUSE,150 A	CẦU CHÌ, 200A (MỘT PHẦN CỦA 8) (VỎ Z ĐƠN) (2.530)	1	Chiếc	239.000	262.900
SVC60000370	FUSE,20 A	CẦU CHÌ, 20A (MỘT PHẦN CỦA 1) (MÀU VÀNG) (CẦU CHÌ NHỎ)	1	Chiếc	118.000	129.800
SVC60000923	FUSE,20 A	CẦU CHÌ, 20A (MỘT PHẦN CỦA 8) (MÀU VÀNG) (LOẠI NHỎ BIÊN DẠNG NHỎ) (2.530)	1	Chiếc	234.000	257.400
SVC60000386	FUSE,20 A	CẦU CHÌ, 20A (MỘT PHẦN CỦA 8) (MÀU XANH DA TRỜI) (CẦU CHÌ ATO) (8.965)	1	Chiếc	4.000	4.400
SVC60000566	FUSE,20 A	CẦU CHÌ, 20A (MỘT PHẦN CỦA 8) (MÀU XANH LÁ CÂY) (CẦU CHÌ MAXI) (8.965)	1	Chiếc	94.000	103.400
SVC60001548	FUSE,20 A	CẦU CHÌ, 20A (MỘT PHẦN CỦA 8) (MÀU XANH LAM NHẠT) (LOẠI M) (2.530)	1	Chiếc	89.000	97.900
SVC60000926	FUSE,7.5 A	CẦU CHÌ, 20A (MỘT PHẦN CỦA 8) (MÀU XANH LAM NHẠT) (VỎ J THỔI CHẬM) (2.530)	1	Chiếc	712.000	783.200
SVC60001551	FUSE,225 A	CẦU CHÌ, 225A (MỘT PHẦN CỦA 8) (CẦU CHÌ MEGA CÓ MẠ AG M8) (2.530)	1	Chiếc	361.000	397.100
SVC60001524	FUSE,60 A	CẦU CHÌ, 225A (MỘT PHẦN CỦA 8) (VỎ Z ĐƠN) (2.530)	1	Chiếc	239.000	262.900
SVC60001552	FUSE,250 A	CẦU CHÌ, 250A (MỘT PHẦN CỦA 8) (CẦU CHÌ MEGA CÓ MẠ AG M8) (2.530)	1	Chiếc	464.000	510.400
SVC60001541	FUSE,250 A	CẦU CHÌ, 250A (MỘT PHẦN CỦA 8) (VỎ Z ĐƠN) (2.530)	1	Chiếc	356.000	391.600
SVC60000381	FUSE,25 A	CẦU CHÌ, 25A (MỘT PHẦN CỦA 1) (TRONG)	1	Chiếc	94.000	103.400
SVC60000377	FUSE,25 A	CẦU CHÌ, 25A (MỘT PHẦN CỦA 8) (TRONG) (CỠ NHỎ 25A) (GÓI 25) (IEC,REC)	1	Chiếc	152.000	167.200
SVC60000914	FUSE,25 A	CẦU CHÌ, 25A (MỘT PHẦN CỦA 8) (TỰ NHIÊN) (LOẠI M) (2.530)	1	Chiếc	712.000	783.200
SVC60000922	FUSE,25 A	CẦU CHÌ, 25A (MỘT PHẦN CỦA 8) (TỰ NHIÊN) (LOẠI NHỎ BIÊN DẠNG NHỎ) (2.530)	1	Chiếc	712.000	783.200
SVC60000930	FUSE,2 A	CẦU CHÌ, 2A (MỘT PHẦN CỦA 1) (MÀU XÁM) (LOẠI NHỎ BIÊN DẠNG NHỎ) (2.530)	1	Chiếc	712.000	783.200
SVC60000570	FUSE,2 A	CẦU CHÌ, 2A (MỘT PHẦN CỦA 8) (MÀU XÁM) (2 AMPE) (TRUNG TÂM ĐIỆN DƯỚI NẮP CAPÔ MẪU MINI) (CẦU CHÌ MINI 2 AMPE) (8.965)	1	Chiếc	113.000	124.300
SVC60001540	FUSE,225 A	CẦU CHÌ, 2A (MỘT PHẦN CỦA 8) (MÀU XÁM) (LOẠI NHỎ BIÊN DẠNG NHỎ) (2.530)	1	Chiếc	356.000	391.600
SVC60001553	FUSE,300 A	CẦU CHÌ, 300A (MỘT PHẦN CỦA 8) (CẦU CHÌ MEGA KHÔNG CÓ MẠ M8) (2.530)	1	Chiếc	464.000	510.400
SVC60001542	FUSE,300 A	CẦU CHÌ, 300A (MỘT PHẦN CỦA 8) (VỎ Z ĐƠN) (2.830)	1	Chiếc	356.000	391.600
SVC60000921	FUSE,30 A	CẦU CHÌ, 30A (MỘT PHẦN CỦA 1) (MÀU XANH LÁ CÂY) (LOẠI NHỎ BIÊN DẠNG NHỎ) (2.530)	1	Chiếc	712.000	783.200
SVC60000987	FUSE,30 A	CẦU CHÌ, 30A (MỘT PHẦN CỦA 1) (MÀU HỒNG) (VỎ J BIÊN DẠNG THẤP) (2.530)	1	Chiếc	262.000	288.200
SVC60001513	FUSE,30 A	CẦU CHÌ, 30A (MỘT PHẦN CỦA 8) (CẦU CHÌ CHO GIAO TIẾP KỸ THUẬT SỐ CHO THIẾT BỊ ÂM NHẠC M5) (2.530)	1	Chiếc	234.000	257.400
SVC60001521	FUSE,30 A	CẦU CHÌ, 30A (MỘT PHẦN CỦA 8) (CẦU CHÌ CHO GIAO TIẾP KỸ THUẬT SỐ CHO THIẾT BỊ ÂM NHẠC M6) (2.530)	1	Chiếc	239.000	262.900
SVC60000382	FUSE,30 A	CẦU CHÌ, 30A (MỘT PHẦN CỦA 8) (MÀU XANH LÁ CÂY) (CẦU CHÌ LOẠI MAXI) (GÓI CÓ 5 CẦU CHÌ)) (8.965)	1	Chiếc	94.000	103.400
SVC60000568	FUSE,30 A	CẦU CHÌ, 30A (MỘT PHẦN CỦA 8) (MÀU XANH LÁ CÂY) (CẦU CHÌ NHỎ) (8.965)	1	Chiếc	36.000	39.600
SVC60000949	FUSE,30 A	CẦU CHÌ, 30A (MỘT PHẦN CỦA 8) (MÀU HỒNG) (30A) (CÁI) (8.965)	1	Chiếc	91.000	100.100
SVC60000913	FUSE,30 A	CẦU CHÌ, 30A (MỘT PHẦN CỦA 8) (MÀU HỒNG) (LOẠI M) (2.530)	1	Chiếc	89.000	97.900
SVC60001554	FUSE,350 A	CẦU CHÌ, 350A (MỘT PHẦN CỦA 8) (CẦU CHÌ MEGA KHÔNG CÓ MẠ M8) (2.530)	1	Chiếc	192.000	211.200
SVC60001543	FUSE,350 A	CẦU CHÌ, 350A (MỘT PHẦN CỦA 8) (VỎ Z ĐƠN) (2.530)	1	Chiếc	300.000	330.000
SVC60000378	FUSE,3 A	CẦU CHÌ, 3A (MỘT PHẦN CỦA 8) (8.965)	1	Chiếc	94.000	103.400
SVC60000920	FUSE,3 A	CẦU CHÌ, 3A (MỘT PHẦN CỦA 8) (MÀU TÍM) (CẦU CHÌ NHỎ) (2.530)	1	Chiếc	427.000	469.700
SVC60000929	FUSE,3 A	CẦU CHÌ, 3A (MỘT PHẦN CỦA 8) (MÀU TÍM) (LOẠI NHỎ BIÊN DẠNG NHỎ) (2.530)	1	Chiếc	712.000	783.200
SVC60000362	FUSE,400 A	CẦU CHÌ, 400A (MỘT PHẦN CỦA 8) (CẦU CHÌ MEGA KHÔNG CÓ MẠ M8) (2.530)	1	Chiếc	464.000	510.400
SVC60000364	FUSE,400 A	CẦU CHÌ, 400A (MỘT PHẦN CỦA 8) (CẦU CHÌ MEGA KHÔNG CÓ MẠ M8) (2.530)	1	Chiếc	600.000	660.000
SVC60001527	FUSE,100 A	CẦU CHÌ, 400A (MỘT PHẦN CỦA 8) (VỎ Z ĐƠN) (2.530)	1	Chiếc	234.000	257.400
SVC60000986	FUSE,40 A	CẦU CHÌ, 40A (MỘT PHẦN CỦA 1) (MÀU XANH LÁ CÂY) (VỎ J BIÊN DẠNG THẤP) (2.530)	1	Chiếc	94.000	103.400
SVC60001514	FUSE,40 A	CẦU CHÌ, 40A (MỘT PHẦN CỦA 8) (CẦU CHÌ CHO GIAO TIẾP KỸ THUẬT SỐ CHO THIẾT BỊ ÂM NHẠC M5) (2.530)	1	Chiếc	234.000	257.400
SVC60001522	FUSE,40 A	CẦU CHÌ, 40A (MỘT PHẦN CỦA 8) (CẦU CHÌ CHO GIAO TIẾP KỸ THUẬT SỐ CHO THIẾT BỊ ÂM NHẠC M6) (2.530)	1	Chiếc	234.000	257.400
SVC60000567	FUSE,40 A	CẦU CHÌ, 40A (MỘT PHẦN CỦA 8) (MÀU HỔ PHÁCH) (CẦU CHÌ MAXI) (8.965)	1	Chiếc	94.000	103.400
SVC60001532	FUSE,40 A	CẦU CHÌ, 40A (MỘT PHẦN CỦA 8) (MÀU XANH LÁ CÂY) (VỎ J THỔI CHẬM) (2.530)	1	Chiếc	249.000	273.900
SVC60000918	FUSE,4 A	CẦU CHÌ, 4A (MỘT PHẦN CỦA 8) (MÀU HỒNG) (CẦU CHÌ NHỎ) (2.530)	1	Chiếc	712.000	783.200
SVC60001515	FUSE,60 A	CẦU CHÌ, 4A (MỘT PHẦN CỦA 8) (MÀU HỒNG) (LOẠI NHỎ BIÊN DẠNG NHỎ) (2.530)	1	Chiếc	239.000	262.900
SVC60000365	FUSE,500 A	CẦU CHÌ, 500A (MỘT PHẦN CỦA 1) (CẦU CHÌ MEGA KHÔNG CÓ MẠ M8) (2.530)	1	Chiếc	600.000	660.000
SVC60001545	FUSE,500 A	CẦU CHÌ, 500A (MỘT PHẦN CỦA 1) (VỎ Z ĐƠN) (2.530)	1	Chiếc	891.000	980.100
SVC60001523	FUSE,50 A	CẦU CHÌ, 50A (MỘT PHẦN CỦA 8) (CẦU CHÌ CHO GIAO TIẾP KỸ THUẬT SỐ CHO THIẾT BỊ ÂM NHẠC M6) (2.530)	1	Chiếc	234.000	257.400
SVC60000383	FUSE,50 A	CẦU CHÌ, 50A (MỘT PHẦN CỦA 8) (MÀU ĐỎ) (CẦU CHÌ MAXI) (8.965)	1	Chiếc	94.000	103.400
SVC60000985	FUSE,50 A	CẦU CHÌ, 50A (MỘT PHẦN CỦA 8) (MÀU ĐỎ) (VỎ J BIÊN DẠNG THẤP) (2.530)	1	Chiếc	94.000	103.400
SVC60001533	FUSE,50 A	CẦU CHÌ, 50A (MỘT PHẦN CỦA 8) (MÀU ĐỎ) (VỎ J THỔI CHẬM) (2.530)	1	Chiếc	94.000	103.400
SVC60001546	FUSE,600 A	CẦU CHÌ, 50A (MỘT PHẦN CỦA 8) (MÀU ĐỎ) (VỎ J THỔI CHẬM) (2.530)	1	Chiếc	891.000	980.100
SVC60000919	FUSE,5 A	CẦU CHÌ, 5A (MỘT PHẦN CỦA 1) (MÀU HỒNG) (CẦU CHÌ NHỎ) (2.530)	1	Chiếc	712.000	783.200
SVC60000927	FUSE,5 A	CẦU CHÌ, 5A (MỘT PHẦN CỦA 8) (MÀU NÂU VÀNG NHẠT) (LOẠI NHỎ BIÊN DẠNG NHỎ) (2. 530)	1	Chiếc	427.000	469.700
SVC60000928	FUSE,4 A	CẦU CHÌ, 600A (MỘT PHẦN CỦA 8) (VỎ Z ĐƠN) (2.530)	1	Chiếc	712.000	783.200
SVC60001539	FUSE,200 A	CẦU CHÌ, 60A (MỘT PHẦN CỦA 8) (CẦU CHÌ CHO GIAO TIẾP KỸ THUẬT SỐ CHO THIẾT BỊ ÂM NHẠC M5) (2.530)	1	Chiếc	300.000	330.000

BẢNG GIÁ PHỤ TÙNG XE VINFAST FADIL

Mã phụ tùng	Tên phụ tùng tiếng Anh	Tên phụ tùng tiếng Việt	Số lượng	Đơn vị	Giá bán lẻ (chưa VAT)	Giá bán lẻ (VAT)
SVC60000984	FUSE,60 A	CẦU CHÌ, 60A (MỘT PHẦN CỦA 8) (MÀU VÀNG) (VỎ J BIÊN DẠNG THẤP) (2.530)	1	Chiếc	94.000	103.400
SVC60001534	FUSE,60 A	CẦU CHÌ, 60A (MỘT PHẦN CỦA 8) (MÀU VÀNG) (VỎ J THỔI CHẬM) (2.530)	1	Chiếc	267.000	293.700
SVC60001516	FUSE,70 A	CẦU CHÌ, 70A (MỘT PHẦN CỦA 8) (CẦU CHÌ CHO GIAO TIẾP KỸ THUẬT SỐ CHO THIẾT BỊ ÂM NHẠC M5) (2.530)	1	Chiếc	234.000	257.400
SVC60001525	FUSE,70 A	CẦU CHÌ, 70A (MỘT PHẦN CỦA 8) (CẦU CHÌ CHO GIAO TIẾP KỸ THUẬT SỐ CHO THIẾT BỊ ÂM NHẠC M6) (2.530)	1	Chiếc	234.000	257.400
SVC60001526	FUSE,80 A	CẦU CHÌ, 80A (MỘT PHẦN CỦA 8) (CẦU CHÌ CHO GIAO TIẾP KỸ THUẬT SỐ CHO THIẾT BỊ ÂM NHẠC M6) (2.530)	1	Chiếc	234.000	257.400
SVC60001190	LINK,TEMP VLV	CẦU NỐI VAN NHIỆT	1	Chiếc	23.000	25.300
SVC60001191	LINK,TEMP VLV	CẦU NỐI VAN NHIỆT	1	Chiếc	46.000	50.600
SVC60001222	AXLE,RR	CẦU XE, SAU (BAO GỒM 4,15)	1	Chiếc	5.915.000	6.506.500
PWT60000446	ADAPTER,FRT INT AIR DUCT	CÂY NỐI, ỐNG NẠP KHÍ TRƯỚC (BAO GỒM 12)	1	Chiếc	176.000	193.600
CHS60000604	MOUNT,TRANS	CHÂN BẮT HỘP SỐ	1	Chiếc	1.383.000	1.521.300
SVC60000887	MOUNT,FRT STRUT	CHÂN BẮT THANH GIẰNG TRƯỚC	1	Chiếc	443.000	487.300
SVC60001747	LINER,FRT W/H	CHẮN BÙN LÒNG TAI XE TRÁI	1	Chiếc	298.000	327.800
CHS60000550	MOUNT,ENG	CHÂN MÁY	1	Chiếc	1.411.000	1.552.100
SVC60000636	MOUNT,ENG	CHÂN MÁY	1	Chiếc	1.411.000	1.552.100
SVC60000604	WEIGHT,WHL BAL(100 GRAM)	CHÌ CÂN BẰNG (100G) (DÁN)	1	Chiếc	91.000	100.100
SVC60000606	WEIGHT,WHL BAL(10 GRAM)	CHÌ CÂN BẰNG (10G) (CHỐT CẶP) (BẰNG THÉP)	1	Chiếc	19.000	20.900
SVC60000586	WEIGHT,WHL BAL(10 GRAM)	CHÌ CÂN BẰNG (10G) (DÁN)	1	Chiếc	23.000	25.300
SVC60000607	WEIGHT,WHL BAL(15 GRAM)	CHÌ CÂN BẰNG (15G) (CHỐT CẶP) (BẰNG THÉP)	1	Chiếc	23.000	25.300
SVC60000587	WEIGHT,WHL BAL(15 GRAM)	CHÌ CÂN BẰNG (15G) (DÁN)	1	Chiếc	28.000	30.800
SVC60000588	WEIGHT,WHL BAL(20 GRAM)	CHÌ CÂN BẰNG (20G) (DÁN)	1	Chiếc	33.000	36.300
SVC60000608	WEIGHT,WHL BAL(20 GRAM)	CHÌ CÂN BẰNG (20G) (KẸP CÀI)	1	Chiếc	23.000	25.300
SVC60000609	WEIGHT,WHL BAL(25 GRAM)	CHÌ CÂN BẰNG (25G) (CHỐT CẶP) (BẰNG THÉP)	1	Chiếc	23.000	25.300
SVC60000589	WEIGHT,WHL BAL(25 GRAM)	CHÌ CÂN BẰNG (25G) (DÁN)	1	Chiếc	34.000	37.400
SVC60000610	WEIGHT,WHL BAL(30 GRAM)	CHÌ CÂN BẰNG (30G) (CHỐT CẶP) (BẰNG THÉP)	1	Chiếc	28.000	30.800
SVC60000590	WEIGHT,WHL BAL(30 GRAM)	CHÌ CÂN BẰNG (30G) (DÁN)	1	Chiếc	38.000	41.800
SVC60000611	WEIGHT,WHL BAL(35 GRAM)	CHÌ CÂN BẰNG (35G) (CHỐT CẶP) (BẰNG THÉP)	1	Chiếc	33.000	36.300
SVC60000591	WEIGHT,WHL BAL(35 GRAM)	CHÌ CÂN BẰNG (35G) (DÁN)	1	Chiếc	42.000	46.200
SVC60000612	WEIGHT,WHL BAL(40 GRAM)	CHÌ CÂN BẰNG (40G) (CHỐT CẶP) (BẰNG THÉP)	1	Chiếc	33.000	36.300
SVC60000592	WEIGHT,WHL BAL(40 GRAM)	CHÌ CÂN BẰNG (40G) (DÁN)	1	Chiếc	47.000	51.700
SVC60000613	WEIGHT,WHL BAL(45 GRAM)	CHÌ CÂN BẰNG (45G) (CHỐT CẶP) (BẰNG THÉP)	1	Chiếc	34.000	37.400
SVC60000593	WEIGHT,WHL BAL(45 GRAM)	CHÌ CÂN BẰNG (45G) (DÁN)	1	Chiếc	52.000	57.200
SVC60000614	WEIGHT,WHL BAL(50 GRAM)	CHÌ CÂN BẰNG (50G) (CHỐT CẶP) (BẰNG THÉP)	1	Chiếc	34.000	37.400
SVC60000594	WEIGHT,WHL BAL(50 GRAM)	CHÌ CÂN BẰNG (50G) (DÁN)	1	Chiếc	56.000	61.600
SVC60000615	WEIGHT,WHL BAL(55 GRAM)	CHÌ CÂN BẰNG (55G) (CHỐT CẶP) (BẰNG THÉP)	1	Chiếc	34.000	37.400
SVC60000595	WEIGHT,WHL BAL(55 GRAM)	CHÌ CÂN BẰNG (55G) (DÁN)	1	Chiếc	56.000	61.600
SVC60000605	WEIGHT,WHL BAL(5 GRAM)	CHÌ CÂN BẰNG (5G) (CHỐT CẶP) (BẰNG THÉP)	1	Chiếc	9.000	9.900
SVC60000585	WEIGHT,WHL BAL(5 GRAM)	CHÌ CÂN BẰNG (5G) (DÁN)	1	Chiếc	19.000	20.900
SVC60000616	WEIGHT,WHL BAL(60 GRAM)	CHÌ CÂN BẰNG (60G) (CHỐT CẶP) (BẰNG THÉP)	1	Chiếc	34.000	37.400
SVC60000596	WEIGHT,WHL BAL(60 GRAM)	CHÌ CÂN BẰNG (60G) (DÁN)	1	Chiếc	61.000	67.100
SVC60000598	WEIGHT,WHL BAL(70 GRAM)	CHÌ CÂN BẰNG (70G) (DÁN)	1	Chiếc	68.000	74.800
SVC60000599	WEIGHT,WHL BAL(75 GRAM)	CHÌ CÂN BẰNG (75G) (DÁN)	1	Chiếc	70.000	77.000
SVC60000600	WEIGHT,WHL BAL(80 GRAM)	CHÌ CÂN BẰNG (80G) (DÁN)	1	Chiếc	75.000	82.500
SVC60000602	WEIGHT,WHL BAL(90 GRAM)	CHÌ CÂN BẰNG (90G) (DÁN)	1	Chiếc	82.000	90.200
SVC60000618	WEIGHT,WHL BAL	CHÌ CÂN BẰNG (CHỐT CẶP) (BẰNG THÉP)	1	Chiếc	23.000	25.300
SVC60000619	WEIGHT,17.5 GRAM WHL BAL	CHÌ CÂN BẰNG 17, 5G (CHỐT CẶP) (BẰNG THÉP)	1	Chiếc	23.000	25.300
SVC60000620	WEIGHT,22.5 GRAM WHL BAL	CHÌ CÂN BẰNG 22, 5G (CHỐT CẶP) (BẰNG THÉP)	1	Chiếc	23.000	25.300
SVC60000621	WEIGHT,27.5 GRAM WHL BAL	CHÌ CÂN BẰNG 27, 5G (CHỐT CẶP) (BẰNG THÉP)	1	Chiếc	23.000	25.300
SVC60000597	WEIGHT,65 GRAM WHL BAL	CHÌ CÂN BẰNG 65G (DÁN)	1	Chiếc	63.000	69.300
SVC60000601	WEIGHT,85 GRAM WHL BAL	CHÌ CÂN BẰNG 85G (DÁN)	1	Chiếc	80.000	88.000
SVC60000603	WEIGHT,95 GRAM WHL BAL	CHÌ CÂN BẰNG 95G (DÁN)	1	Chiếc	87.000	95.700
BIW60001424	REINFORCEMENT,R/CMPT PNL LGTDNL RL	CHI TIẾT GIA CƯỜNG, THANH RAY DỌC BẬT TẤM ỐP KHOANG PHÍA SAU (MỘT PHẦN CỦA 18)	1	Chiếc	101.000	111.100
EEP60000410	RETAINER,BAT HOLDN	CHI TIẾT GIỮ ẮC QUY	1	Chiếc	39.000	42.900
SVC60000787	RETAINER,4TH GR SYN	CHI TIẾT GIỮ BÁNH RĂNG ĐỒNG TỐC SỐ 4	1	Chiếc	12.000	13.200
CHS60001264	RETAINER,BRK PED PUSH ROD CLV PIN	CHI TIẾT GIỮ CHỐT CHẠC CHỮ U CẦN ĐẨY BÀN ĐẠP PHANH (5.055)	1	Chiếc	3.000	3.300
SVC60000786	RETAINER,1ST & 2ND SYN	CHI TIẾT GIỮ ĐỒNG TỐC SỐ 1 & 2	1	Chiếc	12.000	13.200
SVC60000574	RETAINER,F/INJR	CHI TIẾT GIỮ KIM PHUN NHIÊN LIỆU (MỘT PHẦN CỦA 1, 8) (TRONG ỐNG PHÂN PHỐI PHUN NHIÊN LIỆU ĐA ĐIỂM)	1	Chiếc	403.000	443.300
SVC60000436	RETAINER,TMG CHAIN TENSR BOLT	CHI TIẾT GIỮ KIM PHUN NHIÊN LIỆU(BU LÔNG TRÒN M8)(4.128)	1	Chiếc	23.000	25.300
SVC60001358	RETAINER,5TH GR SYN INS	CHI TIẾT GIỮ MIẾNG ĐỆM BÁNH RĂNG ĐỒNG TỐC SỐ 5	1	Chiếc	18.000	19.800
SVC60000893	RETAINER,ACSRY PWR RCPT	CHI TIẾT GIỮ Ổ CẮM (MỘT PHẦN CỦA 2) (MÀU ĐEN)	1	Chiếc	51.000	56.100
SVC60001083	RETAINER,BRK & FUEL FEED & FUEL RTN & EVAP EMIS PIPE	CHI TIẾT GIỮ ỐNG DẦU PHANH & ỐNG CẤP NHIÊN LIỆU & ỐNG NHIÊN LIỆU HỒI & ỐNG NHIÊN LIỆU BAY HƠI	1	Chiếc	32.000	35.200
STD60000020	RETAINER,FRT BRK HOSE	CHI TIẾT GIỮ ỐNG DẦU PHANH TRƯỚC	1	Chiếc	5.000	5.500
SVC60001091	DETENT,F/TNK FIL DR HOLD OPEN ROD	CHI TIẾT HÃM, THANH TRUYỀN MỞ GIỮ CỬA RÓT BÌNH NHIÊN LIÊU (MỘT PHẦN CỦA 15)	1	Chiếc	85.000	93.500
SVC60000563	RESTRICTOR,CYL HD OIL GAL	CHI TIẾT HẠN CHẾ ĐƯỜNG DẦU MẶT MÁY (MỘT PHẦN CỦA 14) (11MMX6MM) (KIỂU CUP)	1	Chiếc	9.000	9.900
SVC60000757	RESTRICTOR,CYL HD OIL GAL	CHI TIẾT HẠN CHẾ ĐƯỜNG DẦU MẶT MÁY (MỘT PHẦN CỦA 14) (8MMX13MM) (LỐI DẪN CAO ÁP PHÍA NẠP SAU)	1	Chiếc	23.000	25.300
SVC60001428	KEY,DR LK & IGN LK FLDG (	CHÌA KHÓA ĐIỆN & KHÓA CỬA (CÓ BỘ PHÁT TÍN HIỆU ĐIỀU KHIỂN KHÓA CỬA TỪ XA) (KHÔNG ĐƯỢC GIẢI MÃ) (BAO GỒM 4, 5)	1	Chiếc	1.109.000	1.219.900
SVC60001426	KEY,DR LK & IGN LK(UNCODED)	CHÌA KHÓA ĐIỆN (CHƯA MÃ HÓA) (BAO GỒM 4) (*KIT1)	1	Chiếc	344.000	378.400
SVC60001329	PIN,I/P COMPT HGE	CHỐT BẢN LỀ KHOANG CHỨA TRÊN TÁP LÔ (MỘT PHẦN CỦA 8)	1	Chiếc	27.000	29.700
STD60000220	CLIP,RAD AIR BFL	CHỐT CÀI TẤM ĐỐI HƯỚNG GIÓ KÉT NƯỚC (MÀU ĐEN) (M8.5X20X20MM) (CHỐT) (9.262)	1	Chiếc	4.000	4.400
CHS60000509	PIN,BRK PED PUSH ROD	CHỐT CẦN ĐẨY BÀN ĐẠP PHANH	1	Chiếc	40.000	44.000
SVC60000761	PIN,5TH SHFT FORK	CHỐT CON LĂN CHUYỂN SỐ 5 & SỐ LÙI (CHỐT NẠNG VÀ ĐÒN-SỐ NĂM VÀ SỐ LÙI) (*KIT1)	1	Chiếc	5.000	5.500
SVC60001004	PIN,5TH & REV SHFT RL RLR	CHỐT CON LĂN CHUYỂN SỐ 5 & SỐ LÙI (ĐƯỜNG TRƯỢT KHÓA CHO CỤM THÁP CHUYỂN SỐ) (*KIT1) (4.032)	1	Chiếc	11.000	12.100
SVC60001340	PIN,INTL SHFT CONT LVR	CHỐT CỦA CẦN GẠT CHUYỂN SỐ BÊN TRONG (CHỐT LÒ XO) (*KIT1) (4.309)	1	Chiếc	9.000	9.900
SVC60000300	PIN,LWR C/CASE LOC	CHỐT ĐỊNH VỊ CÁC TE DƯỚI (M8X20MM)	1	Chiếc	15.000	16.500
SVC60000406	PIN,TRANSAXLE LOC	CHỐT ĐỊNH VỊ HỘP SỐ (M14X8.5MM) (BỆ LẮP HỘP SỐ) (ĐƯỜNG KÍNH NGOÀI - OD TỐI ĐA: 18, 5MM, CHIỀU CAO TỐI ĐA:12MM) (0.219)	1	Chiếc	9.000	9.900
SVC60000356	PIN,CYL HD LOC	CHỐT ĐỊNH VỊ MẶT MÁY (OD 14)	1	Chiếc	5.000	5.500
SVC60000354	PIN,ENG FRT CVR LOC	CHỐT ĐỊNH VỊ TẤM MẶT TRƯỚC ĐỘNG CƠ (M6, 256.5X20MM)	1	Chiếc	129.000	141.900
SVC60000763	PIN,TRANS CASE LOC	CHỐT ĐỊNH VỊ VỎ HỘP SỐ (2.277)	1	Chiếc	6.000	6.600
SVC60000883	STUD,A/C CNDSR	CHỐT ĐỠ GIÀN LẠNH ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ (MỘT PHẦN CỦA 10)	1	Chiếc	20.000	22.000
SVC60001189	RETAINER,HTR & A/C CONT(PUSH IN)	CHỐT GIỮ BẢNG ĐIỀU KHIỂN SƯỞI & ĐIỀU HÒA (LOẠI ẤN VÀO)	1	Chiếc	14.000	15.400

BẢNG GIÁ PHỤ TÙNG XE VINFAST FADIL

Mã phụ tùng	Tên phụ tùng tiếng Anh	Tên phụ tùng tiếng Việt	Số lượng	Đơn vị	Giá bán lẻ (chưa VAT)	Giá bán lẻ (VAT)
BIN60001518	RETAINER,HDLNG T/PNL	CHỐT GIỮ TRẦN XE (MÀU XÁM)	1	Chiếc	2.000	2.200
SVC60001294	RETAINER,HDLNG T/PNL	CHỐT GIỮ TRẦN XE (MỘT PHẦN CỦA 1) (MÀU XÁM)	1	Chiếc	2.000	2.200
SVC60001231	PIN,RR BRK SHOE	CHỐT GUỐC PHANH SAU	1	Chiếc	6.000	6.600
SVC60000762	PIN,SHFT CONT LVR STOP	CHỐT HÃM CẦN ĐIỀU KHIỂN CHUYỂN SỐ (CHỐT PHÍA NGOÀI) (*KIT1)	1	Chiếc	7.000	7.700
SVC60000760	PIN,SHFT CONT LVR STOP	CHỐT HÃM CẦN ĐIỀU KHIỂN CHUYỂN SỐ (CHỐT PHÍA TRONG) (*KIT1)	1	Chiếc	6.000	6.600
BIN60001236	CLIP,F/FDR FIL INSL	CHỐT KẸP TẤM LÓT VÈ TRƯỚC (MÀU XÁM)	1	Chiếc	3.000	3.300
SVC60000743	CLIP,F/FDR FIL INSL	CHỐT KẸP TẤM LÓT VÈ TRƯỚC(MÀU XÁM)	1	Chiếc	3.000	3.300
SVC60000478	CLIP,I/P LWR CTR T/PNL	CHỐT KẸP, TẤM ỐP GIỮA PHÍA DƯỚI BẢNG TÁP LÔ (MỘT PHẦN CỦA 3) (M11.3X8X10MM) (10.230)	1	Chiếc	5.000	5.500
SVC60000380	PIN,CM/SHF SPKT LOC	CHỐT KHÓA BÁNH RĂNG TRỤC CAM	1	Chiếc	6.000	6.600
BIW60000346	STRIKER,L/GATE LAT	CHỐT KHÓA CỬA NÂNG SAU XE	1	Chiếc	79.000	86.900
BIN60001549	STRIKER,I/P COMPT DR LAT	CHỐT KHÓA CỬA NGĂN CHỨA TRÊN BẢNG TÁP LÔ	1	Chiếc	206.000	226.600
STD60001324	STRIKER,FRT S/D LK	CHỐT KHÓA CỬA TRƯỚC	1	Chiếc	60.000	66.000
SVC60001055	DETENT,SHFT INTLK	CHỐT KHÓA LIÊN ĐỘNG CHUYỂN SỐ (BAO GỒM 26-28)	1	Chiếc	47.000	51.700
SVC60000476	STUD,EXH FLG	CHỐT MẶT BÍCH ỐNG THOÁT BỘ BIẾN ĐỔI XÚC TÁC (MỘT PHẦN CỦA 12) (M8X1.25X11. 12MM)	1	Chiếc	122.000	134.200
SVC60001065	PIN,3RD & 4TH SHFT FORK	CHỐT NẠNG CHUYỂN SỐ 1 & SỐ 2	1	Chiếc	6.000	6.600
SVC60000558	PIN,W/PMP LOC	CHỐT, ĐỊNH VỊ BƠM NƯỚC (MỘT PHẦN CỦA 18)	1	Chiếc	9.000	9.900
SVC60000299	PIN,OIL PAN LOC	CHỐT, ĐỊNH VỊ NẮP ĐẬY VỎ TRỤC CAM (CHỐT ĐỊNH VỊ,5.99MMX17.25MM) (0.206)	1	Chiếc	7.000	7.700
SVC60000433	BOLT,ACSRY AC & DC PWR CONT MDL	CHỐT, GIÁ ĐỠ TRUNG GIAN PHÍA SAU VỀ XE TRƯỚC BÊN THÂN XE (MỘT PHẦN CỦA 5) (M6X1X19MM) (4.730)	1	Chiếc	8.000	8.800
SVC60000399	PLUG,ENG FRT CVR HOLE	CHỐT, LỖ NẮP CHE TRƯỚC CỦA ĐỘNG CƠ (PHẦN 32) (M14X16MM) (1.531)	1	Chiếc	192.000	211.200
BIW60001585	PLUG,BODY SI FRM DRN HOLE	CHỐT, LỖ THÁO CỦA KHUNG PHÍA THÂN XE (CÓ CÁC KẸP GIỮ) (12.940)	1	Chiếc	4.000	4.400
SVC60001003	DETENT,SHFT SHF	CHỐT, TRỤC (Ở GIỮA) (*KIT1)	1	Chiếc	181.000	199.100
SVC60001701	MANIFOLD,INT	CỔ HÚT	1	Chiếc	3.633.000	3.996.300
EEP60001490	HORN,SINGLE (HIGH NOTE)	CÒI ĐƠN (ÂM CAO) (ĐƠN ÂM)	1	Chiếc	328.000	360.800
SVC60001465	SENSOR,ENG OIL PRESS	CÔNG TẮC ÁP SUẤT DẦU (FAM I)	1	Chiếc	862.000	948.200
SVC60001139	SWITCH,HDLP	CÔNG TẮC CHỈNH ĐÈN (TÁP LÔ, PHA, CỐT) - LT, LTZ	1	Chiếc	862.000	948.200
SVC60001145	SWITCH,VEH STABILITY CONT SYS	CÔNG TẮC CHỌN HỆ THỐNG ĐIỀU KHIỂN SỰ ỔN ĐỊNH XE	1	Chiếc	62.000	68.200
EEP60001468	SWITCH,VEH STABILITY CONT SYS	CÔNG TẮC CHỌN HỆ THỐNG ĐIỀU KHIỂN SỰ ỔN ĐỊNH XE	1	Chiếc	321.000	353.100
SVC60001301	SWITCH,FRT S/D WDO	CÔNG TẮC CỬA SỔ CỬA TRƯỚC (MỘT PHẦN CỦA 14) (MÀU ĐEN)	1	Chiếc	825.000	907.500
SVC60001302	SWITCH,FRT S/D WDO	CÔNG TẮC CỬA SỔ CỬA TRƯỚC (MỘT PHẦN CỦA 9) (MÀU ĐEN)	1	Chiếc	197.000	216.700
SVC60001458	SWITCH,IGN & START	CÔNG TẮC ĐỀ & CHÌA KHÓA ĐIỆN (ĐÁNH LỬA) (*KIT1)	1	Chiếc	412.000	453.200
SVC60001144	SWITCH,HAZARD WRNG	CÔNG TẮC ĐÈN BÁO NGUY (*KIT1)	1	Chiếc	180.000	198.000
STD60000196	SWITCH,HDLP	CÔNG TẮC ĐÈN PHA	1	Chiếc	858.000	943.800
EEP60000361	SWITCH,T/SIG	CÔNG TẮC ĐÈN XI NHAN (MÀU ĐEN)	1	Chiếc	830.000	913.000
EEP60000433	SWITCH,WSW & WSWA	CÔNG TẮC GẠT MƯA & RỬA KÍNH CHẮN GIÓ (MÀU ĐEN)	1	Chiếc	797.000	876.700
SVC60001143	SWITCH,DR LK	CÔNG TẮC KHÓA CỬA (MỘT PHẦN CỦA 14) (MÀU ĐEN)	1	Chiếc	234.000	257.400
SVC60001050	SWITCH,A/TRNS MAN SHFT SHF POSN	CÔNG TẮC VỊ TRÍ TRỤC SANG SỐ BẰNG TAY CỦA HỘP SỐ TỰ ĐỘNG (4.279)	1	Chiếc	661.000	727.100
SVC60000283	SWITCH,TRANS FLUID PRESS	CÔNG TẮC, ÁP SUẤT DẦU HỘP SỐ	1	Chiếc	2.161.000	2.377.100
EEP60000816	SWITCH,RDO FUNCTION	CÔNG TẮC, CHỨC NĂNG RADIO	1	Chiếc	1.514.000	1.665.400
SVC60001203	SWITCH,PARK BRK IND	CÔNG TẮC, ĐÈN BÁO PHANH TAY (MỘT PHẦN CỦA 1)	1	Chiếc	47.000	51.700
SVC60001146	SWITCH,O/S RR VIEW MIR R/CON	CÔNG TẮC, ĐIỀU KHIỂN TỪ XA GƯƠNG CHIẾU HẬU PHÍA NGOÀI (MỘT PHẦN CỦA 14) (MÀU ĐEN)	1	Chiếc	295.000	324.500
BIW60001436	DOOR,F/TNK FIL	CỬA ĐỔ NHIÊN LIỆU (BAO GỒM 12, 13)	1	Chiếc	262.000	288.200
CHS60001452	DUCT,SI WDO DEFG OTLT	CỬA GIÓ RA TỪ BỘ SẤY KÍNH CỬA	1	Chiếc	108.000	118.800
CHS60001453	DUCT,SI WDO DEFG OTLT	CỬA GIÓ RA TỪ BỘ SẤY KÍNH CỬA	1	Chiếc	108.000	118.800
BIW60000744	DOOR,RR SI	CỬA SAU	1	Chiếc	6.009.000	6.609.900
BIW60000745	DOOR,RR SI	CỬA SAU	1	Chiếc	6.009.000	6.609.900
BIW60000724	DOOR,FRT SI	CỬA TRƯỚC	1	Chiếc	6.248.000	6.872.800
BIW60000725	DOOR,FRT SI	CỬA TRƯỚC	1	Chiếc	6.248.000	6.872.800
BIW60001690	DOOR,FRT SI	CỬA TRƯỚC TRÁI	1	Chiếc	6.248.000	**6.872.800**
SVC60000617	RESERVOIR KIT,BRK M/CYL	CỤM BÌNH CHỨA DẦU PHANH (BAO GỒM 1, 3, 4,11)	1	Chiếc	844.000	928.400
BIW60000929	MIRRORASM-O/SRRVIEW(W/OCVR)	CỤM GƯƠNG PHẢI	1	Chiếc	3.797.000	4.176.700
SVC60000966	MODULE KIT,ELEK BRK CONT	CỤM MÔ ĐUN ĐIỀU KHIỂN PHANH BẰNG ĐIỆN TỬ (CHI TIẾT CỦA 6) (BAO GỒM 8)	1	Chiếc	8.310.000	9.141.000
SVC60000861	COIL,STRG WHL AIRBAG	CUỘN CẢM, TÚI KHÍ TRÊN VÔ LĂNG (*KIT1)	1	Chiếc	942.000	1.036.200
SVC60000862	COIL,STRG WHL INFL RST MDL	CUỘN CẢM, TÚI KHÍ TRÊN VÔ LĂNG (*KIT1)	1	Chiếc	1.200.000	1.320.000
SVC60000823	COIL,IGN	CUỘN ĐÁNH LỬA (BAO GỒM 2, 29)	1	Chiếc	1.025.000	1.127.500
BIN60000837	CUP,L/GATE TR FIN PNL PULL	CUP, KÉO Ở TẤM ỐP HOÀN THIỆN TRANG TRÍ CỬA HẬU (MÀU ĐEN) (10.230)	1	Chiếc	23.000	25.300
SVC60001485	ELBOW,CLU ACTR CYL PIPE	CÚT NỐI ỐNG XY LANH CẦN DẪN ĐỘNG LY HỢP	1	Chiếc	232.000	255.200
SVC60001342	SLEEVE,CLU ACTR CYL PIPE	CÚT NỐI ỐNG XY LANH CẦN DẪN ĐỘNG LY HỢP (0.831)	1	Chiếc	9.000	9.900
SVC60000454	RESTRAINT,R/SEAT HD	ĐAI AN TOÀN GHẾ SAU LOẠI CHỊU LỰC LỚN (MÀU ĐEN) (*KIT1)	1	Chiếc	769.000	845.900
SVC60000451	RESTRAINT,F/SEAT HD	ĐAI AN TOÀN GHẾ TRƯỚC LOẠI CHỊU LỰC LỚN (MÀU ĐEN)	1	Chiếc	867.000	953.700
SVC60000455	RESTRAINT,R/SEAT CTR HD	ĐAI AN TOÀN GIỮA GHẾ SAU LOẠI CHỊU LỰC LỚN (MÀU ĐEN) (*KIT1)	1	Chiếc	731.000	804.100
BIW60000576	WEATHERSTRIP,RR S/D (DR SI)	DẢI CHẮN GIÓ VÀ BỤI, CỬA HÔNG PHÍA SAU (PHÍA CỬA)	1	Chiếc	726.000	798.600
BIW60000573	WEATHERSTRIP,FRT S/D (DR SI)	DẢI CHẮN GIÓ VÀ BỤI, CỬA HÔNG PHÍA TRƯỚC (PHÍA CỬA)	1	Chiếc	661.000	727.100
BIW60000574	WEATHERSTRIP,FRT S/D (DR SI)	DẢI CHẮN GIÓ VÀ BỤI, CỬA HÔNG PHÍA TRƯỚC (PHÍA CỬA)	1	Chiếc	661.000	727.100
PWT60000278	BELT,W/PMP & A/C CMPR & GEN	ĐAI DẪN ĐỘNG BƠM NƯỚC & MÁY NÉN ĐIỀU HÒA & MÁY PHÁT	1	Chiếc	284.000	312.400
SVC60000553	CLIP,RR S/D SILL TR PLT	DẢI ĐỆM LÀM KÍN, LỖ GIỮ THẢM SÀN XE (MỘT PHẦN CỦA 3) (M16X15X28MM) (14.731)	1	Chiếc	21.000	23.100
SVC60000343	NUT,S/GR	ĐAI ỐC BẮT BÁNH RĂNG LÁI (M12X1, 75MM) (0.002)	1	Chiếc	9.000	9.900
SVC60000306	NUT,WHL	ĐAI ỐC BẮT BÁNH XE (M12X1.5-6HMM)	1	Chiếc	36.000	39.600
STD60000108	NUT,A/CL RESO	ĐAI ỐC BẮT BẦU CỘNG HƯỞNG LỌC GIÓ (BỘ RỬA THEO NẮC) (9.211)	1	Chiếc	4.000	4.400
BEX60001188	RETAINER,RR LIC PLT	ĐAI ỐC BẮT BIỂN SỐ(12.242)	1	Chiếc	3.000	3.300
BEX60000247	NUT,WSW ARM	ĐAI ỐC BẮT CẦN GẠT MƯA (M10X1.25MM)	1	Chiếc	9.000	9.900
SVC60000552	NUT,FRT STRUT ROD MT	ĐAI ỐC BẮT CẦN THANH GIẰNG TRƯỚC	1	Chiếc	16.000	17.600
EEP60000050	NUT,HORN	ĐAI ỐC BẮT CÒI (M8X1, 25MM) (ĐỆM ĐIỀU CHỈNH) (4.634)	1	Chiếc	6.000	6.600
BEX60000263	NUT,FRT BPR FASCIA GDE	ĐAI ỐC BẮT DẪN HƯỚNG MẶT CẢN TRƯỚC (U) (ĐẨY VÀO) (LẮP VỪA KHỚP LỖ 8, 75MM) (ĐAI ỐC) (9.675)	1	Chiếc	14.000	15.400
EEP60000252	NUT,ENG WRG HARN J/BLK	ĐAI ỐC BẮT ĐẦU BÓ DÂY ĐIỆN ĐỘNG CƠ (M8X1, 25X7,8MM) (ĐẦU CỰC MÁY PHÁT ĐIỆN XOAY CHIỀU) (2.343)	1	Chiếc	5.000	5.500
BEX60000251	NUT,HDLP	ĐAI ỐC BẮT ĐÈN PHA (M4.2X1.41MM) (7.833)	1	Chiếc	6.000	6.600
SVC60000351	NUT,FRT LWR CONT ARM	ĐAI ỐC BẮT ĐÒN ĐIỀU KHIỂN TRƯỚC PHÍA DƯỚI (M12X1, 75MM) (ĐAI ỐC HÃM) (7.570)	1	Chiếc	14.000	15.400
EEP60000052	NUT,BCM BRKT	ĐAI ỐC BẮT GIÁ BẮT MÔ ĐUN BCM (M6X1MM)	1	Chiếc	6.000	6.600
SVC60000444	NUT,RR BPR FASCIA GDE	ĐAI ỐC BẮT GIÁ BÊN CẢN SAU (MỘT PHẦN CỦA 9) (GIÁ BẮT BÊN CẠNH) (12.944)	1	Chiếc	3.000	3.300
STD60000035	NUT,RR BPR FASCIA SI BRKT	ĐAI ỐC BẮT GIÁ BÊN CẢN SAU(CHỈ CÓ NÚT BỊT)	1	Chiếc	6.000	6.600
STD60000037	NUT,A/C EVPR & BLO MDL	ĐAI ỐC BẮT GIÁ ĐỠ MÔ ĐUN CỔNG DỮ LIỆU NỐI TIẾP (M6X1X10MM) (LOẠI LỤC GIÁC CÓ ĐẦU NỐI) (12.810)	1	Chiếc	3.000	3.300
CHS60000043	NUT,PARK BRK FRT CBL BRKT	ĐAI ỐC BẮT GIÁ ĐỠ PHÍA TRƯỚC DÂY CÁP PHANH TAY (M8X1.25X8MM) (KHÔNG CÓ ĐỆM) (3.300)	1	Chiếc	28.000	30.800

BẢNG GIÁ PHỤ TÙNG XE VINFAST FADIL

Mã phụ tùng	Tên phụ tùng tiếng Anh	Tên phụ tùng tiếng Việt	Số lượng	Đơn vị	Giá bán lẻ (chưa VAT)	Giá bán lẻ (VAT)
BEX60001182	NUT,RR BPR FASCIA	ĐAI ỐC BẮT MẶT CẢN SAU (3MM) (15.100)	1	Chiếc	3.000	3.300
STD60000016	NUT,FRT BPR FASCIA	ĐAI ỐC BẮT MẶT CẢN TRƯỚC (GIÁ ĐỠ Ở GIỮA)	1	Chiếc	3.000	3.300
EEP60000139	NUT,AIRBAG SEN & DIAGN MDL	ĐAI ỐC BẮT MÔ ĐUN CẢM BIẾN TÚI KHÍ & CHẨN ĐOÁN (M6X1, 0MM)	1	Chiếc	5.000	5.500
SVC60000446	NUT,WSW SYS MDL	ĐAI ỐC BẮT MÔ ĐUN HỆ THỐNG GẠT MƯA	1	Chiếc	3.000	3.300
SVC60001181	NUT,HTR & A/C EVPR & BLO MDL	ĐAI ỐC BẮT MÔ ĐUN QUẠT & GIÀN LẠNH ĐIỀU HÒA & BỘ SẤY	1	Chiếc	14.000	15.400
STD60001183	NUT,FRT W/H LNR	ĐAI ỐC BẮT ỐP VÀNH BÁNH XE (ST4.2) (TỐC ĐỘ) (1.271)	1	Chiếc	3.000	3.300
CHS60000145	NUT,FRT SUSP STRUT UPR MTG	ĐAI ỐC BẮT PHÍA TRÊN THANH GIẰNG GIẢM XÓC TRƯỚC (M14X1.50MM)	1	Chiếc	13.000	14.300
CHS60000233	NUT,STRG LNKG OTR TIE ROD	ĐAI ỐC BẮT RÔ TUYN LÁI NGOÀI (M12X1, 75MM) (7.240)	1	Chiếc	13.000	14.300
SVC60001210	NUT,STRG LNKG INR TIE ROD	ĐAI ỐC BẮT RÔ TUYN LÁI TRONG (*KIT1, KIT2)	1	Chiếc	28.000	30.800
STD60001189	NUT,EXH FRT U/B H/SHLD	ĐAI ỐC BẮT TẤM CÁCH NHIỆT ỐNG XẢ (3.690)	1	Chiếc	3.000	3.300
BIN60000138	NUT,I/P	ĐAI ỐC BẮT TÁP LÔ (BẰNG ĐỒNG) (M4.2X1. 41MM) (ĐAI ỐC ĐẨY) (9.786)	1	Chiếc	6.000	6.600
STD60000268	NUT,CTR PLR UPR G/MLDG	ĐAI ỐC BẮT TAY NẮM TRONG CỬA TRƯỚC (6MM) (BẰNG NHỰA) (14.683)	1	Chiếc	3.000	3.300
SVC60001314	NUT,F/SEAT SI AIRBAG	ĐAI ỐC BÊN TÚI KHÍ GHẾ NGỒI PHÍA TRƯỚC	1	Chiếc	5.000	5.500
SVC60000287	SEAL,TRANS FLUID CLR	ĐAI ỐC BỘ LÀM MÁT DẦU HỘP SỐ (MỘT PHẦN CỦA 1) (VẬT LIỆU VITON)	1	Chiếc	9.000	9.900
SVC60000475	NUT,	ĐAI ỐC DÂY ĐIỆN NỐI MÁT	1	Chiếc	198.000	217.800
BEX60000146	NUT,RR BODY STRUCTURE STOP LP	ĐAI ỐC ĐÈN PHANH PHÍA SAU (M4.2X1.41MM) (CÓ MIẾNG LÀM KÍN) (14.683)	1	Chiếc	15.000	16.500
STD60000024	NUT,TRANSAXLE	ĐAI ỐC HỘP SỐ (M10X1, 5MM) (2.383)	1	Chiếc	5.000	5.500
STD60000034	NUT,F/CMPT FRT PNL	ĐAI ỐC MÔ ĐUN ĐIỀU KHIỂN CẢNH BÁO HỖ TRỢ ĐỖ XE (M6X1MM) (1.428)	1	Chiếc	3.000	3.300
STD60000072	NUT,FRT LWR CONT ARM BALL STUD	ĐAI ỐC MÔ TƠ ĐỀ (M10X11.2MM) (7.570)	1	Chiếc	7.000	7.700
PWT60000194	NUT,EXH FRT PIPE	ĐAI ỐC ỐNG XẢ TRƯỚC (M8X1, 25MM) (KHÔNG CÓ ĐỆM) (3.685)	1	Chiếc	15.000	16.500
SVC60000443	NUT,5TH GR	ĐAI ỐC SỐ 5 (M16X1.5MM)	1	Chiếc	6.000	6.600
BIN60000053	NUT,I/P AIRBAG	ĐAI ỐC TÚI KHÍ TRÊN BẢNG TÁP LÔ (HÌNH CHỮ U, M6X1.0) (7.039)	1	Chiếc	23.000	25.300
STD60000079	NUT,A/C CMPR & CNDSR HOSE	ĐAI ỐC XY LANH LY HỢP CHÍNH (M8X1. 25X8MM) (W/O WASHER) (M8*8MM) (9.242)	1	Chiếc	2.000	2.200
SVC60001244	NUT,BRK M/CYL	ĐAI ỐC XY LANH PHANH CHÍNH (CHI TIẾT CỦA 6, 9)	1	Chiếc	9.000	9.900
BIW60000051	NUT,L/GATE HGE (BODY SI)	ĐAI ỐC, BẢN LỀ CỬA HẬU (CẠNH THÂN XE) (M10X1,5MM) (VÒNG ĐỆM LÒ XO HÌNH NÓN LỤC GIÁC)	1	Chiếc	12.000	13.200
SVC60000434	NUT,COMMUNICATION INTERFACE MDL BAT	ĐAI ỐC, BẢN LỀ NẮP CAPÔ (PHÍA NẮP CAPÔ)(M6X1,0MM)	1	Chiếc	5.000	5.500
STD60000155	NUT,FRT S/D PULL HDL BRKT	ĐAI ỐC, BẮT DÂY CÁP NHẢ CHỐT KHÓA CHÍNH NẮP CA BÔ (U) (LOẠI ĐẨY VÀO) (LẮP LỖ 8,75MM)) (9.665)	1	Chiếc	5.000	5.500
SVC60000435	NUT,FRT S/D LK STKR	ĐAI ỐC, BẮT GIÁ ĐỠ BÊN DƯỚI BẢNG TÁP LÔ (M8X1,25MM) (MẶT BÍCH LỤC GIÁC) (14.875)	1	Chiếc	4.000	4.400
STD60000022	NUT,CTLTC CONV (AT ENG)	ĐAI ỐC, BIẾN MÔ THỦY LỰC (TRÊN ĐỘNG CƠ) (M8X1,25MM) (M8*9.4MM)	1	Chiếc	5.000	5.500
SVC60000422	NUT,RR ST CTR BELT RETR	ĐAI ỐC, BỘ CĂNG ĐAI CỦA BỘ RÚT ĐAI AN TOÀN GHẾ GIỮA PHÍA SAU	1	Chiếc	15.000	16.500
SVC60001037	NUT,A/TRNS RANGE SEL LVR	ĐAI ỐC, CẦN CHỌN SỐ HỘP SỐ TỰ ĐỘNG	1	Chiếc	101.000	111.100
STD60000249	NUT,GEN BAT TERM	ĐAI ỐC, CÁP MÁY ĐỀ VÀ MÁY PHÁT ĐIỆN (M8X1,25MM) (THK 6.6) (CỰC MÔ TƠ ĐỀ) (2. 343)	1	Chiếc	6.000	6.600
SVC60000289	NUT,R/SEAT BK LAT	ĐAI ỐC, CHỐT LƯNG GHẾ NGỒI PHÍA SAU (MỘT PHẦN CỦA 8) (*KIT1)	1	Chiếc	2.000	2.200
SVC60001316	NUT,R/SEAT CUSH BRKT (PUSH ON)	ĐAI ỐC, GIÁ ĐỠ NỆM GHẾ NGỒI SAU (LOẠI NHẤN VÀO) (*KIT1,KIT2)	1	Chiếc	5.000	5.500
STD60000106	NUT,DA UPR EXTN PNL OPG CVR	ĐAI ỐC, NẮP ĐẬY LỖ TRÊN TẤM MỞ RỘNG PHÍA TRÊN BẢNG ĐIỀU KHIỂN (M6X1X19MM) (1.269)	1	Chiếc	5.000	5.500
SVC60000285	BOLT,BODY FRT WRG HARN GND	ĐAI ỐC, RAY BÊN PHẢI PHÍA TRƯỚC (BẰNG ĐỒNG) (6MM) (TRÒN) (9.647)	1	Chiếc	5.000	5.500
SVC60000732	PLATE,A/TRNS FLEX	DẢI PHANH HỘP SỐ TỰ ĐỘNG	1	Chiếc	1.195.000	1.314.500
SVC60001365	GUIDE,REV SHFT SHF	DẪN HƯỚNG TRỤC CHUYỂN SỐ LÙI	1	Chiếc	236.000	259.600
SVC60000456	GUIDE,R/SEAT H/RST	DẪN HƯỚNG TỰA ĐẦU GHẾ SAU (MÀU ĐEN) (*KIT1)	1	Chiếc	50.000	55.000
SVC60000458	GUIDE,R/SEAT H/RST	DẪN HƯỚNG TỰA ĐẦU GHẾ SAU (MÀU ĐEN) (KHÔNG PHẢI LOẠI NÚT) (*KIT1)	1	Chiếc	50.000	55.000
SVC60000737	GUIDE,TMG CHAIN	DẪN HƯỚNG XÍCH CAM	1	Chiếc	276.000	303.600
SVC60000735	GUIDE,TMG CHAIN	DẪN HƯỚNG XÍCH CAM	1	Chiếc	276.000	303.600
BIN60001552	GUIDE,I/P LOC	DẪN HƯỚNG, VỊ TRÍ BẢNG TÁP LÔ	1	Chiếc	48.000	52.800
SVC60001751	ENGINE OIL- 0W20 (1L)	DẦU ĐỘNG CƠ 0W20 (1L)	1	Can	185.000	203.500
SVC60001752	ENGINE OIL- 0W20 (3.8L)	DẦU ĐỘNG CƠ 0W20 (3.8L)	1	Can	701.000	771.100
SVC60000413	FLUID/ATRNS CVT	DẦU HỘP SỐ CVT	1	Can	390.000	429.000
SVC60001265	CONNECTOR,WSWA PUMP HOSE	ĐẦU NỐI, ĐƯỜNG ỐNG BƠM NƯỚC RỬA KÍNH CHẮN GIÓ	1	Chiếc	23.000	25.300
SVC60000947	CONNECTOR,TRANS FLUID CLR PIPE	ĐẦU NỐI, ỐNG LÀM MÁT DẦU HỘP SỐ (CHI TIẾT CỦA 1) (BAO GỒM 2)	1	Chiếc	294.000	323.400
SVC60000294	CABLE,RF ACSRY RDO ANT	DÂY ĂNG TEN NÓC XE	1	Chiếc	607.000	667.700
PWT60001330	STRAP,F/TNK	DÂY BUỘC BÌNH NHIÊN LIỆU	1	Chiếc	122.000	134.200
PWT60001331	STRAP,F/TNK	DÂY BUỘC BÌNH NHIÊN LIỆU	1	Chiếc	119.000	130.900
SVC60001038	PAN,A/TRNS FLUID	ĐÁY CÁC TE DẦU HỘP SỐ TỰ ĐỘNG	1	Chiếc	1.894.000	2.083.400
BIN60000773	RETRACTOR,R/SEAT BELT	DÂY ĐAI AN TOÀN PHẢI	1	Chiếc	741.000	815.100
SVC60000349	HARNESS,FUEL SDR WRG	DÂY ĐIỆN BƠM NHIÊN LIỆU	1	Chiếc	326.000	358.600
EEP60000763	HARNESS,L/GATE WRG	DÂY ĐIỆN CỬA HẬU	1	Chiếc	1.111.000	1.222.100
SVC60000967	HARNESS,L/GATE WRG	DÂY ĐIỆN CỬA HẬU	1	Chiếc	1.406.000	1.546.600
SVC60001178	HARNESS,A/C WRG	DÂY ĐIỆN ĐIỀU HÒA	1	Chiếc	1.641.000	1.805.100
EEP60001090	HARNESS,ENG WRG	DÂY ĐIỆN ĐỘNG CƠ	1	Chiếc	14.905.000	16.395.500
SVC60001177	WIRE,BLO MOT	DÂY ĐIỆN MÔ TƠ QUẠT GIÓ	1	Chiếc	337.000	370.700
SVC60001453	HARNESS,FWD LP WRG	DÂY ĐIỆN TÁP LÔ	1	Chiếc	4.242.000	4.666.200
SVC60001454	HARNESS,FWD LP WRG	DÂY ĐIỆN TÁP LÔ	1	Chiếc	4.429.000	4.871.900
SVC60001126	CABLE,A/TRNS RANGE SEL LVR	DÂY SỐ HỘP SỐ TỰ ĐỘNG	1	Chiếc	540.000	594.000
SVC60000332	WIRE,RR LIC PLT LP	DÂY, ĐÈN SOI BIỂN SỐ SAU (MỘT PHẦN CỦA 3) (*KIT1)	1	Chiếc	614.000	675.400
SVC60000334	WIRE,RR LIC PLT LP	DÂY, ĐÈN SOI BIỂN SỐ SAU (MỘT PHẦN CỦA 3) (*KIT1)	1	Chiếc	1.195.000	1.314.500
EEP60001322	BASE,RDO ANT	ĐẾ ĂNG TEN (BAO GỒM 4)	1	Chiếc	488.000	536.800
BIN60000906	CUSHION,R/SEAT	ĐỆM GHẾ SAU (BAO GỒM 1, 7,9,10) (MÀU BẠC SẪM)	1	Chiếc	3.492.000	3.841.200
BIN60000907	CUSHION,R/SEAT	ĐỆM GHẾ SAU (BAO GỒM 6-8, 11) (MÀU BẠC SẪM)	1	Chiếc	2.765.000	3.041.500
BIN60001027	CUSHION,R/SEAT	ĐỆM GHẾ SAU (BAO GỒM 6-8, 11) (MÀU ĐEN)	1	Chiếc	2.766.000	3.042.600
BIN60001029	CUSHION,R/SEAT	ĐỆM GHẾ SAU PHẢI	1	Chiếc	3.961.000	4.357.100
SVC60000274	SEAL,A/TRNS FLUID FLTR	ĐỆM LÀM KÍN BỘ LỌC DẦU HỘP SỐ TỰ ĐỘNG (4.203)	1	Chiếc	14.000	15.400
SVC60000280	SEAL,A/TRNS FLUID FLTR	ĐỆM LÀM KÍN BỘ LỌC DẦU HỘP SỐ TỰ ĐỘNG (DÀNH CHO BỘ LỌC, NẮP ĐẬY DẦU HỘP SỐ TỰ ĐỘNG)	1	Chiếc	159.000	174.900
SVC60000730	SEAL,ENG OIL LVL IND CONT MDL WRG HARN	ĐỆM LÀM KÍN, BÓ DÂY MÔ ĐUN ĐIỀU KHIỂN ĐỒNG HỒ BÁO MỨC DẦU ĐỘNG CƠ (CHI TIẾT CỦA 19,28)	1	Chiếc	171.000	188.100
BIW60001571	SEAL,F/TNK FIL DR	ĐỆM LÀM KÍN, CỬA NẠP BÌNH NHIÊN LIỆU (12. 810)	1	Chiếc	1.000	1.100
SVC60000802	SEAL,EXH VLV STEM OIL	ĐỆM LÀM KÍN, DẦU CẦN VAN XẢ (MỘT PHẦN CỦA 14) (*KIT2)	1	Chiếc	27.000	29.700
SVC60000835	SEAL,INT VLV STEM OIL	ĐỆM LÀM KÍN, DẦU THÂN XU PÁP NẠP (MỘT PHẦN CỦA 14) (*KIT2)	1	Chiếc	27.000	29.700
SVC60000744	SEAL,PSTN OIL NOZ OIL PASG (O RING)	ĐỆM LÀM KÍN, ĐƯỜNG DẪN DẦU VÒI PHUN DẦU PÍTTÔNG (GIOĂNG CHỮ O) (MỘT PHẦN CỦA 29)	1	Chiếc	84.000	92.400
SVC60000875	INDICATOR,OIL LVL	ĐÈN BÁO MỨC DẦU (BAO GỒM 31)	1	Chiếc	61.000	67.100
SVC60001300	LAMP,A/TRNS CONT POSN IND	ĐÈN BÁO VỊ TRÍ SỐ (MỘT PHẦN CỦA 1)	1	Chiếc	75.000	82.500
BEX60001178	LAMP,HIGH MT STOP	ĐÈN DỪNG BẬT TRÊN CAO	1	Chiếc	544.000	598.400
SVC60001736	LAMP,RR BODY STRUCTURE STOP	ĐÈN DỪNG PHÍA SAU TRÁI	1	Chiếc	4.857.000	5.342.700
BEX60000899	HEADLAMP,	ĐÈN PHA, (BAO GỒM 3-5,7,8)	1	Chiếc	7.940.000	8.734.000
BEX60000900	HEADLAMP,	ĐÈN PHA, (BAO GỒM 3-5,7,8)	1	Chiếc	7.940.000	8.734.000
BEX60000897	HEADLAMP,	ĐÈN PHA, (BAO GỒM 3-6,8,9)	1	Chiếc	3.970.000	4.367.000

BẢNG GIÁ PHỤ TÙNG XE VINFAST FADIL

Mã phụ tùng	Tên phụ tùng tiếng Anh	Tên phụ tùng tiếng Việt	Số lượng	Đơn vị	Giá bán lẻ (chưa VAT)	Giá bán lẻ (VAT)
BEX60000898	HEADLAMP,	ĐÈN PHA, (BAO GỒM 3-6,8,9)	1	Chiếc	3.970.000	4.367.000
BEX60000318	LAMP,LUGG CARR S/RL RR ILLUM	ĐÈN PHÁT SÁNG PHÍA SAU GIÁ HÀNH LÝ (BAO GỒM 17) (VỚI BÓNG ĐÈN) (9.988)	1	Chiếc	60.000	66.000
BEX60000435	LAMP,RR LIC PLT	ĐÈN SOI BIỂN SỐ SAU (BAO GỒM 4-6) (*KIT1)	1	Chiếc	1.205.000	1.325.500
BEX60001476	LAMP,RR LIC PLT	ĐÈN SOI BIỂN SỐ SAU (BAO GỒM 4-6) (*KIT1)	1	Chiếc	637.000	700.700
BEX60000702	LAMP,FRT FOG	ĐÈN SƯƠNG MÙ PHÍA TRƯỚC (BAO GỒM 14) (CHỈ CÓ ĐÈN)	1	Chiếc	953.000	1.048.300
BEX60001577	LAMP,FRT SI T/SIG	ĐÈN XI NHAN PHÍA TRƯỚC (BAO GỒM 12)	1	Chiếc	85.000	93.500
SVC60001084	LAMP,O/S RR VIEW MIR T/SIG	ĐÈN XI NHAN TRÊN GƯƠNG CHIẾU HẬU (MỘT PHẦN CỦA 1) (*KIT1)	1	Chiếc	707.000	777.700
SVC60001085	LAMP,O/S RR VIEW MIR T/SIG	ĐÈN XI NHAN TRÊN GƯƠNG CHIẾU HẬU (MỘT PHẦN CỦA 1) (*KIT1)	1	Chiếc	707.000	777.700
BEX60000787	LAMP,RR STOP	ĐÈN, DỪNG PHÍA SAU (BAO GỒM 5-8)	1	Chiếc	1.912.000	2.103.200
BEX60000788	LAMP,RR STOP	ĐÈN, DỪNG PHÍA SAU (BAO GỒM 5-8)	1	Chiếc	1.912.000	2.103.200
BEX60000840	LAMP,RR STOP	ĐÈN, DỪNG PHÍA SAU (BAO GỒM 5-8)	1	Chiếc	4.702.000	5.172.200
BEX60000841	LAMP,RR STOP	ĐÈN, DỪNG PHÍA SAU (BAO GỒM 5-8)	1	Chiếc	4.702.000	5.172.200
SVC60001326	PLATE,I/P SW TR	ĐĨA KIM LOẠI, TRANG TRÍ CÔNG TẮC BẢNG TÁP LÔ (MỘT PHẦN CỦA 6) (MÀU XANH LÁ CÂY)	1	Chiếc	84.000	92.400
SVC60000664	PLATE,FRT S/D A/RST SW MT	ĐĨA LẮP ĐẶT CÔNG TẮC TỰA TAY CỬA TRƯỚC (MỘT PHẦN CỦA 14) (MÀU ĐEN)	1	Chiếc	178.000	195.800
SVC60000324	PLATE,FRT S/D A/RST SW MT	ĐĨA LẮP ĐẶT CÔNG TẮC TỰA TAY CỬA TRƯỚC (MỘT PHẦN CỦA 9) (MÀU ĐEN)	1	Chiếc	176.000	193.600
SVC60000799	SPROCKET,CR/SHF	ĐĨA RĂNG TRỤC KHUỶU	1	Chiếc	293.000	322.300
SVC60000888	PLATE,FRT S/D LAT STKR ANC	ĐĨA, NEO CƠ CẤU NGẮT CHỐT CỬA HÔNG PHỈA TRƯỚC (MỘT PHẦN CỦA 5)	1	Chiếc	23.000	25.300
BEX60000963	FADIL LETTERING	ĐĨA, TÊN XE Ở CỬA HẬU (FADIL)	1	Chiếc	178.000	195.800
SVC60000572	ADJUSTER,HYD VLV LASH	ĐIỀU CHỈNH KHE HỞ VAN THỦY LỰC (TUỲ CHỌN CÙNG VỚI 24100005)	1	Chiếc	141.000	155.100
SVC60000367	CONTROL,HTR & A/C REM	ĐIỀU KHIỂN BỘ SƯỞI & ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ TỪ XA	1	Chiếc	2.180.000	2.398.000
EEP60000798	CONTROL,HTR & A/C USER INTERFACE	ĐIỀU KHIỂN, GIAO DIỆN NGƯỜI DÙNG ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ VÀ BỘ SƯỞI	1	Chiếc	6.000.000	6.600.000
SVC60001081	CONTROL,M/TRNS (W/SHFT PATT)	ĐIỀU KHIỂN, HỘP SỐ SÀN (CÓ MẪU SANG SỐ)	1	Chiếc	2.976.000	3.273.600
SVC60001193	CONTROL,BLO MOT	ĐIỀU KHIỂN, MÔ-TƠ QUẠT GIÓ	1	Chiếc	218.000	239.800
SVC60000366	CONTROL,BLO MOT	ĐIỀU KHIỂN, MÔ-TƠ QUẠT GIÓ (U) (9.277)	1	Chiếc	1.946.000	2.140.600
STD90000426	HEX_HEAD_SCREW_F._THERMOPL.PLAST	ĐINH ỐC ĐẦU LỤC GIÁC	1	Chiếc	3.000	3.300
STD60000255	BOLT,WRG HARN CLIP	ĐINH TÁN BẮT TẤM CÁCH NHIỆT BỘ CHUYỂN ĐỔI XÚC TÁC(M5X1.6X14.2MM)(M5X1.6X14.2MM)(12.804)	1	Chiếc	1.000	1.100
STD60000018	STUD,A/C CMPR	ĐINH TÁN CỦA MÁY PHÁT (M8X1.25X16MM) (9.173)	1	Chiếc	42.000	46.200
SVC60000361	STUD,STRTR	ĐINH TÁN, MÔ-TƠ ĐỀ (M10X1.5X36MM)	1	Chiếc	23.000	25.300
SVC60000445	STUD,R/END PNL	ĐINH TÁN,TẤM CHỤP BÊN (M6X16.15X15MM)(ĐAI ỐC - HÀN)	1	Chiếc	2.000	2.200
SVC60000573	FITTING,OIL FLTR	ĐỒ GÁ LẮP BỘ LỌC DẦU	1	Chiếc	47.000	51.700
BIW60001566	BELLCRANK,RR S/D LKG ROD	ĐÒN KHUỶU THANH KHÓA CỬA SAU	1	Chiếc	9.000	9.900
SVC60001100	LINK,FRT STAB SHF	ĐÒN NỐI TRỤC CÂN BẰNG TRƯỚC	1	Chiếc	267.000	293.700
SVC60000428	LINK,MODE VLV	ĐÒN NỐI VAN CHUYỂN CHẾ ĐỘ	1	Chiếc	152.000	167.200
SVC60000437	LINK,MODE VLV	ĐÒN NỐI VAN CHUYỂN CHẾ ĐỘ	1	Chiếc	131.000	144.100
SVC60001194	LINK,AIR INL VLV	ĐÒN NỐI VAN KHÍ NẠP	1	Chiếc	23.000	25.300
SVC60000843	ENGINE,GASOLINE (SERV NEW)	ĐỘNG CƠ, XĂNG (BẢO TRÌ MỚI)	1	Chiếc	68.911.000	75.802.100
EEP60000880	CLUSTER,INST	ĐỒNG HỒ TÁP LÔ	1	Chiếc	7.186.000	7.904.600
BIN60001507	CLOSEOUT,I/P STRG COL OPG	ĐÓNG KÍN, KHE HỞ TRỤ LÁI BẢNG TÁP-LÔ (MÀU ĐEN)	1	Chiếc	59.000	64.900
SVC60000782	SOCKET,HDLP	ĐUI ĐÈN PHA (MỘT PHẦN CỦA 1)	1	Chiếc	34.000	37.400
SVC60001482	INSERT KIT,1ST,2ND,3RD,4TH,5TH & REV GR SYN	DỤNG CỤ LẮP VÒNG ĐỒNG TỐC SỐ 1, SỐ 2, SỐ 3, SỐ 4, SỐ 5, SỐ LÙI (MỘT PHẦN CỦA 7)	1	Chiếc	18.000	19.800
SVC60000952	PULLER,FUSE	DỤNG CỤ THÁO CẦU CHÌ (MỘT PHẦN CỦA 8)	1	Chiếc	66.000	72.600
CHS60001492	WRENCH,WHL	DỤNG CỤ THÁO LẮP BÁNH XE	1	Chiếc	113.000	124.300
CHS60001526	STOP,FRT SUSP MT RBND BPR	DỪNG XE, BỘ LẮP BA-ĐỜ-XÓC KHUNG TREO PHÍA TRƯỚC	1	Chiếc	82.000	90.200
SVC60001327	STOP,I/P COMPT DR	DỪNG, CỬA KHOANG BẢNG TÁP-LÔ (MỘT PHẦN CỦA 8)	1	Chiếc	14.000	15.400
SVC60000765	OUTLET,I/P CTR AIR	ĐƯỜNG GIÓ RA GIỮA TÁP LÔ (*KIT1)	1	Chiếc	516.000	567.600
CHS60001448	OUTLET,I/P OTR AIR	ĐƯỜNG GIÓ RA PHÍA NGOÀI TÁP LÔ	1	Chiếc	270.000	297.000
CHS60001449	OUTLET,I/P OTR AIR	ĐƯỜNG GIÓ RA PHÍA NGOÀI TÁP LÔ	1	Chiếc	270.000	297.000
CHS60001450	OUTLET,I/P OTR AIR	ĐƯỜNG GIÓ RA PHÍA NGOÀI TÁP LÔ	1	Chiếc	246.000	270.600
CHS60001451	OUTLET,I/P OTR AIR	ĐƯỜNG GIÓ RA PHÍA NGOÀI TÁP LÔ	1	Chiếc	246.000	270.600
SVC60000793	OUTLET,WAT	ĐƯỜNG NƯỚC RA (BAO GỒM 45, 46,48-50)	1	Chiếc	722.000	794.200
CHS60000638	PIPE,FRT BRK	ĐƯỜNG ỐNG DẦU PHANH TRƯỚC (BAO GỒM 2, 3)	1	Chiếc	183.000	201.300
CHS60000637	PIPE,FRT BRK	ĐƯỜNG ỐNG DẦU PHANH TRƯỚC (BAO GỒM 3)	1	Chiếc	131.000	144.100
PWT60000456	PIPE,F/TNK FIL(W/FIL HOSE)	ĐƯỜNG ỐNG ĐỔ NHIÊN LIỆU VÀO BÌNH NHIÊN LIỆU (CÓ ỐNG ĐỔ) (BAO GỒM 6-9)	1	Chiếc	2.217.000	2.438.700
CHS60001390	PIPE,BRK PRESS MOD VLV RR BRK	ĐƯỜNG ỐNG VAN ĐIỀU HÒA LỰC PHANH PHANH SAU (BAO GỒM 15)	1	Chiếc	131.000	144.100
CHS60001389	PIPE,BRK PRESS MOD VLV FRT BRK	ĐƯỜNG ỐNG VAN ĐIỀU HÒA LỰC PHANH PHANH TRƯỚC (BAO GỒM 12)	1	Chiếc	129.000	141.900
SVC60000326	HOSE,WSWA PUMP	ĐƯỜNG ỐNG, BƠM NƯỚC RỬA KÍNH CHẮN GIÓ	1	Chiếc	46.000	50.600
SVC60001182	HOSE,A/C EVPR MDL DRN	ĐƯỜNG ỐNG, HÚT CỦA MÔ ĐUN GIÀN NÓNG ĐIỀU HÒA	1	Chiếc	251.000	276.100
BIW60001473	BRACKET,BODY SI F/FDR RR LWR	GIÁ BẮT PHÍA DƯỚI SAU VÈ SƯỜN XE (BAO GỒM 4)	1	Chiếc	23.000	25.300
SVC60000542	BRACKET,STRG COL CONT MDL	GIÁ BẮT, MÔ ĐUN ĐIỀU KHIỂN TRỤ LÁI	1	Chiếc	230.000	253.000
BIW60000469	REINFORCEMENT,CTR PLR OTR PNL	GIA CƯỜNG, TẤM NGOÀI TRỤ TRUNG TÂM (BAO GỒM 7)	1	Chiếc	1.327.000	1.459.700
BIW60000470	REINFORCEMENT,CTR PLR OTR PNL	GIA CƯỜNG, TẤM NGOÀI TRỤ TRUNG TÂM (BAO GỒM 7)	1	Chiếc	1.327.000	1.459.700
BIW60001418	REINFORCEMENT,R/CMPT PNL	GIA CƯỜNG, TẤM ỐP KHOANG SAU	1	Chiếc	54.000	59.400
SVC60000665	BRACKET,HDLP UPR	GIÁ ĐỠ BÊN TRÊN ĐÈN PHA (MỘT PHẦN CỦA 19)	1	Chiếc	73.000	80.300
SVC60000666	BRACKET,HDLP UPR	GIÁ ĐỠ BÊN TRÊN ĐÈN PHA (MỘT PHẦN CỦA 6)	1	Chiếc	73.000	80.300
EEP60000904	BRACKET,RDO	GIÁ ĐỠ BỘ ĐÀI	1	Chiếc	211.000	232.100
SVC60001344	BRACKET,ENG WRG HARN (TO TRANS)	GIÁ ĐỠ BÓ DÂY ĐIỆN ĐỘNG CƠ (ĐẾN HỘP SỐ) (DÙNG CHO VỎ, PHÍA TRÊN HỘP SỐ) (2. 525)	1	Chiếc	60.000	66.000
PWT60001527	BRACKET,A/TRNS RANGE SEL LVR CBL	GIÁ ĐỠ CÁP CHUYỂN SỐ	1	Chiếc	54.000	59.400
CHS60001357	BRACKET,TRANS MT	GIÁ ĐỠ CHÂN HỘP SỐ	1	Chiếc	403.000	443.300
BIN60000979	PLATE,I/P TR	GIÁ ĐỠ CÔNG TẮC TÁP LÔ	1	Chiếc	1.453.000	1.598.300
SVC60000832	BRACKET,R/SEAT CUSH	GIÁ ĐỠ ĐỆM GHẾ SAU #2 (*KIT2)	1	Chiếc	174.000	191.400
SVC60001121	BRACKET,FRT LWR CONT ARM FRT	GIÁ ĐỠ ĐÒN ĐIỀU KHIỂN PHÍA DƯỚI PHÍA TRƯỚC	1	Chiếc	23.000	25.300
SVC60001706	CRADLE,DRIVETRAIN & FRT SUSP	GIÁ ĐỠ ĐỘNG CƠ	1	Chiếc	7.303.000	**8.033.300**
BIW60001423	BRACKET,SPA WHL CARR	GIÁ ĐỠ GIÁ BÁNH XE DỰ PHÒNG	1	Chiếc	24.000	26.400
CHS60000551	BRACKET,ENG MT	GIÁ ĐỠ LẮP ĐỘNG CƠ	1	Chiếc	1.059.000	1.164.900
SVC60001141	BRACKET,RR BPR FASCIA	GIÁ ĐỠ MẶT CẢN SAU (PHÍA TRÊN) (7.831)	1	Chiếc	38.000	41.800
EEP60000577	BRACKET,BCM	GIÁ ĐỠ MÔ ĐUN ĐIỀU KHIỂN THÂN XE (BCM)	1	Chiếc	96.000	105.600
SVC60000684	BRACKET,ENG LIFT FRT	GIÁ ĐỠ NÂNG PHÍA TRƯỚC ĐỘNG CƠ	1	Chiếc	66.000	72.600
SVC60000934	BRACKET,FRT BRK CLPR	GIÁ ĐỠ NGÀM PHANH TRƯỚC	1	Chiếc	666.000	732.600
SVC60000935	BRACKET,FRT BRK CLPR	GIÁ ĐỠ NGÀM PHANH TRƯỚC	1	Chiếc	666.000	732.600
SVC60000856	PLATE,RR BRK BKG	GIÁ ĐỠ PHANH SAU TRÁI	1	Chiếc	525.000	577.500
SVC60000857	PLATE,RR BRK BKG	GIÁ ĐỠ PHANH SAU TRÁI	1	Chiếc	525.000	577.500
SVC60000819	BRACKET,RAD LWR	GIÁ ĐỠ PHÍA DƯỚI TẢN NHIỆT (66MM)	1	Chiếc	84.000	92.400
BIN60001420	BRACKET,R/SEAT FRT	GIÁ ĐỠ PHÍA TRƯỚC GHẾ SAU	1	Chiếc	23.000	25.300
BIN60000860	BRACKET,I/P UPR T/PNL	GIÁ ĐỠ TẤM ỐP TRANG TRÍ TRÊN BẢNG ĐỒNG HỒ TÁP LÔ (MÀU ĐEN)	1	Chiếc	291.000	320.100
BIW60000958	BRACKET-FRTS/DO/SHDL	GIÁ ĐỠ TAY NẮM NGOÀI CỬA TRƯỚC (BAO GỒM 15, 22,25,27)	1	Chiếc	356.000	391.600
PWT60000280	BRACKET,CTLTC CONV BR	GIÁ ĐỠ THANH GIẰNG BẦU TRUNG HÒA KHÍ THẢI (CÓ 2 BU LÔNG HÀN)	1	Chiếc	445.000	489.500

BẢNG GIÁ PHỤ TÙNG XE VINFAST FADIL

Mã phụ tùng	Tên phụ tùng tiếng Anh	Tên phụ tùng tiếng Việt	Số lượng	Đơn vị	Giá bán lẻ (chưa VAT)	Giá bán lẻ (VAT)
SVC60000752	BRACKET,CTLTC CONV BR	GIÁ ĐỠ THANH GIẰNG BẦU TRUNG HÒA KHÍ THẢI (MỘT PHẦN CỦA 12) (KHÔNG CÓ BU LÔNG HÀN)	1	Chiếc	356.000	391.600
SVC60001360	STRAP,RAD SURGE TK OTLT HOSE	GIÁ ĐỠ TREO, ỐNG RA TỪ BÌNH ĐIỀU ÁP CỦA KÉT NƯỚC LÀM MÁT (MỘT PHẦN CỦA 1) (8. 846)	1	Chiếc	13.000	14.300
SVC60001383	BRACKET,BRK PRESS MOD VLV	GIÁ ĐỠ VAN ĐIỀU HÒA LỰC PHANH	1	Chiếc	1.097.000	1.206.700
SVC60001384	BRACKET,BRK PRESS MOD VLV	GIÁ ĐỠ VAN ĐIỀU HÒA LỰC PHANH	1	Chiếc	1.125.000	1.237.500
SVC60000328	BRACKET,F/FDR FRT	GIÁ ĐỠ VÈ TRƯỚC	1	Chiếc	94.000	103.400
SVC60000329	BRACKET,F/FDR FRT	GIÁ ĐỠ VÈ TRƯỚC	1	Chiếc	94.000	103.400
SVC60000291	BRACKET,RR CTR ST BELT RETR	GIÁ ĐỠ, BỘ CĂNG ĐAI CỦA BỘ RÚT ĐAI AN TOÀN GHẾ GIỮA PHÍA SAU (*KIT1)	1	Chiếc	52.000	57.200
SVC60001313	BRACKET,T/SIG SW	GIÁ ĐỠ, CÔNG TẮC ĐÈN XI NHAN (*KIT1)	1	Chiếc	218.000	239.800
SVC60001142	BRACKET,BODY SI R/CMPT LID BPR	GIÁ ĐỠ, GIẢM CHẤN NẮP KHOANG SAU PHÍA THÂN XE (PHÍA DƯỚI) (7.831)	1	Chiếc	30.000	33.000
BIN60001366	BRACKET,RR S/D A/RST PULL CUP	GIÁ ĐỠ, HỐC KÉO TỰA TAY CỬA SAU	1	Chiếc	59.000	64.900
BIN60001367	BRACKET,RR S/D A/RST PULL CUP	GIÁ ĐỠ, HỐC KÉO TỰA TAY CỬA SAU	1	Chiếc	59.000	64.900
PWT60000607	BRACKET,TCM	GIÁ ĐỠ, MÔ ĐUN ĐIỀU KHIỂN HỘP SỐ	1	Chiếc	89.000	97.900
EEP60000403	BRACKET,M/FUNC RLY MDL	GIÁ ĐỠ, MÔ ĐUN RELAY ĐA CHỨC NĂNG	1	Chiếc	103.000	113.300
CHS60001361	BRACKET,TRANS MT STRUT	GIÁ ĐỠ, THANH GIẰNG HỘP SỐ SÀN	1	Chiếc	502.000	552.200
BIN60001519	BRACKET,FRT S/D A/RST	GIÁ ĐỠ, TỰA TAY Ở CỬA HÔNG PHÍA TRƯỚC	1	Chiếc	31.000	34.100
SVC60001166	HANGER,EXH RR	GIÁ TREO, ỐNG XẢ PHÍA SAU (MỘT PHẦN CỦA 11)	1	Chiếc	82.000	90.200
SVC60000675	ABSORBER,RR SHK	GIẢM CHẤN, GIẢM XÓC SAU	1	Chiếc	1.212.000	1.333.200
SVC60001197	EVAPORATOR KIT,A/C	GIÀN LẠNH ĐIỀU HÒA (BAO GỒM 30, 31,33,36, 37)	1	Chiếc	4.265.000	4.691.500
SVC60000496	CONDENSER,A/C	GIÀN NÓNG ĐIỀU HÒA (THAM KHẢO PHẦN 09 "HỆ THỐNG ĐIỀU HÒA" ĐỂ CÓ HÌNH ẢNH CHI TIẾT)	1	Chiếc	5.054.000	5.559.400
SVC60001228	SEAL,F/PMP(O RING)	GIOĂNG (VÒNG GIOĂNG) BƠM NHIÊN LIỆU (CHI TIẾT CỦA 3, 15)	1	Chiếc	227.000	249.700
SVC60001048	SEAL,A/TRNS INPUT SPD SEN (O RING)	GIOĂNG (VÒNG GIOĂNG) CẢM BIẾN TỐC ĐỘ SƠ CẤP HỘP SỐ TỰ ĐỘNG	1	Chiếc	122.000	134.200
SVC60000990	SEAL,OIL FIL CAP(O RING)	GIOĂNG (VÒNG GIOĂNG) NẮP ĐIỀN DẦU BÔI TRƠN (PHẦN 28) (ĐƯỜNG KÍNH TRONG 27, 94MM) (DÙNG CHO ỐNG RÓT DẦU) (1.745)	1	Chiếc	469.000	515.900
SVC60000576	SEAL,OIL PAN DRN PLUG(O RING)	GIOĂNG (VÒNG GIOĂNG) NÚT XẢ DẦU ĐÁY CÁC TE (CHI TIẾT CỦA 21, 23) (PHẦN CHÍNH HÌNH CHỮ NHẬT,ĐƯỜNG KÍNH TỐI ĐA 19,39 MM)	1	Chiếc	159.000	174.900
SVC60000994	SEAL,OIL LVL IND(O RING)	GIOĂNG (VÒNG GIOĂNG) ỐNG CHỈ THỊ MỨC DẦU (PHẦN 30) (MÀU ĐỎ)	1	Chiếc	502.000	552.200
SVC60001044	SEAL,TRANS FLUID FIL TUBE(O RING)	GIOĂNG (VÒNG GIOĂNG) ỐNG ĐỔ DẦU HỘP SỐ TỰ ĐỘNG	1	Chiếc	401.000	441.100
SVC60000814	SEAL,F/INJN FUEL RL(O RING)	GIOĂNG (VÒNG GIOĂNG) ỐNG NHIÊN LIỆU (BAO GỒM 9) (BỘ KIT ĐỆM LÀM KÍN)	1	Chiếc	164.000	180.400
SVC60000714	SEAL,F/INJN FUEL RL(O RING)	GIOĂNG (VÒNG GIOĂNG) ỐNG NHIÊN LIỆU (MỘT PHẦN CỦA 1, 8) (PHÍA DƯỚI) (*KIT1)	1	Chiếc	9.000	9.900
SVC60000715	SEAL,F/INJN FUEL RL(O RING)	GIOĂNG (VÒNG GIOĂNG) ỐNG NHIÊN LIỆU (MỘT PHẦN CỦA 1, 8) (PHÍA TRÊN) (*KIT1,KIT2)	1	Chiếc	39.000	42.900
SVC60001061	SEAL,INPUT SHF(O RING)	GIOĂNG (VÒNG GIOĂNG) TRỤC SƠ CẤP	1	Chiếc	1.097.000	1.206.700
SVC60000725	SEAL,CM/SHF POSN ACTR SOL VLV(O RING)	GIOĂNG (VÒNG GIOĂNG) VAN ĐIỆN TỪ CƠ CẤU DẪN ĐỘNG VỊ TRÍ TRỤC CAM (MỘT PHẦN CỦA 14)	1	Chiếc	178.000	195.800
SVC60001060	SEAL,T/CV FLUID	GIOĂNG BIẾN MÔ	1	Chiếc	1.172.000	1.289.200
SVC60000797	GASKET,VAC PUMP	GIOĂNG BƠM CHÂN KHÔNG (PHẦN 46) (*KIT1) (0.207)	1	Chiếc	70.000	77.000
SVC60000708	GASKET,O/PMP	GIOĂNG BƠM DẦU MÁY (MỘT PHẦN CỦA 12) (LOẠI DÀI)	1	Chiếc	169.000	185.900
SVC60000707	GASKET,O/PMP	GIOĂNG BƠM DẦU MÁY (MỘT PHẦN CỦA 12) (SM)	1	Chiếc	98.000	107.800
SVC60000582	GASKET,W/PMP	GIOĂNG BƠM NƯỚC LÀM MÁT (MỘT PHẦN CỦA 18)	1	Chiếc	171.000	188.100
SVC60000505	GASKET,SHFT INTLK PLT BOLT	GIOĂNG BU LÔNG TẤM LIÊN ĐỘNG CHUYỂN SỐ	1	Chiếc	3.000	3.300
SVC60000577	SEAL,CM/SHF POSN SEN(O RING)	GIOĂNG CẢM BIẾN VỊ TRÍ TRỤC CAM (VÒNG GIOĂNG) (CHI TIẾT CỦA 4, 12) (PHÍA BỘ TĂNG NẠP)	1	Chiếc	145.000	159.500
BIW60000950	BUMPER-FRT S/D	Gioăng cao su (bên trái ốp dài)	1	Chiếc	9.000	9.900
SVC60000716	GASKET,INT MANIF	GIOĂNG CỔ HÚT (MỘT PHẦN CỦA 12)	1	Chiếc	342.000	376.200
BIW60000423	WEATHERSTRIP,L/GATE	GIOĂNG CỬA NÂNG SAU XE	1	Chiếc	502.000	552.200
SVC60000543	WEATHERSTRIP,RR S/D (BODY SI)	GIOĂNG CỬA SAU (PHÍA THÂN XE)	1	Chiếc	661.000	727.100
SVC60000584	WEATHERSTRIP,RR S/D (BODY SI)	GIOĂNG CỬA SAU (PHÍA THÂN XE)	1	Chiếc	661.000	727.100
SVC60000750	WEATHERSTRIP,FRT S/D (BODY SI)	GIOĂNG CỬA TRƯỚC (PHÍA THÂN XE)	1	Chiếc	708.000	778.800
SVC60000267	SEAL,FRT WHL DRV SHF OIL	GIOĂNG DẦU TRỤC DẪN ĐỘNG BÁNH TRƯỚC	1	Chiếc	192.000	211.200
SVC60000578	GASKET,WAT OTLT	GIOĂNG ĐƯỜNG NƯỚC RA (PHẦN 47) (CÓ 29 BƯỚU NIỀNG TRÊN BỀ MẶT)	1	Chiếc	326.000	358.600
BIW60000561	WEATHERSTRIP,FRT S/D (BODY SI)	GIOĂNG KHUNG CỬA TRƯỚC PHẢI	1	Chiếc	708.000	778.800
BIW60000562	WEATHERSTRIP,FRT S/D (BODY SI)	GIOĂNG KHUNG CỬA TRƯỚC PHẢI	1	Chiếc	708.000	778.800
SVC60000809	SEAL,VAC PUMP	GIOĂNG LÀM KÍN BƠM CHÂN KHÔNG	1	Chiếc	138.000	151.800
SVC60000828	SEAL,CR/SHF FRT OIL	GIOĂNG LÀM KÍN DẦU ĐẦU TRỤC KHUỶU (PHẦN 32) (CHỈ MỘT BÊN CÓ RÃNH, BÊN KIA LÀ DẸT)	1	Chiếc	366.000	402.600
SVC60000728	SEAL,CR/SHF RR OIL	GIOĂNG LÀM KÍN DẦU ĐUÔI TRỤC KHUỶU	1	Chiếc	157.000	172.700
SVC60000755	GASKET,CYL HD	GIOĂNG MẶT MÁY	1	Chiếc	947.000	1.041.700
SVC60000529	WEATHERSTRIP,RR S/D WDO	GIOĂNG MÉP TRÊN CỬA SAU TRÁI	1	Chiếc	891.000	980.100
SVC60000530	WEATHERSTRIP,RR S/D WDO	GIOĂNG MÉP TRÊN CỬA SAU TRÁI	1	Chiếc	891.000	980.100
BIW60000751	WEATHERSTRIP,FRT S/D WDO	GIOĂNG MÉP TRÊN CỬA TRƯỚC PHẢI	1	Chiếc	783.000	861.300
BIW60000752	WEATHERSTRIP,FRT S/D WDO	GIOĂNG MÉP TRÊN CỬA TRƯỚC PHẢI	1	Chiếc	783.000	861.300
SVC60000717	GASKET,CM/SHF CVR	GIOĂNG NẮP QUY LÁT (BÊN NGOÀI) (*KIT1)	1	Chiếc	452.000	497.200
SVC60000719	GASKET,CM/SHF CVR	GIOĂNG NẮP QUY LÁT (BÊN TRONG PHÍA TRƯỚC) (*KIT1)	1	Chiếc	117.000	128.700
SVC60000718	GASKET,CM/SHF CVR	GIOĂNG NẮP QUY LÁT (MỘT PHẦN CỦA 12) (PHÍA TRONG Ở GIỮA)	1	Chiếc	117.000	128.700
SVC60000720	GASKET,CM/SHF CVR	GIOĂNG NẮP QUY LÁT (PHÍA TRONG AFT) (*KIT1)	1	Chiếc	117.000	128.700
SVC60001461	SEAL,A/C CMPR HOSE	GIOĂNG ỐNG GA VÀO GIÀN LẠNH ĐIỀU HÒA (PHẦN 32) (ĐƯỜNG KÍNH NGOÀI25M ĐƯỜNG KÍNH TRONG17M) (3/4)) (VÒNG ĐỆM BẰNG THÉP VÀ CAO SU) (*KIT2, KIT3)	1	Chiếc	42.000	46.200
SVC60000643	WEATHERSTRIP,HOOD RR	GIOĂNG PHÍA SAU NẮP CA BÔ	1	Chiếc	443.000	487.300
SVC60001110	SEALING STRIP,RR S/D WDO INR	GIOĂNG PHÍA TRONG KÍNH CỬA SAU (MỘT PHẦN CỦA 9)	1	Chiếc	232.000	255.200
SVC60001111	SEALING STRIP,RR S/D WDO INR	GIOĂNG PHÍA TRONG KÍNH CỬA SAU (MỘT PHẦN CỦA 9)	1	Chiếc	232.000	255.200
SVC60001108	SEALING STRIP,FRT S/D WDO INR	GIOĂNG PHÍA TRONG KÍNH CỬA TRƯỚC (MỘT PHẦN CỦA 14)	1	Chiếc	232.000	255.200
SVC60000490	SEAL,STRG COL DA INR	GIOĂNG PHÍA TRONG TẤM ỐP TRỤ LÁI	1	Chiếc	309.000	339.900
SVC60000852	GASKET KIT,CYL HD	GIOĂNG QUY LÁT (G)	1	Chiếc	3.351.000	3.686.100
PWT60001593	GASKET,CLU M/CYL HOLE CVR	GIOĂNG TẤM ĐẬY LỖ XI LANH TỔNG LY HỢP	1	Chiếc	79.000	86.900
BIN60001551	SEAL,I/P TR PAD	GIOĂNG TẤM ỐP TÁP LÔ	1	Chiếc	38.000	41.800
SVC60001069	SEAL,TRFER CASE TWO/FOUR WHL DRV SHFT SHF	GIOĂNG TRỤC CÀI CẦU	1	Chiếc	44.000	48.400
SVC60000784	SEAL,INPUT SHF	GIOĂNG TRỤC SƠ CẤP	1	Chiếc	24.000	26.400
SVC60000504	GASKET,REV GR HSG	GIOĂNG VỎ SỐ LÙI	1	Chiếc	5.000	5.500
SVC60001200	SEAL,A/CL RESO	GIOĂNG, BẦU CỘNG HƯỞNG BẦU LỌC GIÓ (MỘT PHẦN CỦA 18)	1	Chiếc	64.000	70.400
BIW60000452	WEATHERSTRIP,HOOD FRT EDGE	GIOĂNG, CẠNH TRƯỚC NẮP CA BÔ	1	Chiếc	211.000	232.100
BEX60000625	SEAL,RR CLSR CTR APLQ	GIOĂNG, NẸP GIỮA TẤM ĐẬY PHÍA SAU (ART OF 1) (BỌT XỐP CHỐNG ỒN TIẾP XÚC VỚI GIÁ ĐỠ MIẾNG ĐỆM) (*KIT1)	1	Chiếc	38.000	41.800
SVC60001034	SEAL,A/TRNS CASE PLUG (O RING)	GIOĂNG, NÚT BỊT VỎ HỘP SỐ TỰ ĐỘNG (VÒNG GIOĂNG)	1	Chiếc	108.000	118.800
SVC60001267	SEAL,WSWA SOLV CNTNR FIL TUBE	GIOĂNG, ỐNG NẠP BÌNH CHỨA NƯỚC RỬA KÍNH CHẮN GIÓ (MỘT PHẦN CỦA 19)	1	Chiếc	33.000	36.300
SVC60000878	SEAL,RR BPR FASCIA GDE	GIOĂNG, THANH DẪN MẶT CẢN SAU (MỘT PHẦN CỦA 10)	1	Chiếc	2.000	2.200

BẢNG GIÁ PHỤ TÙNG XE VINFAST FADIL

Mã phụ tùng	Tên phụ tùng tiếng Anh	Tên phụ tùng tiếng Việt	Số lượng	Đơn vị	Giá bán lẻ (chưa VAT)	Giá bán lẻ (VAT)
SVC60001460	SEAL,A/C EVPR TXV(O RING)	GIOĂNG, VAN TIẾT LƯU NHIỆT CỦA GIÀN NÓNG ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ (GIOĂNG CHỮ O) (PHẦN 32) (ĐƯỜNG KÍNH NGOÀI23M ĐƯỜNG KÍNH TRONG16M) (VÒNG ĐỆM BẰNG THÉP VÀ CAO SU) (5/8)) (*KIT2,KIT3)	1	Chiếc	56.000	61.600
SVC60001339	SEAL,BRK M/CYL	GIOĂNG, XYLANH PHANH CHÍNH (MỘT PHẦN CỦA 9)	1	Chiếc	89.000	97.900
SVC60001150	BUMPER,CLU PED	GỜ CHẶN BÀN ĐẠP LY HỢP (CHI TIẾT CỦA 13)	1	Chiếc	9.000	9.900
BIW60001319	BUMPER,HOOD SI	GỜ CHẶN CẠNH NẮP CA BÔ (LỤC GIÁC)	1	Chiếc	6.000	6.600
BIW60001397	BUMPER,L/GATE ADJ	GỜ CHẶN ĐIỀU CHỈNH CỬA HẬU (BẮT VÍT)	1	Chiếc	11.000	12.100
BIW60001570	BUMPER,L/GATE LWR	GỜ CHẶN PHÍA DƯỚI KÍNH CỬA HẬU (CHIỀU CAO 23 MM) (ĐẨY VÀO)	1	Chiếc	5.000	5.500
SVC60001305	BEZEL,O/S RR VIEW MIR HSG	GỜ LẮP, VỎ GƯƠNG CHIẾU HẬU BÊN NGOÀI (MỘT PHẦN CỦA 10) (*KIT1)	1	Chiếc	239.000	262.900
SVC60001307	BEZEL,O/S RR VIEW MIR HSG	GỜ LẮP, VỎ GƯƠNG CHIẾU HẬU BÊN NGOÀI (MỘT PHẦN CỦA 10) (*KIT1)	1	Chiếc	239.000	262.900
SVC60001400	SHOE KIT,RR BRK	GUỐC PHANH SAU	1	Chiếc	1.091.000	1.200.100
SVC60000800	SHOE,TMG CHAIN TENSR	GUỐC, BỘ TĂNG XÍCH CAM	1	Chiếc	286.000	314.600
SVC60001309	MIRROR,O/S RR VIEW (REFL GLS & BKG PLT)	GƯƠNG CHIẾU HẬU	1	Chiếc	310.000	341.000
SVC60001311	MIRROR,O/S RR VIEW (REFL GLS & BKG PLT)	GƯƠNG CHIẾU HẬU	1	Chiếc	310.000	341.000
SVC60000824	MIRROR,O/S RR VIEW (W/O CVR)	GƯƠNG CHIẾU HẬU	1	Chiếc	3.726.000	4.098.600
BIW60000351	MIRROR,I/S RR VIEW	GƯƠNG CHIẾU HẬU TRONG XE (CÓ THỂ NGHIÊNG (PRISM) (BAO GỒM 4)	1	Chiếc	323.000	355.300
BIW60000928	MIRROR,O/S RR VIEW W/O CVR	GƯƠNG, CHIẾU HẬU PHÍA BÊN NGOÀI (KHÔNG CÓ NẮP CHE) (BAO GỒM 2,4-9,11) (*KIT1)	1	Chiếc	3.848.000	4.232.800
BIW60001474	POCKET,BODY SI T/LP	HỐC BẮT ĐÈN HẬU TRÊN SƯỜN XE	1	Chiếc	408.000	448.800
BIW60001475	POCKET,BODY SI T/LP	HỐC BẮT ĐÈN HẬU TRÊN SƯỜN XE	1	Chiếc	408.000	448.800
BIW60000696	POCKET,F/TNK FILL	HỐC, NẮP BÌNH NHIÊN LIỆU	1	Chiếc	145.000	159.500
CHS60001160	CONTROL,HTR & A/C REM	HỘP ĐIỀU KHIỂN CÔNG TẮC ĐIỀU HÒA	1	Chiếc	1.791.000	1.970.100
SVC60000767	CONSOLE,F/FLR LWR	HỘP ĐỒ PHÍA DƯỚI SÀN XE TRƯỚC (MỘT PHẦN CỦA 1) (MÀU ĐEN)	1	Chiếc	581.000	639.100
SVC60000907	PIN KIT,FRT BRK CLPR GDE	HỢP KIM THIẾC (BAO GỒM 5)	1	Chiếc	423.000	465.300
SVC60000327	CONTAINER,WSWA SOLV	HỘP NƯỚC RỬA KÍNH CHẮN GIÓ	1	Chiếc	530.000	583.000
SVC60001056	TRANSAXLE,MAN	HỘP SỐ SÀN	1	Chiếc	29.891.000	32.880.100
PWT60000367	TRANSAXLE,AUTO	HỘP SỐ TỰ ĐỘNG	1	Chiếc	128.340.000	141.174.000
SVC60001254	TRANSMISSION,WSW	HỘP SỐ, KÍNH CHẮN GIÓ	1	Chiếc	1.167.000	1.283.700
SVC60000385	SEALER,ENG BLK CORE HOLE PLUG	KEO DÁN GIOĂNG ĐÁY CÁC TE	1	Chiếc	183.000	201.300
SVC60001209	CLAMP,S/GR BOOT	KẸP CAO SU BÁNH RĂNG LÁI (MỘT PHẦN CỦA 10) (*KIT1, KIT2)	1	Chiếc	14.000	15.400
SVC60001269	CLAMP,FRT WHL DRV SHF CV JT OTR BOOT OTR	KẸP CAO SU NGOÀI BÁN TRỤC TRƯỚC PHÍA NGOÀI (CHI TIẾT CỦA 1, 2,5)	1	Chiếc	25.000	27.500
SVC60001277	CLAMP,FRT WHL DRV SHF CV JT INR BOOT OTR	KẸP CAO SU NGOÀI BÁN TRỤC TRƯỚC PHÍA TRONG (MỘT PHẦN CỦA 1, 9, 12)	1	Chiếc	45.000	49.500
SVC60001271	CLAMP,FRT WHL DRV SHF CV JT OTR BOOT INR	KẸP CAO SU TRONG BÁN TRỤC TRƯỚC PHÍA NGOÀI (CHI TIẾT CỦA 1, 2,5)	1	Chiếc	14.000	15.400
SVC60001275	CLAMP,FRT WHL DRV SHF CV JT INR BOOT INR	KẸP CAO SU TRONG BÁN TRỤC TRƯỚC PHÍA TRONG (MỘT PHẦN CỦA 1, 9, 12)	1	Chiếc	23.000	25.300
BIN60001572	RETAINER,FLR AUX MAT LWR	KẸP GIỮ BÊN DƯỚI THẢM PHỤ SÀN XE (M6X1. 6MM) (12.804)	1	Chiếc	3.000	3.300
SVC60001486	RETAINER,ENG COOL TEMP SEN	KẸP GIỮ CẢM BIẾN NHIỆT ĐỘ NƯỚC LÀM MÁT ĐỘNG CƠ (PHẦN 47) (DÂY ĐIỆN TIẾT DIỆN VUÔNG)	1	Chiếc	17.000	18.700
SVC60000290	CLIP,R/SEAT LAT CBL	KẸP GIỮ CÁP KHÓA GHẾ SAU (*KIT1)	1	Chiếc	5.000	5.500
STD60001226	CLIP,F/TNK FIL DR LAT REL CBL	KẸP GIỮ CÁP MỞ CỬA NẮP BÌNH NHIÊN LIỆU (GIẮC ĐỰC) (1 CHIỀU) (8.075)	1	Chiếc	4.000	4.400
SVC60001483	RETAINER,PSTN PIN	KẸP GIỮ CHỐT ĐỊNH VỊ (MỘT PHẦN CỦA 2)	1	Chiếc	3.000	3.300
SVC60000996	RETAINER,SEL CONT LVR PIN	KẸP GIỮ CHỐT THANH CHỌN SỐ (11MM) (E CLIP) (*KIT1)	1	Chiếc	4.000	4.400
SVC60000995	RETAINER,SEL CONT LVR PIN	KẸP GIỮ CHỐT THANH CHỌN SỐ (13MM) (BỘ RỬA KÍNH) (*KIT1)	1	Chiếc	5.000	5.500
SVC60000791	RETAINER,PARK BRK RR CBL	KẸP GIỮ DÂY CÁP PHANH TAY	1	Chiếc	2.000	2.200
BEX60000131	RETAINER,T/LP	KẸP GIỮ ĐÈN HẬU	1	Chiếc	5.000	5.500
BEX60001241	RETAINER,HDLP	KẸP GIỮ ĐÈN PHA (2.736)	1	Chiếc	3.000	3.300
SVC60000466	CLIP,CTR PLR LWR T/PNL	KẸP GIỮ KHUNG KÍNH PHÍA TRÊN KÍNH CHẮN GIÓ (MỘT PHẦN CỦA 1) (M12X12.7X15.5MM) (KẸP) (SƠN CÙNG MÀU) (8.921)	1	Chiếc	9.000	9.900
STD60001239	CLIP,RKR PNL MLDG	KẸP GIỮ KHUNG NGƯỠNG CỬA (M9.6MM) (7. 832)	1	Chiếc	6.000	6.600
SVC60000442	RETAINER,RKR PNL MLDG	KẸP GIỮ KHUNG NGƯỠNG CỬA (MỘT PHẦN CỦA 5) (7.836)	1	Chiếc	3.000	3.300
SVC60000544	CLIP,RKR PNL MLDG	KẸP GIỮ KHUNG NGƯỠNG CỬA (MỘT PHẦN CỦA 5) (MŨ HÌNH CHỮ NHẬT)	1	Chiếc	19.000	20.900
SVC60000559	CLIP,W/S UPR G/MLDG	KẸP GIỮ KÍNH CHẮN GIÓ	1	Chiếc	97.000	106.700
SVC60000705	RETAINER,VLV SPR	KẸP GIỮ LÒ XO XU PÁP (MỘT PHẦN CỦA 14)	1	Chiếc	5.000	5.500
SVC60000983	RETAINER,F/TNK FIL CAP HLDR	KẸP GIỮ NẮP BÌNH NHIÊN LIỆU (MỘT PHẦN CỦA 1)	1	Chiếc	136.000	149.600
CHS60000308	CLIP,RR BRK PIPE	KẸP GIỮ ỐNG DẦU PHANH SAU (CHIỀU CAO 29 MM) (2 CHIỀU)	1	Chiếc	9.000	9.900
SVC60001335	CLIP,FRT BRK PIPE	KẸP GIỮ ỐNG DẦU PHANH TRƯỚC (3-ĐƯỜNG, ỐNG TỚI BẢNG ĐIỀU KHIỂN CHO TẤT CẢ)	1	Chiếc	7.000	7.700
STD60000310	CLIP,FRT BRK PIPE	KẸP GIỮ ỐNG DẦU PHANH TRƯỚC (GIỮ (1) ỐNG 5.14) (LỖ LẮP CÂY TRANG TRÍ 6.5)	1	Chiếc	4.000	4.400
PWT60000219	RETAINER,INT AIR DUCT	KẸP GIỮ ỐNG GIÓ NẠP (MÀU ĐEN) (34, 8MM) (8.010)	1	Chiếc	14.000	15.400
SVC60000991	RETAINER,TRANS FLUID CLR PIPE	KẸP GIỮ ỐNG LÀM MÁT DẦU SỐ (PHẦN 1, 3) (LÒ XO NÉN)	1	Chiếc	102.000	112.200
SVC60001295	CLIP,FUEL FEED EVAP EMIS SEP PIPE	KẸP GIỮ ỐNG TÁCH HƠI NHIÊN LIỆU	1	Chiếc	14.000	15.400
SVC60000877	CLIP,CLU ACTR CYL PIPE	KẸP GIỮ ỐNG XY LANH CẦN DẪN ĐỘNG LY HỢP (ĐẾN GIÁ ĐỠ THAY RĂNG KHOANG TRƯỚC) (ỐNG ĐƯỜNG KÍNH NGOÀI 4, 8MM- 6MM)	1	Chiếc	9.000	9.900
SVC60000301	CLIP,CLU ACTR CYL PIPE	KẸP GIỮ ỐNG XY LANH CẦN DẪN ĐỘNG LY HỢP (ỐNG ĐƯỜNG KÍNH NGOÀI 12-13MM)	1	Chiếc	4.000	4.400
SVC60001230	RETAINER,F/TNK SHLD	KẸP GIỮ TẤM BẢO VỆ BÌNH NHIÊN LIỆU (MỘT PHẦN CỦA 11)	1	Chiếc	7.000	7.700
SVC60000745	CLIP,Q/WDO TR FIN PNL	KẸP GIỮ TẤM ỐP CỬA SỔ GÓC MỘT PHẦN TƯ (MỘT PHẦN CỦA 1) (M14X12MM) (PHÍM BẤM) (15.222)	1	Chiếc	3.000	3.300
SVC60000393	RETAINER,FRT S/D TR (PUSH IN)	KẸP GIỮ TẤM ỐP CỬA TRƯỚC (LOẠI ĐẨY VÀO) (MỘT PHẦN CỦA 1) (MÀU XANH DA TRỜI) (M19.9X1401MM) (ĐƯỢC ĐẮP MÀU NỔI)	1	Chiếc	5.000	5.500
SVC60000564	RETAINER,FLR CPT AUX MAT	KẸP GIỮ THẢM TRẢI SÀN (MỘT PHẦN CỦA 4) (MÀU ĐEN) (15.286)	1	Chiếc	19.000	20.900
BIW60001565	RETAINER,HOOD HOLD OPEN ROD	KẸP GIỮ THANH CHỐNG CA BÔ	1	Chiếc	5.000	5.500
SVC60000554	RETAINER,DRVR F/RST	KẸP GIỮ TỰA CHÂN NGƯỜI LÁI (MỘT PHẦN CỦA 11) (ĐẦU CÁI MÀU ĐEN) (12.804)	1	Chiếc	11.000	12.100
SVC60000555	RETAINER,DRVR F/RST	KẸP GIỮ TỰA CHÂN NGƯỜI LÁI (MỘT PHẦN CỦA 11) (GIẮC ĐỰC) (12.804)	1	Chiếc	11.000	12.100
BIW60001225	CLIP,RR S/D LKG ROD	KẸP GIỮ, CẦN KHÓA CỬA SAU	1	Chiếc	4.000	4.400
BIW60001238	CLIP,FRT S/D LKG ROD	KẸP GIỮ, CẦN KHÓA CỬA TRƯỚC (MỘT PHẦN CỦA 10)	1	Chiếc	4.000	4.400
SVC60001296	CLIP,BRK & FUEL PIPE	KẸP GIỮ, ỐNG NHIÊN LIỆU & ỐNG DẦU PHANH	1	Chiếc	21.000	23.100
STD60001228	BUTTON,FLR CPT RET	KẸP GIỮ, TẤM CHẮN BÙN KHOANG TRƯỚC (LOẠI ĐẨY VÀO) (M30X10.5MM) (12.804)	1	Chiếc	3.000	3.300
BIN60001234	CLIP,BODY SI RR T/PNL	KẸP GIỮ, TẤM ỐP TRANG TRÍ SAU BÊN SƯỜN (MÀU ĐEN) (15.222)	1	Chiếc	2.000	2.200
SVC60000403	CLIP,RR WHL OPG MLDG	KẸP KHUÔN ĐÚC LỖ BÁNH SAU (MỘT PHẦN CỦA 1)	1	Chiếc	8.000	8.800
PWT60001223	CLAMP,A/CL OTLT DUCT	KẸP ỐNG GIÓ RA KHỎI LỌC GIÓ (70MM)	1	Chiếc	18.000	19.800
SVC60001033	STUD,TRANS FLUID CLR PIPE	KẸP ỐNG LÀM MÁT DẦU HỘP SỐ (4.104)	1	Chiếc	108.000	118.800
SVC60000374	CLIP,TRANS FLUID CLR PIPE	KẸP ỐNG LÀM MÁT DẦU HỘP SỐ (MỘT PHẦN CỦA 1)	1	Chiếc	70.000	77.000
SVC60000410	CLAMP,THERM BYPASS PIPE	KẸP ỐNG NỐI TẮT VAN HẰNG NHIỆT (MỘT PHẦN CỦA 10) (27MM) (KẸP CHỮ A LOẠI CTB) (6.605)	1	Chiếc	33.000	36.300
SVC60001512	CLIP,TRANS VENT HOSE	KẸP ỐNG THÔNG HƠI HỘP SỐ	1	Chiếc	23.000	25.300
BEX60001233	CLIP,AIR INL GRL PNL	KẸP TẤM LƯỚI HÚT GIÓ	1	Chiếc	3.000	3.300
BIN60000225	CLIP,F/FLR CNSL TR PLT	KẸP TẤM ỐP HỘP VÈ TRƯỚC (MỘT PHẦN CỦA 2) (M12.0X15.5X8.9MM) (2.729)	1	Chiếc	5.000	5.500

BẢNG GIÁ PHỤ TÙNG XE VINFAST FADIL

Mã phụ tùng	Tên phụ tùng tiếng Anh	Tên phụ tùng tiếng Việt	Số lượng	Đơn vị	Giá bán lẻ (chưa VAT)	Giá bán lẻ (VAT)
SVC60000417	CLIP,S/S SUPT	KẸP THANH ĐỠ CHẮN NẮNG (MỘT PHẦN CỦA 1) (LẮP VÀO LỖ 12, 8MM) (THANH ĐỠ Ở GIỮA)	1	Chiếc	31.000	34.100
STD90000289	C_CLIP_SHEET_METAL_NUT_SELF_LOCK	KẸP THÉP TỰ KHÓA	1	Chiếc	2.000	2.200
SVC60000663	CLIP,A/C CMPR HOSE & EVPR TUBE	KẸP, BẮT ỐNG MÁY NÉN & ỐNG GIÀN NÓNG ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ (MỘT PHẦN CỦA 16)	1	Chiếc	28.000	30.800
SVC60001208	CLAMP,S/GR BOOT INR	KẸP, BÊN TRONG VỎ CƠ CẤU LÁI (MỘT PHẦN CỦA 10) (*KIT1,KIT2)	1	Chiếc	35.000	38.500
SVC60001224	CLAMP,F/TNK FIL HOSE	KẸP, ỐNG BƠM NHIÊN LIỆU CỦA BÌNH NHIÊN LIỆU (MỘT PHẦN CỦA 11)	1	Chiếc	44.000	48.400
EEP60000449	TRAY,BAT	KHAY ẮC QUY	1	Chiếc	284.000	312.400
SVC60001170	BRACKET,BAT TRAY	KHAY ĐỠ ẮC QUY (D)	1	Chiếc	176.000	193.600
BIN60001521	TRAY,R/FLR CNSL STOR	KHAY, KHOANG CHẤT HÀNG Ở HỘC SÀN XE SAU (MÀU ĐEN)	1	Chiếc	52.000	57.200
SVC60000903	RECEPTACLE,USB	KHE CẮM USB (MỘT PHẦN CỦA 2) (MÀU ĐEN)	1	Chiếc	1.280.000	1.408.000
SVC60000724	KEY,CR/SHF BALR	KHÓA BỘ CÂN BẰNG TRỤC KHUỶU	1	Chiếc	14.000	15.400
SVC60001381	LATCH,RR S/D	KHÓA CỬA SAU	1	Chiếc	730.000	803.000
SVC60001382	LATCH,RR S/D	KHÓA CỬA SAU	1	Chiếc	730.000	803.000
SVC60001379	LATCH,FRT S/D	KHÓA CỬA TRƯỚC (BAO GỒM 2, 9,11,12,13)	1	Chiếc	730.000	803.000
SVC60001380	LATCH,FRT S/D	KHÓA CỬA TRƯỚC (BAO GỒM 2, 9,11,12,13)	1	Chiếc	730.000	803.000
SVC60000975	BUCKLE,R/SEAT BELT	KHÓA ĐAI AN TOÀN GHẾ SAU (BAO GỒM 5) (MÀU ĐEN)	1	Chiếc	590.000	649.000
CHS60001306	COMPARTMENT,TOOL STOW	KHOANG ĐỂ DỤNG CỤ	1	Chiếc	326.000	358.600
SVC60001286	JOINT KIT,FRT WHL DRV SHF CV OTR	KHỚP NGOÀI BÁN TRỤC TRƯỚC (CHI TIẾT CỦA 1) (BAO GỒM 3-6)	1	Chiếc	2.944.000	3.238.400
BIW60000526	FRAME,W/S INR SI	KHUNG BÊN TRONG KÍNH CHẮN GIÓ	1	Chiếc	352.000	387.200
SVC60000973	FRAME,F/SEAT CUSH	KHUNG ĐỆM GHẾ TRƯỚC (BAO GỒM 14, 18)	1	Chiếc	5.306.000	5.836.600
BEX60000437	BEZEL,FRT FOG LP	KHUNG ĐÈN SƯƠNG MÙ TRƯỚC	1	Chiếc	201.000	221.100
BEX60000438	BEZEL,FRT FOG LP	KHUNG ĐÈN SƯƠNG MÙ TRƯỚC	1	Chiếc	201.000	221.100
CHS60001443	MOLDING,FRT BPR FASCIA LWR	KHUNG ỐP MẶT CẢN TRƯỚC PHÍA DƯỚI	1	Chiếc	44.000	48.400
BIN60001554	FRAME,I/P COMPT DR OPG	KHUNG, KHOẢNG MỞ CỦA CỬA KHOANG BẢNG ĐỒNG HỒ THIẾT BỊ (MÀU XANH LÁ CÂY)	1	Chiếc	227.000	249.700
SVC60001318	FRAME,R/SEAT BK	KHUNG, LƯNG GHẾ SAU (BAO GỒM 3-5) (*KIT1)	1	Chiếc	1.120.000	1.232.000
SVC60001319	FRAME,R/SEAT BK	KHUNG, LƯNG GHẾ SAU (BAO GỒM 8,13,14) (*KIT1)	1	Chiếc	2.166.000	2.382.600
BIW60001456	FRAME,W/S OTR SI	KHUNG, PHÍA NGOÀI KÍNH CHẮN GIÓ	1	Chiếc	886.000	974.600
BIW60001457	FRAME,W/S OTR SI	KHUNG, PHÍA NGOÀI KÍNH CHẮN GIÓ	1	Chiếc	886.000	974.600
BEX60000536	MOLDING,RR WHL OPG	KHUÔN ĐÚC LỖ BÁNH XE SAU (BAO GỒM 2)	1	Chiếc	408.000	448.800
BEX60000537	MOLDING,RR WHL OPG	KHUÔN ĐÚC LỖ BÁNH XE SAU (BAO GỒM 2)	1	Chiếc	408.000	448.800
PWT60000729	ELBOW,A/CL OTLT DUCT	KHUỶU ỐNG GIÓ RA KHỎI LỌC GIÓ (BAO GỒM 7)	1	Chiếc	595.000	654.500
SVC60000733	INJECTOR,M/PORT FUEL	KIM PHUN NHIÊN LIỆU ĐA ĐIỂM (CHI TIẾT CỦA 1) (BAO GỒM 6, 7,9) (TRONG ỐNG PHÂN PHỐI PHUN NHIÊN LIỆU ĐA ĐIỂM)	1	Chiếc	1.029.000	1.131.900
BEX60000968	WINDSHIELD ASM-.	KÍNH CHẮN GIÓ (BAO GỒM 2, 5,6)	1	Chiếc	5.672.000	6.239.200
BEX60000969	WINDSHIELD ASM-.	KÍNH CHẮN GIÓ (BAO GỒM 3, 9,10)	1	Chiếc	5.934.000	6.527.400
BIW60001347	WINDOW,RR S/D	KÍNH CỬA SAU	1	Chiếc	694.000	763.400
BIW60001348	WINDOW,RR S/D	KÍNH CỬA SAU	1	Chiếc	694.000	763.400
BEX60000970	WINDOW ASM-RR	KÍNH CỬA SAU (BAO GỒM 2, 3)	1	Chiếc	2.414.000	2.655.400
BIW60000799	WINDOW,FRT S/D	KÍNH CỬA TRƯỚC (KHÔNG CÓ TEM)	1	Chiếc	427.000	469.700
BIW60000800	WINDOW,FRT S/D	KÍNH CỬA TRƯỚC (KHÔNG CÓ TEM)	1	Chiếc	427.000	469.700
BIW60001349	WINDOW,RR S/D STA	KÍNH SAU CỐ ĐỊNH	1	Chiếc	234.000	257.400
BIW60001350	WINDOW,RR S/D STA	KÍNH SAU CỐ ĐỊNH	1	Chiếc	234.000	257.400
SVC60000439	VALVE KIT,A/C EVPR THERMAL EXPN	KIT VAN, GIÃN NỞ DO NHIỆT CỦA GIÀN LẠNH ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ (BAO GỒM 31,33-37)	1	Chiếc	750.000	825.000
SVC60001447	EMBLEM,FRT BPR FASCIA	LÔ GÔ TRÊN MẶT CẢN TRƯỚC (MỘT PHẦN CỦA 1)	1	Chiếc	506.000	556.600
SVC60001058	SPRING,SHFT SHF DTNT CAM	LÒ XO CAM HÃM TRỤC CHUYỂN SỐ (MỘT PHẦN CỦA 9) (*KIT1)	1	Chiếc	14.000	15.400
SVC60000789	SPRING,REV SHFT SHF DTNT	LÒ XO CAM TRỤC CHUYỂN SỐ LÙI	1	Chiếc	3.000	3.300
SVC60001236	SPRING,RR BRK SHOE HOLDN	LÒ XO ÉP GUỐC PHANH SAU	1	Chiếc	10.000	11.000
SVC60001239	SPRING,RR BRK SHOE RTN	LÒ XO GIỮ GUỐC PHANH SAU (PHÍA DƯỚI)	1	Chiếc	30.000	33.000
SVC60001238	SPRING,RR BRK SHOE RTN	LÒ XO GIỮ GUỐC PHANH SAU (PHÍA TRÊN)	1	Chiếc	21.000	23.100
SVC60001086	SPRING,RR COIL	LÒ XO TRỤ PHÍA SAU	1	Chiếc	609.000	669.900
SVC60000978	SPRING,FRT COIL	LÒ XO TRỤ PHÍA TRƯỚC	1	Chiếc	717.000	788.700
SVC60000979	SPRING,FRT COIL	LÒ XO TRỤ PHÍA TRƯỚC	1	Chiếc	736.000	809.600
SVC60000687	SPRING,VLV	LÒ XO XU PÁP (MỘT PHẦN CỦA 14)	1	Chiếc	23.000	25.300
SVC60001094	SPEAKER,RDO W/S SI G/MLDG	LOA NẸP HOA VĂN BÊN KÍNH CHẮN GIÓ CỦA RADIO	1	Chiếc	119.000	130.900
EEP60000679	SPEAKER,RDO FRT S/D	LOA RADIO TRÊN CỬA SAU (NHÃN 42518287)	1	Chiếc	295.000	324.500
EEP60000681	SPEAKER,RDO FRT S/D	LOA RADIO TRÊN CỬA TRƯỚC (NHÃN 42518288)	1	Chiếc	295.000	324.500
SVC60000874	OIL, FILTER	LỌC DẦU BÔI TRƠN (BAO GỒM 2)	1	Chiếc	222.000	244.200
SVC60000278	FILTER,A/TRNS FLUID	LỌC DẦU HỘP SỐ TỰ ĐỘNG (CỤM BỘ LỌC)	1	Chiếc	263.000	289.300
SVC60001076	FILTER,A/TRNS FLUID	LỌC DẦU HỘP SỐ TỰ ĐỘNG (CỤM DỤNG CỤ LÀM CĂNG)	1	Chiếc	318.000	349.800
SVC60001206	COMPRESSOR KIT,A/C	LỐC ĐIỀU HÒA (1.8)	1	Chiếc	8.896.000	9.785.600
SVC60001125	ELEMENT,A/CL	LỌC GIÓ (*KIT1)	1	Chiếc	242.000	266.200
SVC60001395	FILTER,PASS COMPT AIR	LỌC KHÔNG KHÍ KHOANG HÀNH KHÁCH	1	Chiếc	185.000	203.500
SVC60001737	CORE,HTR	LÕI SẤY NÓNG ĐIỀU HÒA	1	Chiếc	1.833.000	2.016.300
CHS60001378	TIRE-FRT&RR	LỐP TRƯỚC & SAU	1	Chiếc	2.363.000	2.599.300
BIN60001522	LINER,R/FLR CNSL COMPT	LÓT KHOANG HỘC SÀN XE PHÍA SAU (MÀU ĐEN)	1	Chiếc	28.000	30.800
BIN60001070	CUSHION,R/SEAT BK	LƯNG GHẾ SAU (BAO GỒM 1-4, 6,8-19) (MÀU BẠC SẪM)	1	Chiếc	9.300.000	10.230.000
BIN60001069	CUSHION,R/SEAT BK	LƯNG GHẾ SAU (BAO GỒM 1-4, 6,8-19) (MÀU ĐEN)	1	Chiếc	9.300.000	10.230.000
SVC60001255	BLADE,WSW	LƯỠI GẠT MƯA KÍNH CHẮN GIÓ (BAO GỒM 6)	1	Chiếc	238.000	261.800
SVC60001257	BLADE,WSW	LƯỠI GẠT MƯA KÍNH CHẮN GIÓ (BAO GỒM 28)	1	Chiếc	173.000	190.300
SVC60001259	BLADE,R/WDO WPR	LƯỠI GẠT MƯA KÍNH SAU (BAO GỒM 9)	1	Chiếc	146.000	160.600
SVC60000492	GRILLE,RDO W/S SI G/MLDG SPKR	LƯỚI, LOA CÓ NẸP TRANG TRÍ PHÍA BÊN KÍNH CHẮN GIÓ CỦA HỆ THỐNG RADIO (MỘT PHẦN CỦA 1) (MÀU XÁM)	1	Chiếc	47.000	51.700
SVC60000493	GRILLE,RDO W/S SI G/MLDG SPKR	LƯỚI, LOA CÓ NẸP TRANG TRÍ PHÍA BÊN KÍNH CHẮN GIÓ CỦA HỆ THỐNG RADIO (MỘT PHẦN CỦA 1) (MÀU XÁM)	1	Chiếc	47.000	51.700
BEX60000029	GRILLE,RAD	LƯỚI, TRƯỚC (BAO GỒM 4,5)	1	Chiếc	3.771.000	4.148.100
SVC60001131	GRILLE,RAD LWR	LƯỚI, TRƯỚC PHÍA DƯỚI	1	Chiếc	712.000	783.200
BEX60000701	GRILLE,FRT LWR	LƯỚI, TRƯỚC PHÍA DƯỚI	1	Chiếc	805.000	885.500
EEP60000870	DISPLAY,DRVR INFO	MÀN HÌNH HIỂN THỊ THÔNG TIN LÁI XE	1	Chiếc	11.999.000	13.198.900
SVC60000885	DISPLAY,I/P AIRBAG ARMING STATUS	MÀN HÌNH, TRẠNG THÁI KÍCH HOẠT TÚI KHÍ BẢNG TÁP LÔ (MỘT PHẦN CỦA 1) (MÀU ĐEN)	1	Chiếc	237.000	260.700
SVC60000257	TROUGH,M/TRNS OIL	MÁNG DẦU HỘP SỐ SÀN	1	Chiếc	28.000	30.800
BEX60000568	FASCIA,RR BPR	MẶT CẢN SAU (BAO GỒM 10)	1	Chiếc	3.398.000	3.737.800
BEX60001305	FASCIA,RR BPR LWR	MẶT DƯỚI CẢN SAU	1	Chiếc	1.476.000	1.623.600
BEX60000699	FASCIA,FRT BPR LWR	MẶT DƯỚI CẢN TRƯỚC	1	Chiếc	2.648.000	2.912.800
SVC60000845	HEAD,CYL(W/VLV)	MẶT MÁY	1	Chiếc	19.986.000	21.984.600
BEX60000973	FASCIA,FRT BPR UPR	MẶT TRÊN CẢN TRƯỚC	1	Chiếc	906.000	996.600
SVC60000854	FASCIA,FRT BPR UPR	MẶT TRÊN CẢN TRƯỚC	1	Chiếc	2.648.000	2.912.800
SVC60000672	COMPRESSOR KIT,A/C	MÁY NÉN ĐIỀU HÒA	1	Chiếc	8.896.000	9.785.600
EEP60000686	GENERATOR,	MÁY PHÁT, (BAO GỒM 2)	1	Chiếc	7.077.000	7.784.700
SVC60000902	MICROPHONE,M/TEL	MICRÔ, ĐIỆN THOẠI DI ĐỘNG (MỘT PHẦN CỦA 1)	1	Chiếc	201.000	221.100
SVC60001351	INSULATOR,A/CL RESO	MIẾNG ĐỆM BẦU CỘNG HƯỞNG LỌC GIÓ (MỘT PHẦN CỦA 18) (3.403)	1	Chiếc	12.000	13.200

BẢNG GIÁ PHỤ TÙNG XE VINFAST FADIL

Mã phụ tùng	Tên phụ tùng tiếng Anh	Tên phụ tùng tiếng Việt	Số lượng	Đơn vị	Giá bán lẻ (chưa VAT)	Giá bán lẻ (VAT)
BIN60000901	INSULATOR,DA PNL OTR	MIẾNG ĐỆM BÊN NGOÀI BẢNG MẶT TÁP LÔ	1	Chiếc	651.000	716.100
BIN60001321	INSULATOR,DA PNL INR	MIẾNG ĐỆM BÊN TRONG BẢNG MẶT TÁP LÔ	1	Chiếc	2.142.000	2.356.200
SVC60001225	INSULATOR,F/TNK	MIẾNG ĐỆM BÌNH NHIÊN LIỆU	1	Chiếc	27.000	29.700
SVC60000404	INSULATOR,RAD LWR	MIẾNG ĐỆM DƯỚI TẢN NHIỆT	1	Chiếc	6.000	6.600
SVC60000275	CLIP,M/TRNS SEL & SHFT LVR CBL	MIẾNG ĐỆM HỘP SỐ	1	Chiếc	12.000	13.200
SVC60000276	CLIP,M/TRNS SEL & SHFT LVR CBL	MIẾNG ĐỆM HỘP SỐ	1	Chiếc	12.000	13.200
SVC60000452	INSULATOR,A/CL	MIẾNG ĐỆM LỌC GIÓ (*KIT1)	1	Chiếc	14.000	15.400
SVC60000501	SHIM,MAIN SHF BRG	MIẾNG ĐỆM Ổ BI TRỤC CHÍNH	1	Chiếc	21.000	23.100
SVC60000502	SHIM,MAIN SHF BRG	MIẾNG ĐỆM Ổ BI TRỤC CHÍNH	1	Chiếc	21.000	23.100
SVC60000506	SHIM,MAIN SHF BRG	MIẾNG ĐỆM Ổ BI TRỤC CHÍNH	1	Chiếc	21.000	23.100
SVC60000507	SHIM,MAIN SHF BRG	MIẾNG ĐỆM Ổ BI TRỤC CHÍNH	1	Chiếc	21.000	23.100
SVC60000508	SHIM,MAIN SHF BRG	MIẾNG ĐỆM Ổ BI TRỤC CHÍNH	1	Chiếc	21.000	23.100
SVC60000509	SHIM,MAIN SHF BRG	MIẾNG ĐỆM Ổ BI TRỤC CHÍNH	1	Chiếc	21.000	23.100
SVC60000510	SHIM,MAIN SHF BRG	MIẾNG ĐỆM Ổ BI TRỤC CHÍNH	1	Chiếc	21.000	23.100
SVC60000512	SHIM,MAIN SHF BRG	MIẾNG ĐỆM Ổ BI TRỤC CHÍNH	1	Chiếc	21.000	23.100
SVC60000515	SHIM,MAIN SHF BRG	MIẾNG ĐỆM Ổ BI TRỤC CHÍNH	1	Chiếc	21.000	23.100
SVC60000517	SHIM,MAIN SHF BRG	MIẾNG ĐỆM Ổ BI TRỤC CHÍNH	1	Chiếc	21.000	23.100
SVC60000518	SHIM,MAIN SHF BRG	MIẾNG ĐỆM Ổ BI TRỤC CHÍNH	1	Chiếc	21.000	23.100
SVC60000520	SHIM,MAIN SHF BRG	MIẾNG ĐỆM Ổ BI TRỤC CHÍNH	1	Chiếc	21.000	23.100
SVC60000522	SHIM,MAIN SHF BRG	MIẾNG ĐỆM Ổ BI TRỤC CHÍNH	1	Chiếc	21.000	23.100
SVC60001014	SHIM,FRT DIFF BRG	MIẾNG ĐỆM Ổ BI VI SAI TRƯỚC	1	Chiếc	23.000	25.300
SVC60001015	SHIM,FRT DIFF BRG	MIẾNG ĐỆM Ổ BI VI SAI TRƯỚC	1	Chiếc	23.000	25.300
SVC60001021	SHIM,FRT DIFF BRG	MIẾNG ĐỆM Ổ BI VI SAI TRƯỚC	1	Chiếc	23.000	25.300
SVC60001022	SHIM,FRT DIFF BRG	MIẾNG ĐỆM Ổ BI VI SAI TRƯỚC	1	Chiếc	23.000	25.300
SVC60001023	SHIM,FRT DIFF BRG	MIẾNG ĐỆM Ổ BI VI SAI TRƯỚC	1	Chiếc	23.000	25.300
SVC60001024	SHIM,FRT DIFF BRG	MIẾNG ĐỆM Ổ BI VI SAI TRƯỚC	1	Chiếc	23.000	25.300
SVC60001025	SHIM,FRT DIFF BRG	MIẾNG ĐỆM Ổ BI VI SAI TRƯỚC	1	Chiếc	23.000	25.300
SVC60001026	SHIM,FRT DIFF BRG	MIẾNG ĐỆM Ổ BI VI SAI TRƯỚC	1	Chiếc	23.000	25.300
SVC60001027	SHIM,FRT DIFF BRG	MIẾNG ĐỆM Ổ BI VI SAI TRƯỚC	1	Chiếc	23.000	25.300
SVC60001028	SHIM,FRT DIFF BRG	MIẾNG ĐỆM Ổ BI VI SAI TRƯỚC	1	Chiếc	23.000	25.300
SVC60001029	SHIM,FRT DIFF BRG	MIẾNG ĐỆM Ổ BI VI SAI TRƯỚC	1	Chiếc	23.000	25.300
SVC60000269	SHIM,FRT DIFF BRG	MIẾNG ĐỆM Ổ BI VI SAI TRƯỚC	1	Chiếc	33.000	36.300
SVC60000270	SHIM,FRT DIFF BRG	MIẾNG ĐỆM Ổ BI VI SAI TRƯỚC	1	Chiếc	33.000	36.300
SVC60000271	SHIM,FRT DIFF BRG	MIẾNG ĐỆM Ổ BI VI SAI TRƯỚC	1	Chiếc	33.000	36.300
BIN60001370	INSULATOR,FLR PNL RR	MIẾNG ĐỆM ỐP SÀN XE SAU	1	Chiếc	656.000	721.600
BIN60001368	INSULATOR,FLR PNL FRT	MIẾNG ĐỆM ỐP SÀN XE TRƯỚC	1	Chiếc	1.078.000	1.185.800
SVC60000884	INSULATOR,RAD UPR	MIẾNG ĐỆM PHÍA TRÊN TẢN NHIỆT (42MM)	1	Chiếc	117.000	128.700
BIN60000902	INSULATOR,F/FDR	MIẾNG ĐỆM VÈ TRƯỚC	1	Chiếc	192.000	211.200
BIN60000903	INSULATOR,F/FDR	MIẾNG ĐỆM VÈ TRƯỚC	1	Chiếc	192.000	211.200
BIW60001307	SPACER,RR S/D LK	MIẾNG ĐỆM, KHÓA CỬA SAU (ĐỐI VỚI TIẾNG LẠCH CẠCH CỦA KẸP)	1	Chiếc	5.000	5.500
SVC60001052	MAGNET,A/TRNS FLUID PAN	MIẾNG NAM CHÂM Ở ĐÁY CÁC TE DẦU HỘP SỐ TỰ ĐỘNG	1	Chiếc	140.000	154.000
SVC60001148	PAD,BRK PED	MIẾNG ỐP BÀN ĐẠP PHANH (MỘT PHẦN CỦA 1) (*KIT1)	1	Chiếc	44.000	48.400
SVC60001149	PAD,BRK PED	MIẾNG ỐP BÀN ĐẠP PHANH (MỘT PHẦN CỦA 1) (*KIT1)	1	Chiếc	62.000	68.200
EEP60000344	MODULE,BODY CONT	MÔ ĐUN ĐIỀU KHIỂN THÂN XE	1	Chiếc	6.571.000	7.228.100
SVC60000901	MODULE,AIRBAG SEN & DIAGN	MÔ ĐUN, CẢM NHẬN VÀ CHẨN ĐOÁN TÚI KHÍ	1	Chiếc	5.812.000	6.393.200
SVC60000904	MODULE,THEFT DTRNT	MÔ ĐUN, CHỐNG TRỘM (BAO GỒM 9) (*KIT1)	1	Chiếc	741.000	815.100
SVC60000770	MODULE,RR COMBINATION LP	MÔ ĐUN, ĐÈN KẾT HỢP PHÍA SAU (MỘT PHẦN CỦA 1)	1	Chiếc	441.000	485.100
SVC60000771	MODULE,RR COMBINATION LP	MÔ ĐUN, ĐÈN KẾT HỢP PHÍA SAU (MỘT PHẦN CỦA 1)	1	Chiếc	422.000	464.200
SVC60000869	MODULE,ENG CONT (W/ 2ND MPU) & (W/O CALN	MÔ ĐUN, ĐIỀU KHIỂN ĐỘNG CƠ (CÓ BỘ VI XỬ LÝ THỨ HAI) VÀ (KHÔNG CÓ HIỆU CHỈNH)	1	Chiếc	10.575.000	11.632.500
EEP60001156	MODULE,RR OBJECT ALARM	MÔ ĐUN, ĐIỀU KHIỂN HỖ TRỢ ĐỖ XE	1	Chiếc	1.200.000	1.320.000
SVC60001396	MODULE,ELEK P/S MOT CONT	MÔ ĐUN, ĐIỀU KHIỂN MÔ TƠ TRỢ LỰC LÁI BẰNG ĐIỆN TRÁI	1	Chiếc	5.475.000	6.022.500
SVC60001140	EXTENSION,R/END INR PNL	MỞ RỘNG, ĐUÔI XE TẤM ỐP BÊN TRONG	1	Chiếc	253.000	278.300
BIN60000051	STARTER,	MÔ TƠ ĐỀ	1	Chiếc	3.536.000	3.889.600
SVC60001262	MOTOR,FRT S/D WDO REG	MÔ TƠ ĐIỀU CHỈNH KÍNH CỬA TRƯỚC (MỘT PHẦN CỦA 4)	1	Chiếc	1.852.000	2.037.200
SVC60001263	MOTOR,FRT S/D WDO REG	MÔ TƠ ĐIỀU CHỈNH KÍNH CỬA TRƯỚC (MỘT PHẦN CỦA 4)	1	Chiếc	811.000	892.100
SVC60001264	MOTOR,FRT S/D WDO REG	MÔ TƠ ĐIỀU CHỈNH KÍNH CỬA TRƯỚC (MỘT PHẦN CỦA 4)	1	Chiếc	811.000	892.100
SVC60001253	MOTOR,WSW	MÔ TƠ GẠT MƯA KÍNH CHẮN GIÓ	1	Chiếc	1.514.000	1.665.400
BEX60000825	MOTOR,R/WDO WPR	MÔ TƠ GẠT MƯA KÍNH HẬU	1	Chiếc	1.233.000	1.356.300
SVC60001179	MOTOR,BLO	MÔ TƠ QUẠT GIÓ ĐIỀU HÒA (AT)	1	Chiếc	2.733.000	3.006.300
SVC60001450	MOTOR,P/S ASST	MÔ TƠ TRỢ LỰC LÁI	1	Chiếc	4.781.000	5.259.100
SVC60000899	HUB,FRT WHL	MOAY Ơ BÁNH TRƯỚC (BAO GỒM 11)	1	Chiếc	878.000	965.800
SVC60001001	HUB,3RD & 4TH GR SYN	MOAY Ơ VÒNG ĐỒNG TỐC SỐ 3 VÀ SỐ 4 (BAO GỒM 8, 9, 11)	1	Chiếc	777.000	854.700
SVC60001053	HUB,5TH & REV GR SYN	MOAY Ơ VÒNG ĐỒNG TỐC SỐ 5 & SỐ LÙI (BAO GỒM 19, 21,25,26)	1	Chiếc	1.195.000	1.314.500
SVC60000912	HUB,RR WHL(W/BRG)	MOAYƠ, BÁNH SAU (CÓ Ổ BI) (BAO GỒM 10)	1	Chiếc	2.406.000	2.646.600
CHS60001578	EYE,FRT TOW	MÓC KÉO XE PHÍA TRƯỚC	1	Chiếc	164.000	180.400
CHS60000769	HOSE,A/C CNDSR	MÓC, GIÀN LẠNH ĐIỀU HÒA (BAO GỒM 3-5)	1	Chiếc	1.603.000	1.763.300
SVC60000969	HOSE,A/C CNDSR	MÓC, GIÀN LẠNH ĐIỀU HÒA (BAO GỒM 3-5)	1	Chiếc	1.627.000	**1.789.700**
BIN60000358	HOOK,COAT	MÓC, QUẦN ÁO (BAO GỒM 6) (MÀU XÁM)	1	Chiếc	39.000	42.900
BIW60000331	LATCH,L/GATE	MÕM KHÓA CỬA HẬU	1	Chiếc	946.000	1.040.600
BIW60000786	LATCH,HOOD PRIM & SECD	MÕM KHÓA SƠ CẤP & THỨ CẤP NẮP CA BÔ	1	Chiếc	315.000	346.500
SVC60000440	CAP,RR S/D A/RST PULL CUP BOLT	MŨ BỊT BU LÔNG BẮT NGĂN CHỨA TRÊN TỰA TAY CỬA TRƯỚC (MỘT PHẦN CỦA 14) (MÀU ĐEN)	1	Chiếc	35.000	38.500
CHS60000981	CAP,WHL TR	MŨ BỊT ỐP BÁNH XE	1	Chiếc	145.000	159.500
CHS60001087	CAP,WHL TR	MŨ BỊT ỐP BÁNH XE	1	Chiếc	146.000	160.600
STD60001250	CAP,FRT S/D I/S HDL BOLT FIN	MŨ BU LÔNG TAY NẮM TRONG CỬA TRƯỚC (MÀU ĐEN)	1	Chiếc	14.000	15.400
STD60001252	CAP,FRT S/D I/S HDL BOLT FIN	MŨ BU LÔNG TAY NẮM TRONG CỬA TRƯỚC (MÀU ĐEN)	1	Chiếc	14.000	15.400
SVC60001337	CAP,FRT BRK CLPR BLEDR VLV	MŨ VAN XẢ KHÍ PHANH TRƯỚC (MỘT PHẦN CỦA 2) (ĐẾN KẸP)	1	Chiếc	10.000	11.000
SVC60001054	FORK,1ST & 2ND SHFT	NẠNG CHUYỂN SỐ 1 & 2	1	Chiếc	223.000	245.300
SVC60001066	FORK,3RD & 4TH SHFT	NẠNG CHUYỂN SỐ 3 & 4	1	Chiếc	192.000	211.200
SVC60001032	FORK,5TH SHFT	NẠNG CHUYỂN SỐ 5	1	Chiếc	241.000	265.100
SVC60001017	YOKE,M/TRNS CONT SHF	NẠNG TRỤC ĐIỀU KHIỂN HỘP SỐ SÀN (CẦN CHUYỂN SỐ NĂM VÀ SỐ LÙI)	1	Chiếc	201.000	221.100
SVC60001067	YOKE,M/TRNS CONT SHF	NẠNG TRỤC ĐIỀU KHIỂN HỘP SỐ SÀN (TRỤC BÁNH RĂNG TỐC ĐỘ CAO)	1	Chiếc	274.000	301.400
SVC60001064	YOKE,M/TRNS CONT SHF	NẠNG TRỤC ĐIỀU KHIỂN HỘP SỐ SÀN (TRỤC BÁNH RĂNG TỐC ĐỘ THẤP)	1	Chiếc	255.000	280.500
SVC60000519	CAP,BRK M/CYL RSVR	NẮP BÌNH CHỨA DẦU PHANH (MỘT PHẦN CỦA 2)	1	Chiếc	101.000	111.100
CHS60000353	CAP,RAD SURGE TK	NẮP BÌNH NƯỚC LÀM MÁT	1	Chiếc	80.000	88.000
SVC60001234	COVER,RR BRK BLEDR BOLT	NẮP BU LÔNG XẢ PHANH SAU (MỘT PHẦN CỦA 16)	1	Chiếc	8.000	8.800
BIW60001112	HOOD,	NẮP CA BÔ	1	Chiếc	4.781.000	5.259.100
SVC60001413	COVER,I/P FUSE BLK ACC HOLE	NẮP CHE, LỖ TIẾP CẬN KHỐI CẦU CHÌ BẢNG TÁP-LÔ (MỘT PHẦN CỦA 6) (MÀU XANH LÁ CÂY)	1	Chiếc	94.000	103.400
SVC60000480	STUD,WRG HARN GND	NẮP CHỤP BÌNH NƯỚC ĐỘNG CƠ	1	Chiếc	23.000	25.300
BEX60001342	CAP,WSW ARM FIN	NẮP CHỤP HOÀN THIỆN ĐÒN CẦN GẠT KÍNH CHẮN GIÓ	1	Chiếc	9.000	9.900
SVC60000282	COVER,VEH SPD SEN SIG MODIFIER MDL	NẮP CHỤP TÚI KHÍ TRÊN VÔ LĂNG	1	Chiếc	47.000	51.700
SVC60000880	CAP,WSWA SOLV CNTNR	NẮP CHỤP, BÌNH CHỨA NƯỚC RỬA KÍNH CHẮN GIÓ (MỘT PHẦN CỦA 19)	1	Chiếc	28.000	30.800

BẢNG GIÁ PHỤ TÙNG XE VINFAST FADIL

Mã phụ tùng	Tên phụ tùng tiếng Anh	Tên phụ tùng tiếng Việt	Số lượng	Đơn vị	Giá bán lẻ (chưa VAT)	Giá bán lẻ (VAT)
SVC60000778	CAP,FRT S/D TR BOLT	NẮP CHỤP, BULÔNG TẤM ỐP CỬA TRƯỚC (MỘT PHẦN CỦA 14) (MÀU ĐEN) (14.685)	1	Chiếc	10.000	11.000
SVC60000779	CAP,FRT S/D TR BOLT	NẮP CHỤP, BULÔNG TẤM ỐP CỬA TRƯỚC (MỘT PHẦN CỦA 9) (MÀU ĐEN) (14.685)	1	Chiếc	10.000	11.000
SVC60001237	CUP,RR BRK SHOE HOLDN SPR	NẮP CÔN LÒ XO GIỮ GUỐC PHANH SAU	1	Chiếc	2.000	2.200
SVC60001092	CAP,R/WDO WPR ARM FIN	NẮP ĐẦU GẠT MƯA KÍNH HẬU	1	Chiếc	36.000	39.600
SVC60000946	CAP,TRANS FLUID CLR PIPE CONN	NẮP ĐẦU NỐI ỐNG LÀM MÁT DẦU HỘP SỐ (MỘT PHẦN CỦA 1) (KẸP GIỮ BẰNG NHỰA)	1	Chiếc	586.000	644.600
SVC60000497	CAP,CTR PLR UPR T/PNL BOLT	NẮP ĐẬY BULÔNG TẤM ỐP PHÍA TRÊN TRỤ GIỮA (MỘT PHẦN CỦA 14) (MÀU XÁM)	1	Chiếc	30.000	33.000
SVC60000498	CAP,CTR PLR UPR T/PNL BOLT	NẮP ĐẬY BULÔNG TẤM ỐP PHÍA TRÊN TRỤ GIỮA (MỘT PHẦN CỦA 14) (MÀU XÁM)	1	Chiếc	30.000	33.000
SVC60000768	CAP,Q/WDO TR FIN PNL BOLT	NẮP ĐẬY BULÔNG TẤM ỐP TRANG TRÍ CỬA SỔ GÓC MỘT PHẦN TƯ (MỘT PHẦN CỦA 1) (MÀU XÁM)	1	Chiếc	55.000	60.500
SVC60000769	CAP,Q/WDO TR FIN PNL BOLT	NẮP ĐẬY BULÔNG TẤM ỐP TRANG TRÍ CỬA SỔ GÓC MỘT PHẦN TƯ (MỘT PHẦN CỦA 1) (MÀU XÁM)	1	Chiếc	55.000	60.500
SVC60001444	COVER,R/SEAT CUSH	NẮP ĐẬY ĐỆM GHẾ SAU (MÀU ĐEN) (*KIT1)	1	Chiếc	1.748.000	1.922.800
SVC60001443	COVER,R/SEAT CUSH	NẮP ĐẬY ĐỆM GHẾ SAU (MÀU ĐEN) (*KIT2)	1	Chiếc	1.322.000	1.454.200
SVC60001401	COVER,F/SEAT CUSH	NẮP ĐẬY ĐỆM GHẾ TRƯỚC (MÀU BẠC SẪM)	1	Chiếc	1.791.000	1.970.100
SVC60001402	COVER,F/SEAT CUSH	NẮP ĐẬY ĐỆM GHẾ TRƯỚC (MÀU BẠC SẪM)	1	Chiếc	1.772.000	1.949.200
SVC60001434	COVER,F/SEAT CUSH	NẮP ĐẬY ĐỆM GHẾ TRƯỚC (MÀU ĐEN)	1	Chiếc	1.791.000	1.970.100
SVC60001436	COVER,F/SEAT CUSH	NẮP ĐẬY ĐỆM GHẾ TRƯỚC (MÀU ĐEN)	1	Chiếc	1.791.000	1.970.100
SVC60000627	COVER,HDLP BULB ACC	NẮP ĐẬY LỖ BẮT BÓNG ĐÈN PHA (MỘT PHẦN CỦA 1)	1	Chiếc	66.000	72.600
BEX60001576	COVER,HIGH MT S/LP OPG	NẮP ĐẬY LỖ BẮT ĐÈN DỪNG	1	Chiếc	6.000	6.600
SVC60001375	COVER,F/SEAT BK	NẮP ĐẬY PHÍA SAU LƯNG GHẾ HÀNH KHÁCH (BẠC)	1	Chiếc	2.390.000	2.629.000
SVC60001377	COVER,F/SEAT BK	NẮP ĐẬY PHÍA SAU LƯNG GHẾ HÀNH KHÁCH (BẠC)	1	Chiếc	2.718.000	2.989.800
SVC60001433	COVER,F/SEAT BK	NẮP ĐẬY PHÍA SAU LƯNG GHẾ HÀNH KHÁCH (MÀU ĐEN)	1	Chiếc	2.718.000	2.989.800
SVC60001435	COVER,F/SEAT BK	NẮP ĐẬY PHÍA SAU LƯNG GHẾ HÀNH KHÁCH (MÀU ĐEN)	1	Chiếc	2.718.000	2.989.800
BIN60000412	COVER,F/SEAT INR ADJR FRT FIN	NẮP ĐẬY PHÍA TRƯỚC CẦN ĐIỀU CHỈNH PHÍA TRONG GHẾ TRƯỚC (MÀU ĐEN)	1	Chiếc	73.000	80.300
BIN60000414	COVER,F/SEAT INR ADJR FRT FIN	NẮP ĐẬY PHÍA TRƯỚC CẦN ĐIỀU CHỈNH PHÍA TRONG GHẾ TRƯỚC (MÀU ĐEN)	1	Chiếc	73.000	80.300
BIN60000748	COVER,I/P STRG COL LWR TR	NẮP ĐẬY TẤM ỐP PHÍA DƯỚI TRỤ LÁI TRÊN TÁP LÔ (BAO GỒM 7, 11) (MÀU ĐEN) (ĐỒNG BỘ)	1	Chiếc	174.000	191.400
SVC60001330	COVER,I/P STRG COL LWR TR	NẮP ĐẬY TẤM ỐP PHÍA DƯỚI TRỤ LÁI TRÊN TÁP LÔ (MÀU ĐEN) (MỘT PHẦN) (*KIT2)	1	Chiếc	187.000	205.700
BIN60001506	COVER,I/P STRG COL UPR TR	NẮP ĐẬY TẤM ỐP PHÍA TRÊN TRỤ LÁI TRÊN TÁP LÔ (MÀU ĐEN)	1	Chiếc	73.000	80.300
SVC60001098	COVER,FRT SUSP STRUT CARTRIDGE UPR	NẮP ĐẬY TRÊN HỆ THÔNG TREO TRƯỚC	1	Chiếc	113.000	124.300
SVC60001030	COVER,CLU HSG	NẮP ĐẬY VỎ LY HỢP	1	Chiếc	54.000	59.400
BEX60000053	COVER,CLU HSG	NẮP ĐẬY VỎ LY HỢP	1	Chiếc	43.000	47.300
SVC60000957	COVER,IGN LK CYL OPG	NẮP ĐẬY, KHE HỞ Ổ KHÓA ĐIỆN (MÀU ĐEN) (*KIT2)	1	Chiếc	47.000	51.700
BIN60000365	COVER,L/GATE LWR TR FIN PNL ACC HOLE	NẮP ĐẬY, LỖ TIẾP CẬN TẤM ỐP HOÀN THIỆN TRANG TRÍ BÊN DƯỚI CỬA HẬU (ĐƯỜNG KÍNH 20MM) (10.527)	1	Chiếc	9.000	9.900
SVC60000342	COVER,FRT BPR FASCIA TOW EYE ACC HOLE	NẮP ĐẬY, LỖ TIẾP CẬN VÒNG MÓC KÉO Ở BA ĐỜ XỐC	1	Chiếc	80.000	88.000
BIN60001535	COVER,F/SEAT CUSH OTR FIN	NẮP ĐẬY, LỚP HOÀN THIỆN NGOÀI ĐỆM GHẾ TRƯỚC (MÀU ĐEN)	1	Chiếc	197.000	216.700
BIN60001537	COVER,F/SEAT CUSH OTR FIN	NẮP ĐẬY, LỚP HOÀN THIỆN NGOÀI ĐỆM GHẾ TRƯỚC (MÀU ĐEN)	1	Chiếc	199.000	218.900
SVC60001388	COVER,R/SEAT BK	NẮP ĐẬY, LƯNG GHẾ SAU (BẠC) (*KIT1)	1	Chiếc	1.739.000	1.912.900
SVC60001416	COVER,R/SEAT BK	NẮP ĐẬY, LƯNG GHẾ SAU (BẠC) (*KIT1)	1	Chiếc	2.039.000	2.242.900
SVC60001441	COVER,R/SEAT BK	NẮP ĐẬY, LƯNG GHẾ SAU (MÀU ĐEN) (*KIT1)	1	Chiếc	1.739.000	1.912.900
SVC60001442	COVER,R/SEAT BK	NẮP ĐẬY, LƯNG GHẾ SAU (MÀU ĐEN) (*KIT1)	1	Chiếc	2.039.000	2.242.900
SVC60000959	COVER,O/S RR VIEW MIR HSG LWR	NẮP ĐẬY, PHÍA DƯỚI VỎ GƯƠNG CHIẾU HẬU BÊN NGOÀI (MỘT PHẦN CỦA 10) (*KIT1)	1	Chiếc	207.000	227.700
BEX60000037	COVER,O/S RR VIEW MIR HSG UPR	NẮP ĐẬY, PHÍA TRÊN VỎ KÍNH CHIẾU HẬU PHÍA SAU (SƠN ĐỂ PHÙ HỢP) (*KIT1)	1	Chiếc	536.000	589.600
BEX60000038	COVER,O/S RR VIEW MIR HSG UPR	NẮP ĐẬY, PHÍA TRÊN VỎ KÍNH CHIẾU HẬU PHÍA SAU (SƠN ĐỂ PHÙ HỢP) (*KIT1)	1	Chiếc	536.000	589.600
SVC60000279	COVER,A/TRNS CASE	NẮP ĐẬY, VỎ HỘP SỐ TỰ ĐỘNG	1	Chiếc	572.000	629.200
SVC60000871	CAP,OIL FIL	NẮP ĐỔ DẦU BÔI TRƠN	1	Chiếc	417.000	458.700
SVC60000284	CAP,OIL FIL	NẮP ĐỔ DẦU BÔI TRƠN	1	Chiếc	417.000	458.700
PWT60001459	CAP,F/TNK FIL	NẮP ỐNG ĐỔ NHIÊN LIỆU (BAO GỒM 2) (KHÔNG CÓ KHÓA)	1	Chiếc	300.000	330.000
SVC60001368	CAP,EVAP EMIS CNSTR VENT HOSE	NẮP ỐNG THÔNG HƠI ĐỘNG CƠ (*KIT1)	1	Chiếc	9.000	9.900
SVC60000847	COVER,CM/SHF	NẮP TRỤC CAM (BAO GỒM 4-11, 16-26)	1	Chiếc	7.546.000	8.300.600
SVC60001363	CAP,A/C REFRIG HIGH PRESS SERV VLV	NẮP VAN ÁP SUẤT CAO ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ (MỘT PHẦN CỦA 16) (PHÍA ỐNG CHẤT LỎNG)	1	Chiếc	6.000	6.600
SVC60001364	CAP,A/C REFRIG LOW PRESS SERV VLV	NẮP VAN ÁP SUẤT THẤP ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ (MỘT PHẦN CỦA 16) (PHÍA ỐNG HÚT)	1	Chiếc	6.000	6.600
SVC60001233	CAP,RR BRK BLEDR VLV	NẮP VAN XẢ KHÍ PHANH SAU (MỘT PHẦN CỦA 16)	1	Chiếc	9.000	9.900
BIN60001543	CAP,F/SEAT TILT ADJR LVR BOLT	NẮP, BU LÔNG CẦN ĐIỀU CHỈNH ĐỘ NGHIÊNG GHẾ TRƯỚC (MÀU ĐEN)	1	Chiếc	23.000	25.300
BIN60000760	MOLDING,FRT S/D SILL GARN	NẸP BẬU CỬA TRƯỚC (BAO GỒM 4, 6) (MÀU ĐEN)	1	Chiếc	249.000	273.900
BIN60001513	MOLDING,FRT S/D SILL GARN	NẸP BẬU CỬA TRƯỚC (BAO GỒM 4, 6) (MÀU ĐEN)	1	Chiếc	206.000	226.600
SVC60000527	WEATHERSTRIP,FRT S/D WDO	NẸP CHỐNG THẤM TRÊN CỬA SỔ CỬA TRƯỚC	1	Chiếc	783.000	861.300
SVC60000528	WEATHERSTRIP,FRT S/D WDO	NẸP CHỐNG THẤM TRÊN CỬA SỔ CỬA TRƯỚC	1	Chiếc	783.000	861.300
BIN60001520	MOLDING,L/GATE SILL GARN	NẸP CỬA HẬU (BAO GỒM 2, 9) (MÀU ĐEN)	1	Chiếc	422.000	464.200
BIW60000757	MOLDING,RR S/D WDO BELT RVL	NẸP CỬA SAU	1	Chiếc	450.000	495.000
BIW60000758	MOLDING,RR S/D WDO BELT RVL	NẸP CỬA SAU	1	Chiếc	450.000	495.000
BIW60000755	MOLDING,FRT S/D WDO BELT RVL	NẸP CỬA TRƯỚC	1	Chiếc	436.000	479.600
BIW60000756	MOLDING,FRT S/D WDO BELT RVL	NẸP CỬA TRƯỚC	1	Chiếc	436.000	479.600
BIN60000707	MOLDING,W/S GARN	NẸP KÍNH CHẮN GIÓ (BAO GỒM 2, 7,8) (MÀU XÁM)	1	Chiếc	511.000	562.100
BIN60000709	MOLDING,W/S GARN	NẸP KÍNH CHẮN GIÓ (BAO GỒM 2, 7,8) (MÀU XÁM)	1	Chiếc	511.000	562.100
SVC60001109	SEALING STRIP,FRT S/D WDO INR	NẸP KÍNH TRONG CỬA TRƯỚC PHẢI	1	Chiếc	232.000	255.200
BEX60000426	MOLDING,F/FDR UPR RR	NẸP ỐP, PHÍA SAU Ở TRÊN VÈ XE TRƯỚC (BAO GỒM 3)	1	Chiếc	134.000	147.400
BEX60000427	MOLDING,F/FDR UPR RR	NẸP ỐP, PHÍA SAU Ở TRÊN VÈ XE TRƯỚC (BAO GỒM 3)	1	Chiếc	134.000	147.400
BEX60000605	MOLDING,RKR PNL	NẸP SƯỜN XE (BAO GỒM 3, 4)	1	Chiếc	3.187.000	3.505.700
BEX60000606	MOLDING,RKR PNL	NẸP SƯỜN XE (BAO GỒM 3, 4)	1	Chiếc	3.187.000	3.505.700
BEX60000669	MOLDING,RF PNL JT FIN	NẸP, GIA CÔNG MỐI NỐI TRÊN TẤM ỐP TRƯỚC BÊN PHẢI (BAO GỒM 2) (LỰC LẮP 80N)	1	Chiếc	276.000	303.600
BEX60000670	MOLDING,RF PNL JT FIN	NẸP, GIA CÔNG MỐI NỐI TRÊN TẤM ỐP TRƯỚC BÊN PHẢI (BAO GỒM 2) (LỰC LẮP 80N)	1	Chiếc	276.000	303.600
BEX60000722	MOLDING,FRT WHL OPG	NẸP, KHOANG VÀNH BÁNH TRƯỚC (BAO GỒM 7,10)	1	Chiếc	328.000	360.800
BEX60000723	MOLDING,FRT WHL OPG	NẸP, KHOANG VÀNH BÁNH TRƯỚC (BAO GỒM 7,10)	1	Chiếc	328.000	360.800
BIW60001419	SILL,U/B #5 CR	NGƯỠNG CỬA SÀN XE SỐ 5 THEO YÊU CẦU KHÁCH HÀNG (MỘT PHẦN CỦA 18)	1	Chiếc	286.000	314.600
BIW60001438	KNOB,FRT S/D LKG ROD	NÚM, CẦN KHÓA CỬA TRƯỚC	1	Chiếc	60.000	66.000
BIW60001439	KNOB,FRT S/D LKG ROD	NÚM, CẦN KHÓA CỬA TRƯỚC	1	Chiếc	60.000	66.000

BẢNG GIÁ PHỤ TÙNG XE VINFAST FADIL

Mã phụ tùng	Tên phụ tùng tiếng Anh	Tên phụ tùng tiếng Việt	Số lượng	Đơn vị	Giá bán lẻ (chưa VAT)	Giá bán lẻ (VAT)
SVC60000788	PLUG,TRANS VENT HOLE	NÚT BỊ ỐNG THÔNG HƠI HỘP SỐ (MỘT PHẦN CỦA 9) (ỐNG THÔNG HƠI HỘP SỐ) (*KIT1)	1	Chiếc	35.000	38.500
SVC60001205	NUT,OXY SEN	NÚT BỊT BU LÔNG BẮT CẢM BIẾN KHÍ XẢ	1	Chiếc	73.000	80.300
SVC60000441	NUT,BODY SI F/FDR BRKT	NÚT BỊT BU LÔNG BẮT THẢM TRẢI SÀN	1	Chiếc	1.000	1.100
SVC60000414	PLUG,ENG BLK OIL GAL	NÚT BỊT ĐƯỜNG DẦU MẶT MÁY (PHÍA BƠM NƯỚC) (17.5MM) (0.034)	1	Chiếc	16.000	17.600
SVC60000394	PLUG,ENG BLK OIL GAL	NÚT BỊT ĐƯỜNG DẦU MẶT MÁY (PHÍA SAU KHỐI)	1	Chiếc	25.000	27.500
SVC60001045	PLUG,TRANS FLUID FIL TUBE	NÚT BỊT LỖ ĐIỀN DẦU HỘP SỐ	1	Chiếc	206.000	226.600
SVC60001240	PLUG,RR BRK INSP HOLE	NÚT BỊT LỖ KIỂM TRA PHANH SAU	1	Chiếc	4.000	4.400
SVC60000358	PLUG,CYL HD CORE HOLE	NÚT BỊT LỖ MẶT MÁY (MỘT PHẦN CỦA 14) (M12 X 1.75 X M16, 25) (CÓ KEO CHỐNG XOAY)	1	Chiếc	12.000	13.200
SVC60000432	PLUG,CYL HD CORE HOLE	NÚT BỊT LỖ MẶT MÁY (MỘT PHẦN CỦA 14) (M20X1, 5X30,5MM) (1.531)	1	Chiếc	38.000	41.800
BIW60000315	PLUG,FLR PNL DRN HOLE	NÚT BỊT LỖ THOÁT NƯỚC SÀN XE (23MM) (DDNR) (CÓ CÁC KẸP GIỮ)	1	Chiếc	11.000	12.100
BIW60000401	PLUG,FLR PNL DRN HOLE	NÚT BỊT LỖ THOÁT NƯỚC SÀN XE (35MM) (TRÒN)	1	Chiếc	12.000	13.200
STD60001262	PLUG,FRT S/D O/S HDL ACC HOLE	NÚT BỊT LỖ TIẾP CẬN TAY NẮM NGOÀI CỬA TRƯỚC (15MM) (12.980)	1	Chiếc	3.000	3.300
BIW60001261	PLUG,RKR INR PNL HOLE	NÚT BỊT LỖ TRÊN TẤM ỐP PHÍA TRONG NGƯỠNG CỬA (20MM) (TRÒN) (13.090)	1	Chiếc	3.000	3.300
BIW60000316	PLUG,RKR INR PNL HOLE	NÚT BỊT LỖ TRÊN TẤM ỐP PHÍA TRONG NGƯỠNG CỬA (DÀNH CHO CÁC LỖ CÓ ĐƯỜNG KÍNH 15MM) (10.587)	1	Chiếc	14.000	15.400
SVC60000993	PLUG,ENG BLK CORE HOLE	NÚT BỊT LỖ TRÊN THÂN MÁY (OD 1, 014,THK . 32,TỪ THK .05 THÉP KHÔNG GỈ 304) (0.648)	1	Chiếc	234.000	257.400
STD60001460	PLUG,BODY H/PLR OTR PNL HOLE	NÚT BỊT, LỖ TRÊN TRỤ GIỮA (12.941)	1	Chiếc	6.000	6.600
SVC60000550	PLUG,ENG COOL HTR HOLE	NÚT ĐẬY, LỖ CỦA BỘ SƯỞI NƯỚC LÀM MÁT ĐỘNG CƠ (M28X1.25X13MM) (0.034)	1	Chiếc	71.000	78.100
BIW60001440	KNOB,RR S/D LKG ROD	NÚT VẶN CẦN KHÓA CỬA SAU (BAO GỒM 22)	1	Chiếc	55.000	60.500
BIW60001441	KNOB,RR S/D LKG ROD	NÚT VẶN CẦN KHÓA CỬA SAU (BAO GỒM 22)	1	Chiếc	55.000	60.500
SVC60001035	PLUG,A/TRNS CASE	NÚT VỎ HỘP SỐ TỰ ĐỘNG	1	Chiếc	148.000	162.800
SVC60001487	PLUG,OIL PAN DRN	NÚT XẢ DẦU ĐÁY CÁC TE (CHI TIẾT CỦA 21) (BAO GỒM 24) (M12X1.75X18.15MM) (CÓ GIOĂNG) (TỔNG CHIỀU DÀI:28.9MM)	1	Chiếc	178.000	195.800
SVC60000759	PLUG,TRANS OIL DRN	NÚT XẢ DẦU HỘP SỐ	1	Chiếc	25.000	27.500
SVC60001041	PLUG,TRANS FLUID DRN	NÚT XẢ DẦU HỘP SỐ (4.195)	1	Chiếc	68.000	74.800
SVC60000911	BEARING,FRT WHL	Ổ BI BÁNH TRƯỚC	1	Chiếc	766.000	842.600
SVC60000905	RECEPTACLE,USB 2 PORT (W/ REM)	Ổ CẮM, CỔNG USB CÓ 2 Ổ (VỚI BỘ ĐIỀU KHIỂN TỪ XA) (MỘT PHẦN CỦA 2) (MÀU ĐEN)	1	Chiếc	2.883.000	3.171.300
SVC60000286	RECEPTACLE,ACSRY PWR	Ổ ĐIỆN (MỘT PHẦN CỦA 2) (GỖ MUN) (CÙNG VỚI KẸP)	1	Chiếc	198.000	217.800
STD90000324	EXPANDING_NUT	ỐC NỞ NHỰA	1	Chiếc	1.000	1.100
SVC60001266	HOSE,R/WDO WA PUMP	ỐNG BƠM NƯỚC RỬA KÍNH SAU (THAM KHẢO PHẦN 12 "HỆ THỐNG RỬA KÍNH SAU" ĐỂ CÓ HÌNH ẢNH CHI TIẾT)	1	Chiếc	34.000	37.400
SVC60001289	BOOT KIT,FRT WHL DRV SHF CV JT INR	ỐNG CAO SU TRONG BÁN TRỤC TRƯỚC (CHI TIẾT CỦA 1, 12) (BAO GỒM 8,10,11,14)	1	Chiếc	406.000	446.600
CHS60000624	HOSE,P/B BOOS VAC	ỐNG CHÂN KHÔNG TRỢ LỰC PHANH	1	Chiếc	520.000	572.000
SVC60000808	HOSE,RAD INL	ỐNG DẪN VÀO TẢN NHIỆT	1	Chiếc	159.000	174.900
SVC60001119	HOSE,RR BRK	ỐNG DẦU PHANH SAU	1	Chiếc	124.000	136.400
SVC60000681	PIPE,RR BRK	ỐNG DẦU PHANH SAU	1	Chiếc	61.000	67.100
SVC60000682	PIPE,RR BRK	ỐNG DẦU PHANH SAU	1	Chiếc	61.000	67.100
SVC60001118	HOSE,FRT BRK	ỐNG DẦU PHANH TRƯỚC	1	Chiếc	190.000	209.000
SVC60000678	PIPE,RR BRK RR	ỐNG DẦU PHÍA SAU PHANH SAU (BAO GỒM 7)	1	Chiếc	638.000	701.800
SVC60001417	PIPE,RR BRK RR	ỐNG DẦU PHÍA SAU PHANH SAU (BAO GỒM 7, 13)	1	Chiếc	736.000	809.600
CHS60000589	HOSE,RAD SURGE TK OTLT	ỐNG ĐI RA TỪ BÌNH NƯỚC LÀM MÁT (BAO GỒM 16, 17)	1	Chiếc	148.000	162.800
SVC60000651	HOSE,HTR OTLT	ỐNG ĐI RA TỪ BỘ SƯỞI (ĐẾN ĐỘNG CƠ)	1	Chiếc	108.000	118.800
SVC60000652	HOSE,HTR OTLT	ỐNG ĐI RA TỪ BỘ SƯỞI (TỚI BỘ SƯỞI)	1	Chiếc	108.000	118.800
SVC60000647	HOSE,RAD OTLT	ỐNG ĐI RA TỪ TẢN NHIỆT	1	Chiếc	159.000	174.900
SVC60000654	HOSE,HTR INL	ỐNG ĐI VÀO BỘ SƯỞI	1	Chiếc	150.000	165.000
SVC60001074	TUBE,TRANS FLUID FIL	ỐNG ĐỔ DẦU HỘP SỐ (4.025)	1	Chiếc	473.000	520.300
SVC60000335	PIPE,FUEL FEED	ỐNG ĐỔ NHIÊN LIỆU	1	Chiếc	895.000	984.500
BEX60000693	TUBE,WSWA SOLV CNTNR FIL	ỐNG ĐỔ NƯỚC RỬA KÍNH CHẮN GIÓ (BAO GỒM 18, 21)	1	Chiếc	70.000	77.000
CHS60000985	HOSE,A/C EVPR	ỐNG GIÀN LẠNH ĐIỀU HÒA (BAO GỒM 18-27)	1	Chiếc	1.809.000	1.989.900
CHS60000416	DUCT,W/S DEFR OTLT	ỐNG GIÓ CHỐNG ĐỌNG SƯƠNG KÍNH CHẮN GIÓ	1	Chiếc	319.000	350.900
CHS60001267	DUCT,I/P CTR AIR OTLT	ỐNG GIÓ RA GIỮA BẢNG TÁP LÔ	1	Chiếc	628.000	690.800
SVC60001184	DUCT,FLR FRT AIR OTLT	ỐNG GIÓ RA TỪ SÀN TRƯỚC	1	Chiếc	115.000	126.500
SVC60001185	DUCT,FLR FRT AIR OTLT	ỐNG GIÓ RA TỪ SÀN TRƯỚC	1	Chiếc	119.000	130.900
PWT60000447	DUCT,INT AIR	ỐNG GIÓ VÀO (BAO GỒM 12)	1	Chiếc	548.000	602.800
SVC60000729	TUBE,EVAP EMIS CNSTR PURGE	ỐNG HỘP THOÁT KHÍ BAY HƠI	1	Chiếc	185.000	203.500
BIN60000869	BOLSTER,I/P KNEE	ỐNG LÓT ĐẦU GỐI TRÊN BẢNG TÁP LÔ (BAO GỒM 7, 9-11) (MÀU XANH LÁ CÂY)	1	Chiếc	328.000	360.800
CHS60000611	HOSE,A/C CMPR	ỐNG MÁY NÉN ĐIỀU HÒA (BAO GỒM 15, 16)	1	Chiếc	825.000	907.500
SVC60000526	HOSE,F/TNK FIL	ỐNG NẠP CHO BÌNH NHIÊN LIỆU (MỘT PHẦN CỦA 11) (ĐẾN ỐNG)	1	Chiếc	567.000	623.700
SVC60000723	PIPE,THERM BYPASS	ỐNG NHÁNH HẰNG NHIỆT (BAO GỒM 8, 9,12, 13)	1	Chiếc	797.000	876.700
SVC60000537	PIPE,EVAP EMIS	ỐNG NHIÊN LIỆU BAY HƠI	1	Chiếc	609.000	669.900
SVC60000811	RAIL,F/INJN FUEL	ỐNG NHIÊN LIỆU DÙNG CHUNG (BAO GỒM 4, 5) (KHÔNG CÓ VAN SCHADER. CHO BẢO DƯỠNG. LẮP DỤNG CỤ ĐO ÁP SUẤT KHI BẢO DƯỠNG)	1	Chiếc	1.219.000	1.340.900
SVC60000722	HOSE,THERM BYPASS	ỐNG NỐI TẮT VAN HẰNG NHIỆT (MỘT PHẦN CỦA 10) (CHỈ CÓ ỐNG)	1	Chiếc	66.000	72.600
SVC60001226	PIPE,EVAP EMIS CNSTR PURGE	ỐNG VAN NHIÊN LIỆU BAY HƠI	1	Chiếc	260.000	286.000
SVC60001095	HOSE,WSWA NOZ	ỐNG VÒI PHUN NƯỚC RỬA KÍNH CHẮN GIÓ	1	Chiếc	108.000	118.800
CHS60000586	HOSE,ENG COOL AIR BL	ỐNG XẢ KHÍ LÀM MÁT ĐỘNG CƠ (BAO GỒM 14)	1	Chiếc	66.000	72.600
SVC60000638	TUBE,FUEL FEED	ỐNG, CẤP NHIÊN LIỆU	1	Chiếc	567.000	623.700
SVC60001705	PIPE,TRANS FLUID CLR INL & OTLT	ỐNG, NẠP & XẢ CỦA BỘ LÀM MÁT DẦU HỘP SỐ	1	Chiếc	998.000	**1.097.800**
SVC60001073	TUBE,TRANS FLUID FIL LWR	ỐNG, PHÍA DƯỚI MIỆNG RÓT DẦU HỘP SỐ	1	Chiếc	382.000	420.200
SVC60000697	SEAL,PCV OIL SEP(O RING)	ỐNG, XẢ BỘ TÁCH DẦU THÔNG HƠI ĐÁY CÁC TE (BAO GỒM 4, 6)	1	Chiếc	174.000	191.400
SVC60001511	PIPE,A/TRNS FLUID LVL CONT VLV	ỐNG,XU PÁP ĐIỀU KHIỂN MỨC DẦU HỘP SỐ TỰ ĐỘNG(4.104)	1	Chiếc	218.000	239.800
EEP60000560	COVER,BAT UPR	ỐP CHE BÊN TRÊN ẮC QUY	1	Chiếc	331.000	364.100
BIW60000741	COVER,DA UPR EXTN PNL OPG	ỐP CHE TẤM PANEL DƯỚI	1	Chiếc	366.000	402.600
SVC60000499	COVER,L/GATE TR FIN ACC HOLE	ỐP CỬA GIÓ ĐIỀU HÒA TRÊN CỬA LẬT (MỘT PHẦN CỦA 1) (MÀU ĐEN)	1	Chiếc	43.000	47.300
SVC60000961	COVER,O/S RR VIEW MIR HSG LWR	ỐP GƯƠNG NGOÀI	1	Chiếc	206.000	226.600
SVC60000962	COVER,O/S RR VIEW MIR HSG LWR	ỐP GƯƠNG NGOÀI	1	Chiếc	206.000	226.600
BEX60001579	COVER-O/S RR VIEW MIR HSG UPR	ỐP GƯƠNG NGOÀI	1	Chiếc	49.000	53.900
BIN60001514	MOLDING,RR S/D SILL GARN	ỐP NGƯỠNG CỬA SAU (BAO GỒM 7) (MÀU ĐEN)	1	Chiếc	155.000	170.500
BIN60001515	MOLDING,RR S/D SILL GARN	ỐP NGƯỠNG CỬA SAU (BAO GỒM 7) (MÀU ĐEN)	1	Chiếc	155.000	170.500
SVC60001303	PANEL,QTR LWR RR TR	ỐP SƯỜN XE GÓC SAU PHÍA DƯỚI (BAO GỒM 3, 8) (MÀU ĐEN)	1	Chiếc	530.000	583.000
SVC60001304	PANEL,QTR LWR RR TR	ỐP SƯỜN XE GÓC SAU PHÍA DƯỚI (BAO GỒM 3, 8) (MÀU ĐEN)	1	Chiếc	530.000	583.000
BEX60000068	COVER-FRT S/D O/S HDL	Ốp tay mở (dài)	1	Chiếc	27.000	29.700
BEX60000072	COVER ASM-FRT S/D LK CYL OPG	Ốp tay mở (Ngắn)	1	Chiếc	23.000	25.300
BEX60000937	LINER,FRT W/H	ỐP VÀNH BÁNH TRƯỚC (BAO GỒM 9, 12,16)	1	Chiếc	274.000	301.400
BEX60000938	LINER,FRT W/H	ỐP VÀNH BÁNH TRƯỚC (BAO GỒM 9, 12,16)	1	Chiếc	274.000	301.400
SVC60000659	LINER,FRT W/H	ỐP VÀNH BÁNH TRƯỚC (CHỈ CHO TẤM LÓT) (PHÍA SAU) (*KIT1)	1	Chiếc	197.000	216.700

BẢNG GIÁ PHỤ TÙNG XE VINFAST FADIL

Mã phụ tùng	Tên phụ tùng tiếng Anh	Tên phụ tùng tiếng Việt	Số lượng	Đơn vị	Giá bán lẻ (chưa VAT)	Giá bán lẻ (VAT)
SVC60001137	LINER,FRT W/H	ỐP VÀNH BÁNH TRƯỚC (MỘT PHẦN) (PHÍA TRƯỚC) (*KIT1)	1	Chiếc	220.000	242.000
SVC60001735	LINER,FRT W/H	ỐP VÀNH BÁNH TRƯỚC TRÁI	1	Chiếc	298.000	327.800
SVC60001062	COVER,SHFT CONT HSG	ỐP VỎ BỘ ĐIỀU KHIỂN CHUYỂN SỐ (BAO GỒM 5, 10-12) (*KIT1)	1	Chiếc	619.000	680.900
BIN60001511	BEZEL,DAYTIME RUNNING LP AMB LGT	ỐP, ĐÈN BAN NGÀY (MÀU ĐEN)	1	Chiếc	9.000	9.900
BIN60001512	BEZEL,DAYTIME RUNNING LP AMB LGT	ỐP, ĐÈN BAN NGÀY (MÀU ĐEN)	1	Chiếc	9.000	9.900
SVC60000295	PANEL,RR S/D OTR	PANEN BÊN NGOÀI CỬA SAU (*KIT2)	1	Chiếc	2.381.000	2.619.100
SVC60000296	PANEL,RR S/D OTR	PANEN BÊN NGOÀI CỬA SAU (*KIT2)	1	Chiếc	2.381.000	2.619.100
SVC60000297	PANEL,FRT S/D OTR	PANEN BÊN NGOÀI CỬA TRƯỚC (*KIT1)	1	Chiếc	2.718.000	2.989.800
SVC60000298	PANEL,FRT S/D OTR	PANEN BÊN NGOÀI CỬA TRƯỚC (*KIT1)	1	Chiếc	2.718.000	2.989.800
BEX60000642	GUIDE,RR BPR FASCIA	PHẦN DẪN HƯỚNG MẶT CẢN SAU (BAO GỒM 9, 13)	1	Chiếc	52.000	57.200
BEX60000643	GUIDE,RR BPR FASCIA	PHẦN DẪN HƯỚNG MẶT CẢN SAU (BAO GỒM 9, 13)	1	Chiếc	52.000	57.200
BEX60000590	GUIDE,FRT BPR FASCIA	PHẦN DẪN HƯỚNG MẶT CẢN TRƯỚC	1	Chiếc	40.000	44.000
BEX60000591	GUIDE,FRT BPR FASCIA	PHẦN DẪN HƯỚNG MẶT CẢN TRƯỚC	1	Chiếc	40.000	44.000
BIW60001431	EXTENSION,QTR INR PNL	PHẦN MỞ RỘNG, TẤM ỐP TRONG MỘT PHẦN TƯ	1	Chiếc	131.000	144.100
BIW60001432	EXTENSION,QTR INR PNL	PHẦN MỞ RỘNG, TẤM ỐP TRONG MỘT PHẦN TƯ	1	Chiếc	131.000	144.100
SVC60001292	JOINT KIT,FRT WHL DRV SHF CV INR	PHẦN NỐI CAO SU TRONG BÁN TRỤC TRƯỚC (CHI TIẾT CỦA 1) (BAO GỒM 2, 3,5-8)	1	Chiếc	2.484.000	2.732.400
SVC60001293	JOINT KIT,FRT WHL DRV SHF CV INR	PHẦN NỐI CAO SU TRONG BÁN TRỤC TRƯỚC (CHI TIẾT CỦA 1) (BAO GỒM 8-11, 13,14)	1	Chiếc	2.484.000	2.732.400
SVC60000336	SEALER,ENG FRT CVR	PHỚT ĐẦU TRỤC CƠ	1	Chiếc	998.000	1.097.800
SVC60000695	GASKET,O/PMP SUC PIPE	PHỚT ĐƯỜNG ỐNG VÀO BƠM DẦU (MỘT PHẦN CỦA 12)	1	Chiếc	166.000	182.600
SVC60001039	GASKET,A/TRNS FLUID PAN	PHỚT LÀM KÍN KHAY CHỨA DẦU HỘP SỐ TỰ ĐỘNG	1	Chiếc	516.000	567.600
SVC60000689	GASKET,TMG CHAIN TENSR	PHỚT LÀM KÍN, BỘ CĂNG ĐAI XÍCH CAM (MỘT PHẦN CỦA 5)	1	Chiếc	35.000	38.500
SVC60001310	GASKET,O/S RR VIEW MIR	PHỚT LÀM KÍN, GƯƠNG CHIẾU HẬU BÊN NGOÀI (MỘT PHẦN CỦA 10) (*KIT1)	1	Chiếc	190.000	209.000
SVC60001312	GASKET,O/S RR VIEW MIR	PHỚT LÀM KÍN, GƯƠNG CHIẾU HẬU BÊN NGOÀI (MỘT PHẦN CỦA 10) (*KIT1)	1	Chiếc	190.000	209.000
SVC60001042	GASKET,TRANS FLUID DRN PLUG	PHỚT LÀM KÍN, NÚT XẢ DẦU HỘP SỐ (4.104)	1	Chiếc	66.000	72.600
SVC60000581	GASKET,THERM BYPASS PIPE	PHỚT LÀM KÍN, ỐNG NHÁNH VAN HẰNG NHIỆT (MỘT PHẦN CỦA 10)	1	Chiếc	122.000	134.200
SVC60000685	GASKET,CM/SHF POSN ACTR SOL VLV	PHỚT LÀM KÍN, VAN ĐIỆN TỪ CẦN ĐỘNG VỊ TRÍ TRỤC CAM (MỘT PHẦN CỦA 12)	1	Chiếc	108.000	118.800
SVC60000583	GASKET,W/PMP HSG	PHỚT LÀM KÍN, VỎ BƠM NƯỚC LÀM MÁT (MỘT PHẦN CỦA 18)	1	Chiếc	115.000	126.500
PWT60001574	GASKET,EXH SYS RR	PHỚT, HỆ THỐNG KHÍ XẢ SAU (3.704)	1	Chiếc	48.000	52.800
SVC60001251	GASKET,EXH SYS FRT	PHỚT, HỆ THỐNG KHÍ XẢ TRƯỚC (MỘT PHẦN CỦA 10)	1	Chiếc	77.000	84.700
SVC60000818	PISTON KIT,ENG	PÍT TÔNG (CÓ CHỐT) (BAO GỒM 3, 4)	1	Chiếc	1.359.000	1.494.900
SVC60000704	PULLEY,W/PMP	PU LY BƠM NƯỚC (MỘT PHẦN CỦA 18)	1	Chiếc	263.000	289.300
SVC60000628	FAN,ENG COOL	QUẠT LÀM MÁT ĐỘNG CƠ	1	Chiếc	3.936.000	4.329.600
BIW60000450	CHANNEL,RR S/D STA WDO	RÃNH, KÍNH CỐ ĐỊNH CỬA SAU	1	Chiếc	183.000	201.300
BIW60000451	CHANNEL,RR S/D STA WDO	RÃNH, KÍNH CỐ ĐỊNH CỬA SAU	1	Chiếc	183.000	201.300
BEX60000690	RAIL,LUGG CARR SI	RAY SƯỜN GIÁ HÀNH LÝ	1	Chiếc	2.015.000	2.216.500
SVC60001570	RAIL,LUGG CARR SI	RAY SƯỜN GIÁ HÀNH LÝ	1	Chiếc	2.015.000	2.216.500
SVC60001571	RAIL,LUGG CARR SI	RAY SƯỜN GIÁ HÀNH LÝ TRÁI	1	Chiếc	2.015.000	2.216.500
BIW60001463	RAIL,RF OTR SI	RAY SƯỜN MÁI PHÍA NGOÀI	1	Chiếc	249.000	273.900
BIW60001464	RAIL,RF OTR SI	RAY SƯỜN MÁI PHÍA NGOÀI	1	Chiếc	249.000	273.900
BIW60000628	RAIL,RF INR SI	RAY SƯỜN MÁI PHÍA TRONG	1	Chiếc	328.000	360.800
SVC60000671	RAIL,RF INR SI	RAY SƯỜN MÁI PHÍA TRONG	1	Chiếc	328.000	360.800
BIW60001425	RAIL,F/CMPT INTER SI	RAY, BÊN TRUNG GIAN KHOANG TRƯỚC	1	Chiếc	389.000	427.900
BIW60001426	RAIL,F/CMPT INTER SI	RAY, BÊN TRUNG GIAN KHOANG TRƯỚC	1	Chiếc	216.000	237.600
SVC60001160	RAIL,F/CMPT FRT OTR SI	RAY, NGOÀI PHÍA TRƯỚC KHOANG TRƯỚC	1	Chiếc	778.000	855.800
SVC60001161	RAIL,F/CMPT FRT OTR SI	RAY, NGOÀI PHÍA TRƯỚC KHOANG TRƯỚC	1	Chiếc	792.000	871.200
BIW60001421	RAIL,R/CMPT FLR PNL RR	RAY, PHÍA SAU TẤM ỐP SÀN KHOANG SAU (MỘT PHẦN CỦA 18)	1	Chiếc	190.000	209.000
BIW60001422	RAIL,R/CMPT FLR PNL RR	RAY, PHÍA SAU TẤM ỐP SÀN KHOANG SAU (MỘT PHẦN CỦA 18)	1	Chiếc	190.000	209.000
BIW60001427	RAIL,R/CMPT PNL	RAY, TẤM ỐP KHOANG SAU	1	Chiếc	237.000	260.700
BIW60001428	RAIL,R/CMPT PNL	RAY, TẤM ỐP KHOANG SAU	1	Chiếc	237.000	260.700
SVC60001162	RAIL,F/CMPT FRT INR SI	RAY, TRONG PHÍA TRƯỚC KHOANG TRƯỚC	1	Chiếc	1.964.000	2.160.400
SVC60001163	RAIL,F/CMPT FRT INR SI	RAY, TRONG PHÍA TRƯỚC KHOANG TRƯỚC	1	Chiếc	1.819.000	2.000.900
STD60000036	RIVET,RR BPR FASCIA GDE	RI-VÊ,NẸP ỐP MẶT NẠ CẢN SAU(MỘT PHẦN CỦA 3)	1	Chiếc	5.000	5.500
SVC60001355	RELAY,	RƠ LE (MỘT PHẦN CỦA 1) (DÙNG NHIỀU VỊ TRÍ 20 AM PE)	1	Chiếc	56.000	61.600
SVC60001352	RELAY,ACSRY TIME DELAY CUTOFF	RƠ LE (MỘT PHẦN CỦA 1) (MÀU ĐEN) (MICRO UEC ISO 35A-4P)	1	Chiếc	74.000	81.400
SVC60000369	RELAY,M/FUNC DISABLE SHPG	RƠ LE ĐIỀU CHỈNH GƯƠNG TRÁI	1	Chiếc	501.000	551.100
SVC60001211	ROD,STRG LNKG OTR TIE	RÔ TUYN LÁI NGOÀI (*KIT1)	1	Chiếc	881.000	969.100
SVC60001212	ROD,STRG LNKG OTR TIE	RÔ TUYN LÁI NGOÀI (*KIT1)	1	Chiếc	881.000	969.100
SVC60000368	RELAY,FOG LP	RƠ-LE, ĐÈN SƯƠNG MÙ (MỘT PHẦN CỦA 8)	1	Chiếc	76.000	83.600
SVC60000910	ROTOR,FRT BRK (CTD)	RÔ-TO, PHANH PHÍA TRƯỚC (ĐƯỢC SƠN PHỦ)	1	Chiếc	1.139.000	1.252.900
BIW60001158	TAG,IGN LK KEY VEH SHUTOFF INFO	TAG, GHI THÔNG TIN TẮT XE DÙNG KEY ĐÁNH LỬA	1	Chiếc	9.000	9.900
BIW60001568	PROTECTOR,FRT S/D OTR PNL SHPG	TẤM BẢO VỆ CỬA TRƯỚC	1	Chiếc	2.000	2.200
SVC60001112	SHIELD,FRT BRK	TẤM BẢO VỆ PHANH TRƯỚC	1	Chiếc	71.000	78.100
SVC60001113	SHIELD,FRT BRK	TẤM BẢO VỆ PHANH TRƯỚC	1	Chiếc	71.000	78.100
SVC60001114	SHIELD,FRT BRK	TẤM BẢO VỆ PHANH TRƯỚC	1	Chiếc	78.000	85.800
SVC60001115	SHIELD,FRT BRK	TẤM BẢO VỆ PHANH TRƯỚC	1	Chiếc	78.000	85.800
SVC60000347	INSULATOR,INT AIR DUCT	TẤM CÁCH ÂM ỐNG NẠP GIÓ (PART OF 13, 14, 18)	1	Chiếc	11.000	12.100
BEX60001495	INSULATOR,RR CLSR CTR APLQ	TẤM CÁCH LY TẤM GHÉP TRANG TRÍ Ở GIỮA KHUNG SAU (*KIT1)	1	Chiếc	56.000	61.600
BEX60001496	INSULATOR,RR CLSR CTR APLQ	TẤM CÁCH LY TẤM GHÉP TRANG TRÍ Ở GIỮA KHUNG SAU (*KIT1)	1	Chiếc	56.000	61.600
SVC60000774	INSULATOR,EXH RR MUFF	TẤM CÁCH NHIỆT BỘ TIÊU ÂM PHÍA SAU XẢ (MỘT PHẦN CỦA 3)	1	Chiếc	94.000	103.400
PWT60000276	SHIELD,CTLTC CONV HT	TẤM CÁCH NHIỆT CỦA BỘ CHUYỂN ĐỔI XÚC TÁC	1	Chiếc	497.000	546.700
BIW60000948	INSULATOR-FRT S/D O/S HDL	TẤM CÁCH NHIỆT TAY NẮM BÊN NGOÀI CỬA HÔNG TRƯỚC	1	Chiếc	9.000	9.900
BIW60000519	INSULATOR,FRT S/D O/S HDL	TẤM CÁCH NHIỆT TAY NẮM BÊN NGOÀI CỬA HÔNG TRƯỚC (MỘT PHẦN)	1	Chiếc	9.000	9.900
CHS60001304	INSULATOR,F/CMPT	TẤM CHẮN BÙN ĐỘNG CƠ	1	Chiếc	239.000	262.900
BEX60001681	WHEEL ARCH LINER_RH	TẤM CHẮN BÙN LÒNG BÁNH SAU BÊN PHẢI	1	Chiếc	49.000	53.900
BEX60001685	WHEEL ARCH LINER_LH	TẤM CHẮN BÙN LÒNG BÁNH SAU BÊN TRÁI	1	Chiếc	49.000	53.900
EEP60000532	SHIELD,FUSE BLK	TẤM CHẮN CỤM CẦU CHÌ	1	Chiếc	115.000	126.500
BIN60000203	SHADE ASM-LUGG	TẤM CHẮN NẮNG	1	Chiếc	656.000	721.600
BIN60001309	SUNSHADE,	TẤM CHẮN NẮNG (BAO GỒM 11) (MÀU XÁM)	1	Chiếc	342.000	376.200
BIN60001311	SUNSHADE,	TẤM CHẮN NẮNG (BAO GỒM 11) (MÀU XÁM)	1	Chiếc	412.000	453.200
BIN60001310	SUNSHADE,	TẤM CHẮN NẮNG (BAO GỒM 11) (MÀU XÁM)	1	Chiếc	342.000	376.200
BIN60001548	BUMPER,I/P COMPT DR	TẤM CHẮN NẮP ĐẬY KHOANG CHỨA TRÊN BẢNG TÁP LÔ	1	Chiếc	9.000	9.900
SVC60000860	PANEL,AIR INL GRL	TẤM CHẮN NƯỚC DƯỚI KÍNH, TRÁI	1	Chiếc	1.055.000	1.160.500
SVC60001741	PANEL,AIR INL GRL	TẤM CHẮN NƯỚC DƯỚI KÍNH, TRÁI	1	Chiếc	567.000	623.700
SVC60000427	INSULATOR,FRT COIL SPR LWR	TẤM CHẮN PHÍA DƯỚI LÒ XO GIẢM XÓC TRƯỚC	1	Chiếc	77.000	84.700
CHS60000440	SHIELD,FRT W/H SPH	TẤM CHẮN, CHẮN BÙN KHOANG BÁNH XE PHÍA TRƯỚC	1	Chiếc	88.000	96.800
CHS60000441	SHIELD,FRT W/H SPH	TẤM CHẮN, CHẮN BÙN KHOANG BÁNH XE PHÍA TRƯỚC	1	Chiếc	88.000	96.800
PWT60001556	SHIELD,EXH RR U/B HT	TẤM CHẮN, NHIỆT BÊN DƯỚI GẦM XE PHÍA SAU ỐNG XẢ	1	Chiếc	191.000	210.100
PWT60001555	SHIELD,EXH FRT U/B HT	TẤM CHẮN, NHIỆT BÊN DƯỚI GẦM XE PHÍA TRƯỚC ỐNG XẢ	1	Chiếc	241.000	265.100
SVC60000640	SHIELD,F/TNK HT	TẤM CHẮN, NHIỆT BÌNH NHIÊN LIỆU	1	Chiếc	595.000	654.500

BẢNG GIÁ PHỤ TÙNG XE VINFAST FADIL

Mã phụ tùng	Tên phụ tùng tiếng Anh	Tên phụ tùng tiếng Việt	Số lượng	Đơn vị	Giá bán lẻ (chưa VAT)	Giá bán lẻ (VAT)
BIN60001504	COVER,I/P OTR TR	TẤM CHE ỐP NGOÀI CỤM TÁP LÔ (BAO GỒM 15) (MÀU ĐEN)	1	Chiếc	70.000	77.000
BIN60001503	COVER,I/P OTR TR	TẤM CHE ỐP NGOÀI CỤM TÁP LÔ (BAO GỒM 2) (MÀU ĐEN)	1	Chiếc	70.000	77.000
BEX60000066	ABSORBER,FRT BPR FASCIA ENGY	TẤM CHỊU VA ĐẬP MẶT NẠ CẢN TRƯỚC	1	Chiếc	221.000	243.100
BIW60000652	DEFLECTOR,RR S/D WAT	TẤM CHUYỂN HƯỚNG NƯỚC CỬA SAU	1	Chiếc	140.000	154.000
BIW60000653	DEFLECTOR,RR S/D WAT	TẤM CHUYỂN HƯỚNG NƯỚC CỬA SAU	1	Chiếc	140.000	154.000
BIW60000621	DEFLECTOR,FRT S/D WAT	TẤM CHUYỂN HƯỚNG NƯỚC CỬA TRƯỚC	1	Chiếc	108.000	118.800
BIW60000622	DEFLECTOR,FRT S/D WAT	TẤM CHUYỂN HƯỚNG NƯỚC CỬA TRƯỚC	1	Chiếc	108.000	118.800
SVC60001116	PLATE,RR BRK BKG	TẤM ĐỠ PHANH SAU (TẤM NGĂN)	1	Chiếc	403.000	443.300
SVC60001117	PLATE,RR BRK BKG	TẤM ĐỠ PHANH SAU (TẤM NGĂN)	1	Chiếc	403.000	443.300
BIW60001429	REINFORCEMENT,BODY L/PLR LK STKR	TẤM GIA CƯỜNG MỐM KHÓA TRỤ KHÓA THÂN XE (BAO GỒM 10)	1	Chiếc	75.000	82.500
BIW60001430	REINFORCEMENT,BODY L/PLR LK STKR	TẤM GIA CƯỜNG MỐM KHÓA TRỤ KHÓA THÂN XE (BAO GỒM 10)	1	Chiếc	75.000	82.500
BIW60000419	REINFORCEMENT,RKR OTR PNL	TẤM GIA CƯỜNG TẤM ỐP SƯỜN XE TRƯỚC PHÍA NGOÀI (BAO GỒM 14)	1	Chiếc	886.000	974.600
BIW60000420	REINFORCEMENT,RKR OTR PNL	TẤM GIA CƯỜNG TẤM ỐP SƯỜN XE TRƯỚC PHÍA NGOÀI (BAO GỒM 14)	1	Chiếc	886.000	974.600
BIW60000655	REINFORCEMENT,FLR PNL(F/SEAT)	TẤM GIA CƯỜNG TẤM SÀN XE (GHẾ TRƯỚC)	1	Chiếc	1.181.000	1.299.100
BIW60000656	REINFORCEMENT,FLR PNL(F/SEAT)	TẤM GIA CƯỜNG TẤM SÀN XE (GHẾ TRƯỚC)	1	Chiếc	1.186.000	1.304.600
SVC60001167	REINFORCEMENT,RR W/H INR PNL	TẤM GIA CƯỜNG, TẤM LÓT TRONG KHOANG VÀNH BÁNH SAU	1	Chiếc	361.000	397.100
SVC60001168	REINFORCEMENT,RR W/H INR PNL	TẤM GIA CƯỜNG, TẤM LÓT TRONG KHOANG VÀNH BÁNH SAU	1	Chiếc	342.000	376.200
BEX60001683	BRACKET_RH	TẤM GIÁ ĐỠ CHẮN BÙN BÊN PHẢI	1	Chiếc	35.000	38.500
BEX60001687	BRACKET_LH	TẤM GIÁ ĐỠ CHẮN BÙN BÊN TRÁI	1	Chiếc	35.000	38.500
CHS60000678	INSULATOR,SPA WHL PKT	TẤM LÓT KHOANG CHỨA BÁNH DỰ PHÒNG (48X33X20MM)	1	Chiếc	23.000	25.300
SVC60001410	PAD,R/SEAT BK (W/WIRE)	TẤM LÓT, LƯNG GHẾ NGỒI PHÍA SAU (CÓ DÂY) (*KIT1)	1	Chiếc	563.000	619.300
SVC60001411	PAD,R/SEAT BK (W/WIRE)	TẤM LÓT, LƯNG GHẾ NGỒI PHÍA SAU (CÓ DÂY) (*KIT1)	1	Chiếc	741.000	815.100
SVC60001406	PAD,F/SEAT BK	TẤM LÓT, LƯNG GHẾ TRƯỚC	1	Chiếc	722.000	794.200
SVC60001407	PAD,F/SEAT BK	TẤM LÓT, LƯNG GHẾ TRƯỚC	1	Chiếc	722.000	794.200
SVC60001409	PAD,R/SEAT CUSH (W/WIRE)	TẤM LÓT, NỆM GHẾ NGỒI PHÍA SAU (CÓ DÂY) (*KIT1)	1	Chiếc	1.162.000	1.278.200
SVC60001408	PAD,R/SEAT CUSH (W/WIRE)	TẤM LÓT, NỆM GHẾ NGỒI PHÍA SAU (CÓ DÂY) (*KIT2)	1	Chiếc	952.000	1.047.200
SVC60000772	LINER,FRT W/H FRT	TẤM LÓT, PHÍA TRƯỚC KHOANG BÁNH XE TRƯỚC (*KIT1)	1	Chiếc	234.000	257.400
SVC60000773	LINER,FRT W/H FRT	TẤM LÓT, PHÍA TRƯỚC KHOANG BÁNH XE TRƯỚC (*KIT1)	1	Chiếc	234.000	257.400
BEX60000609	EXTENSION,AIR INL GRL PNL	TẤM LƯỚI HÚT GIÓ KÉO DÀI	1	Chiếc	62.000	68.200
SVC60000661	EXTENSION,AIR INL GRL PNL	TẤM LƯỚI HÚT GIÓ KÉO DÀI TRÁI	1	Chiếc	62.000	68.200
SVC60000662	EXTENSION,AIR INL GRL PNL	TẤM LƯỚI HÚT GIÓ KÉO DÀI TRÁI	1	Chiếc	62.000	68.200
SVC60000831	PANEL,RF	TẤM MÁI	1	Chiếc	3.675.000	4.042.500
BIW60001433	PANEL,RF FRT HDR	TẤM MÁI PHÍA TRƯỚC	1	Chiếc	703.000	773.300
SVC60001414	PANEL,HDLNG TR	TẤM ỐP (BAO GỒM 2, 3,12-14) (MÀU XÁM)	1	Chiếc	3.211.000	3.532.100
SVC60001392	PANEL,HDLNG TR	TẤM ỐP (BAO GỒM 2, 3,12-14) (MÀU XÁM)	1	Chiếc	3.211.000	3.532.100
BIW60001113	PANEL ASM-L/GATE	TẤM ỐP CỬA HẬU	1	Chiếc	5.714.000	6.285.400
BIN60001517	PANEL,L/GATE TR FIN	TẤM ỐP CỬA HẬU (BAO GỒM 3, 4) (MÀU ĐEN)	1	Chiếc	370.000	407.000
BIN60000555	TRIM,RR S/D	TẤM ỐP CỬA SAU (BAO GỒM 1, 3,5,10,15) (MÀU ĐEN)	1	Chiếc	1.111.000	1.222.100
BIN60000557	TRIM,RR S/D	TẤM ỐP CỬA SAU (BAO GỒM 1, 3,5,10,15) (MÀU ĐEN)	1	Chiếc	1.111.000	1.222.100
BIN60000076	TRIM,FRT S/D	TẤM ỐP CỬA TRƯỚC (BAO GỒM 2, 4-7,9,19-21) (MÀU ĐEN)	1	Chiếc	3.844.000	4.228.400
BIN60000204	TRIM,FRT S/D	TẤM ỐP CỬA TRƯỚC (BAO GỒM 2, 4-7,9,19-21) (MÀU ĐEN)	1	Chiếc	4.312.000	4.743.200
BIN60000815	TRIM,FRT S/D	TẤM ỐP CỬA TRƯỚC (BAO GỒM 4-8, 14,16-19) (MÀU ĐEN)	1	Chiếc	2.531.000	2.784.100
BEX60001044	APPLIQUE,RR CLSR CTR	TẤM ỐP GIỮA PHÍA SAU	1	Chiếc	361.000	397.100
BEX60000073	APPLIQUE,RR CLSR CTR	TẤM ỐP GIỮA PHÍA SAU	1	Chiếc	361.000	397.100
BIN60000516	PANEL,Q/WDO TR FIN	TẤM ỐP KÍNH GÓC MỘT PHẦN TƯ (BAO GỒM 2, 14) (MÀU XÁM)	1	Chiếc	150.000	165.000
BIN60000518	PANEL,Q/WDO TR FIN	TẤM ỐP KÍNH GÓC MỘT PHẦN TƯ (BAO GỒM 2, 14) (MÀU XÁM)	1	Chiếc	150.000	165.000
SVC60000461	PANEL,R/FLR RR	TẤM ỐP PHÍA SAU SÀN SAU (BAO GỒM 5, 8,15, 20)	1	Chiếc	7.457.000	8.202.700
BIN60000565	PANEL,I/P UPR TR	TẤM ỐP PHÍA TRÊN TÁP LÔ (MÀU ĐEN)	1	Chiếc	2.555.000	2.810.500
BIW60000507	PANEL,CTR PLR INR	TẤM ỐP PHÍA TRONG TRỤ GIỮA	1	Chiếc	403.000	443.300
BIW60000508	PANEL,CTR PLR INR	TẤM ỐP PHÍA TRONG TRỤ GIỮA	1	Chiếc	403.000	443.300
BIW60001415	PANEL,R/FLR FRT	TẤM ỐP PHÍA TRƯỚC SÀN SAU	1	Chiếc	4.190.000	4.609.000
BIN60000464	PANEL,LOAD FLR TR	TẤM ỐP SÀN CHỨA ĐỒ (MÀU ĐEN)	1	Chiếc	185.000	203.500
BIW60001407	PANEL,F/FLR	TẤM ỐP SÀN TRƯỚC	1	Chiếc	2.962.000	3.258.200
BIW60001408	PANEL,F/FLR	TẤM ỐP SÀN TRƯỚC	1	Chiếc	2.962.000	3.258.200
BIW60001409	PANEL,RKR INR	TẤM ỐP SƯỜN XE	1	Chiếc	1.233.000	1.356.300
BIW60001410	PANEL,RKR INR	TẤM ỐP SƯỜN XE	1	Chiếc	1.101.000	1.211.100
BIN60001194	PLATE,I/P TR	TẤM ỐP TRANG TRÍ MẶT ĐỒNG HỒ TÁP LÔ (BAO GỒM 1, 2,3,16) (MÀU ĐEN)	1	Chiếc	1.683.000	1.851.300
SVC60000514	PLATE,I/P TR	TẤM ỐP TRANG TRÍ MẶT ĐỒNG HỒ TÁP LÔ (MÀU ĐEN) (*KIT1)	1	Chiếc	614.000	675.400
BIW60001417	EXTENSION,R/FLR PNL FRT	TẤM ỐP TRƯỚC SÀN SAU	1	Chiếc	731.000	804.100
BIW60001411	PANEL,RR W/H	TẤM ỐP VÀNH BÁNH SAU	1	Chiếc	1.003.000	1.103.300
BIW60001412	PANEL,RR W/H	TẤM ỐP VÀNH BÁNH SAU	1	Chiếc	1.003.000	1.103.300
SVC60000777	COVER,STRG WHL SPOKE	TẤM ỐP, CHẤU VÔ LĂNG (MỘT PHẦN CỦA 1) (MÀU ĐEN) (NẮP CHE)	1	Chiếc	136.000	149.600
SVC60000776	COVER,STRG WHL SPOKE	TẤM ỐP, CHẤU VÔ LĂNG (MỘT PHẦN CỦA 1) (MÀU ĐEN) (NẮP ĐẬY KÍN) (BÊN TRÁI)	1	Chiếc	136.000	149.600
BIW60000698	PANEL,RF RR HDR	TẤM ỐP, ĐẦU SAU TRÊN NÓC	1	Chiếc	764.000	840.400
BIN60000720	PANEL,CTR PLR UPR TR	TẤM ỐP, TRANG TRÍ PHÍA TRÊN TRỤ GIỮA (BAO GỒM 12) (MÀU XÁM)	1	Chiếc	136.000	149.600
BIN60000721	PANEL,CTR PLR UPR TR	TẤM ỐP, TRANG TRÍ PHÍA TRÊN TRỤ GIỮA (BAO GỒM 12) (MÀU XÁM)	1	Chiếc	136.000	149.600
BIN60000718	PANEL,CTR PLR UPR TR	TẤM ỐP, TRANG TRÍ PHÍA TRÊN TRỤ GIỮA (BAO GỒM 12,16) (MÀU XÁM)	1	Chiếc	127.000	139.700
BIN60000719	PANEL,CTR PLR UPR TR	TẤM ỐP, TRANG TRÍ PHÍA TRÊN TRỤ GIỮA (BAO GỒM 12,16) (MÀU XÁM)	1	Chiếc	127.000	139.700
SVC60001700	COVER,STRG WHL SPOKE	TẤM ỐP,CHẤU VÔ LĂNG	1	Chiếc	136.000	149.600
BIN60000443	PANEL,FRT S/D UPR TR	TẤM PANEL PHÍA TRÊN CỬA PHÍA TRƯỚC (BAO GỒM 18) (MÀU ĐEN)	1	Chiếc	68.000	74.800
BIN60000445	PANEL,FRT S/D UPR TR	TẤM PANEL PHÍA TRÊN CỬA PHÍA TRƯỚC (BAO GỒM 2) (MÀU ĐEN)	1	Chiếc	68.000	74.800
SVC60001164	PANEL,FRT W/H FRT	TẤM PANEL PHÍA TRƯỚC KHOANG VÀNH BÁNH TRƯỚC - LH	1	Chiếc	2.180.000	2.398.000
SVC60001155	PANEL,FRT W/H FRT	TẤM PANEL PHÍA TRƯỚC KHOANG VÀNH BÁNH TRƯỚC - RH	1	Chiếc	2.180.000	2.398.000
BEX60001374	REFLECTOR,RR BPR FASCIA	TẤM PHẢN QUANG TRÊN CẢN SAU	1	Chiếc	115.000	126.500
BEX60001375	REFLECTOR,RR BPR FASCIA	TẤM PHẢN QUANG TRÊN CẢN SAU	1	Chiếc	115.000	126.500
BIW60000666	PANEL,BODY SI OTR	TẤM SƯỜN XE PHÍA NGOÀI	1	Chiếc	8.446.000	9.290.600
BIW60000667	PANEL,BODY SI OTR	TẤM SƯỜN XE PHÍA NGOÀI	1	Chiếc	8.446.000	9.290.600
BIN60001505	PLATE,I/P CSTR TR	TẤM TRANG TRÍ ĐỒNG HỒ TÁP LÔ (MÀU ĐEN)	1	Chiếc	23.000	25.300
BIN60001510	APPLIQUE,I/P LWR TR PLT	TẤM TRANG TRÍ, TẤM ỐP TRANG TRÍ PHÍA DƯỚI BẢNG TÁP-LÔ (BAO GỒM 6) (MÀU ĐEN)	1	Chiếc	227.000	249.700
BEX60001303	PLATE,FRT BPR FASCIA SKID	TẤM TRƯỢT MẶT CẢN TRƯỚC	1	Chiếc	1.162.000	1.278.200
BEX60001682	MUD FLAPS RH	TẤM VÈ CHẮN BÙN BÁNH SAU BÊN PHẢI	1	Chiếc	15.000	16.500
BEX60001686	MUD FLAPS LH	TẤM VÈ CHẮN BÙN BÁNH SAU BÊN TRÁI	1	Chiếc	15.000	16.500
BIW60001445	TAPE,HOOD INR PNL	TẤM, CẢN ĐIỀU CHỈNH CỬA HẬU	1	Chiếc	19.000	20.900
SVC60000272	PLATE,CLU PRESS & DRVN	TẤM, ÉP VÀ DẪN ĐỘNG LY HỢP (BAO GỒM 3, 4)	1	Chiếc	3.703.000	4.073.300
SVC60001322	PLATE,RR S/D A/RST SW MT	TẤM, LẮP CÔNG TẮC TỰA TAY CỬA SAU (MỘT PHẦN CỦA 9) (MÀU ĐEN)	1	Chiếc	157.000	172.700
SVC60001323	PLATE,RR S/D A/RST SW MT	TẤM, LẮP CÔNG TẮC TỰA TAY CỬA SAU (MỘT PHẦN CỦA 9) (MÀU ĐEN)	1	Chiếc	157.000	172.700
SVC60000889	PLATE,R/CMPT LID LK STKR ANC	TẤM, MẤU NEO CƠ CẤU NỐI NGẮT KHÓA CỬA SAU	1	Chiếc	80.000	88.000
BIN60000647	PANEL,CTR PLR LWR TR	TẤM, TRANG TRÍ BÊN DƯỚI TRỤ TRUNG TÂM (BAO GỒM 11) (MÀU ĐEN)	1	Chiếc	262.000	288.200
BIN60000649	PANEL,CTR PLR LWR TR	TẤM, TRANG TRÍ BÊN DƯỚI TRỤ TRUNG TÂM (BAO GỒM 11) (MÀU ĐEN)	1	Chiếc	262.000	288.200
BIN60001550	PLATE,I/P CSTR UPR TR	TẤM, TRANG TRÍ PHÍA TRÊN BẢNG ĐỒNG HỒ TÁP-LÔ	1	Chiếc	155.000	170.500
BIN60000845	PLATE,F/FLR CNSL ACSRY TR	TẤM, TRANG TRÍ PHỤ KIỆN HỘC SÀN XE PHÍA TRƯỚC (BAO GỒM 3-5,14) (MÀU ĐEN)	1	Chiếc	1.865.000	2.051.500

BẢNG GIÁ PHỤ TÙNG XE VINFAST FADIL

Mã phụ tùng	Tên phụ tùng tiếng Anh	Tên phụ tùng tiếng Việt	Số lượng	Đơn vị	Giá bán lẻ (chưa VAT)	Giá bán lẻ (VAT)
SVC60001399	PLATE,F/FLR CNSL ACSRY TR	TẤM, TRANG TRÍ PHỤ KIỆN HỘC SÀN XE PHÍA TRƯỚC (BAO GỒM 3-5,14) (MÀU ĐEN)	1	Chiếc	4.101.000	4.511.100
SVC60000340	RADIATOR,	TẢN NHIỆT, (BAO GỒM 2,3)	1	Chiếc	5.048.000	5.552.800
SVC60000740	TENSIONER,TMG CHAIN	TĂNG XÍCH CAM (BAO GỒM 4, 6)	1	Chiếc	792.000	871.200
SVC60000710	ROD,CONN	TAY BIÊN (D)	1	Chiếc	933.000	1.026.300
BIN60000570	HANDLE,F/SEAT RECL	TAY CẦM, CƠ CẤU HẠ GHẾ TRƯỚC (MÀU ĐEN)	1	Chiếc	150.000	165.000
BIN60000572	HANDLE,F/SEAT RECL	TAY CẦM, CƠ CẤU HẠ GHẾ TRƯỚC (MÀU ĐEN)	1	Chiếc	150.000	165.000
SVC60000867	ARM,VLV RKR	TAY ĐÒN ĐẨY VAN	1	Chiếc	74.000	81.400
SVC60001152	ARM,FRT LWR CONT	TAY ĐÒN ĐIỀU KHIỂN BÊN DƯỚI PHÍA TRƯỚC (BAO GỒM 20, 24)	1	Chiếc	1.552.000	1.707.200
SVC60001153	ARM,FRT LWR CONT	TAY ĐÒN ĐIỀU KHIỂN BÊN DƯỚI PHÍA TRƯỚC (BAO GỒM 20, 24)	1	Chiếc	1.552.000	1.707.200
CHS60001559	LEVER,JK	TAY KÍCH	1	Chiếc	30.000	33.000
SVC60001739	HANDLE, FRT S/D O/S	TAY MỞ CỬA TRƯỚC PHỤ	1	Chiếc	218.000	239.800
SVC60001299	KNOB,A/TRNS CONT LVR	TAY NẮM CẦN SỐ HỘP SỐ TỰ ĐỘNG (MỘT PHẦN CỦA 1)	1	Chiếc	783.000	861.300
BIN60001516	HANDLE,R/RL ASST	TAY NẮM CẠNH TRẦN XE (BAO GỒM 8) (MÀU XÁM ASH SÁNG)	1	Chiếc	140.000	154.000
BIW60000356	HANDLE,HOOD PRIM LAT REL CBL	TAY NẮM DÂY MỞ KHÓA CA BÔ SƠ CẤP (MÀU ĐEN)	1	Chiếc	66.000	72.600
SVC60001317	KNOB,R/SEAT LAT	TAY NẮM ĐIỀU CHỈNH KHÓA GHẾ SAU (MÀU ĐEN) (*KIT1)	1	Chiếc	30.000	33.000
BIW60000834	HANDLE,RR S/D I/S	TAY NẮM TRONG CỬA SAU (CRÔM)	1	Chiếc	276.000	303.600
BIW60000832	HANDLE,FRT S/D I/S	TAY NẮM TRONG CỬA TRƯỚC (CRÔM)	1	Chiếc	276.000	303.600
BIW60000616	HANDLE,FRT S/D I/S	TAY NẮM TRONG CỬA TRƯỚC (MÀU ĐEN)	1	Chiếc	98.000	107.800
BIW60000618	HANDLE,FRT S/D I/S	TAY NẮM TRONG CỬA TRƯỚC (MÀU ĐEN)	1	Chiếc	98.000	107.800
SVC60001397	CARPET,FLR PNL	THẢM, ỐP SÀN (BAO GỒM 5) (MÀU ĐEN)	1	Chiếc	1.673.000	1.840.300
SVC60001075	BODY,C/VLV	THÂN VAN ĐIỀU KHIỂN (BAO GỒM 13, 14)	1	Chiếc	41.476.000	45.623.600
BEX60000793	BAR,FRT BPR IMP	THANH CHỊU VA CHẠM CỦA CẢN TRƯỚC	1	Chiếc	934.000	1.027.400
SVC60000525	ABSORBER,FRT BPR ENGY	THANH CHỊU VA ĐẬP CẢN TRƯỚC (MỘT PHẦN CỦA 19)	1	Chiếc	332.000	365.200
SVC60000524	ABSORBER,FRT BPR ENGY	THANH CHỊU VA ĐẬP CẢN TRƯỚC (MỘT PHẦN CỦA 6)	1	Chiếc	332.000	365.200
BIW60000505	STRUT,L/GATE	THANH CHỐNG CỬA NÂNG SAU XE (BAO GỒM 17) (THAY THẾ CÙNG VỚI BÊN TRÁI VÀ BÊN PHẢI)	1	Chiếc	328.000	360.800
BIW60000506	STRUT,L/GATE	THANH CHỐNG CỬA NÂNG SAU XE (BAO GỒM 17) (THAY THẾ CÙNG VỚI BÊN TRÁI VÀ BÊN PHẢI)	1	Chiếc	328.000	360.800
BIW60000682	ROD,HOOD HOLD OPEN	THANH CHỐNG NẮP CA BÔ	1	Chiếc	94.000	103.400
BEX60001363	BAR,RR BPR IMP	THANH CHỐNG VA CHẠM CẢN SAU	1	Chiếc	1.058.000	1.163.800
SVC60000623	BAR,FRT BPR LWR IMP	THANH CHỐNG VA CHẠM PHÍA DƯỚI CẢN TRƯỚC	1	Chiếc	772.000	849.200
BIN60000458	BAR,I/P TIE	THANH DẦM ĐỠ TÁP LÔ	1	Chiếc	2.273.000	2.500.300
SVC60000963	BAR,F/END UPR TIE	THANH DẦM PHÍA TRÊN ĐẦU XE	1	Chiếc	1.535.000	1.688.500
BIW60001413	BAR,FLR PNL #4	THANH DẦM TẤM PA NEN SÀN SỐ 4	1	Chiếc	436.000	479.600
BIW60001414	BAR,FLR PNL #5	THANH DẦM TẤM PA NEN SÀN SỐ 5 (BAO GỒM 10)	1	Chiếc	516.000	567.600
BIW60000457	BAR,FLR PNL #1 CR	THANH DẦM TẤM PANEN SÀN SỐ 1	1	Chiếc	147.000	161.700
SVC60001220	ROD,RR S/D LKG ROD B/C	THANH ĐẨY KHUỶU KHÓA CỬA SAU	1	Chiếc	44.000	48.400
SVC60001221	ROD,RR S/D LKG ROD B/C	THANH ĐẨY KHUỶU KHÓA CỬA SAU	1	Chiếc	44.000	48.400
SVC60001216	ROD,FRT S/D I/S HDL	THANH ĐẨY TAY NẮM TRONG CỬA TRƯỚC (MỘT PHẦN CỦA 10)	1	Chiếc	43.000	47.300
SVC60001217	ROD,FRT S/D I/S HDL	THANH ĐẨY TAY NẮM TRONG CỬA TRƯỚC (MỘT PHẦN CỦA 10)	1	Chiếc	43.000	47.300
SVC60001215	ROD,FRT S/D LK CYL	THANH ĐẨY TRỤ KHÓA CỬA TRƯỚC (MỘT PHẦN CỦA 10)	1	Chiếc	23.000	25.300
SVC60001156	SUPPORT,DRIVETRAIN & FRT SUSP FRM FRT	THANH ĐỠ KHUNG HỆ THỐNG TRUYỀN ĐỘNG & GIẢM XÓC TRƯỚC	1	Chiếc	586.000	644.600
SVC60001157	SUPPORT,DRIVETRAIN & FRT SUSP FRM FRT	THANH ĐỠ KHUNG HỆ THỐNG TRUYỀN ĐỘNG & GIẢM XÓC TRƯỚC	1	Chiếc	108.000	118.800
SVC60001158	SUPPORT,DRIVETRAIN & FRT SUSP FRM FRT	THANH ĐỠ KHUNG HỆ THỐNG TRUYỀN ĐỘNG & GIẢM XÓC TRƯỚC	1	Chiếc	122.000	134.200
SVC60001159	SUPPORT,DRIVETRAIN & FRT SUSP FRM FRT	THANH ĐỠ KHUNG HỆ THỐNG TRUYỀN ĐỘNG & GIẢM XÓC TRƯỚC	1	Chiếc	605.000	665.500
SVC60000792	SUPPORT,S/S	THANH ĐỠ TẤM CHẮN NẮNG (MỘT PHẦN CỦA 1) (MÀU XÁM ASH SÁNG)	1	Chiếc	23.000	25.300
BIW60000564	SUPPORT,I/P CTR	THANH ĐỠ, GIỮA BẢNG TÁP LÔ	1	Chiếc	89.000	97.900
SVC60001093	STRUT,TRANS MT	THANH GIẰNG CHÂN HỘP SỐ	1	Chiếc	605.000	665.500
SVC60000673	STRUT,FRT SUSP	THANH GIẰNG TRƯỚC	1	Chiếc	2.041.000	2.245.100
SVC60000674	STRUT,FRT SUSP	THANH GIẰNG TRƯỚC	1	Chiếc	2.041.000	2.245.100
SVC60000780	PLATE,F/FLR CNSL TR	THÀNH HỘP ĐỰNG ĐỒ SÀN TRƯỚC (MỘT PHẦN CỦA 1) (MÀU ĐEN)	1	Chiếc	195.000	214.500
BIN60001454	BRACE,I/P TIEBAR	THANH NỐI TAP LÔ (BAO GỒM 17)	1	Chiếc	66.000	72.600
BIW60001254	RAIL,F/CMPT UPR SI	THANH RAY CẠNH PHÍA TRÊN KHOANG ĐỘNG CƠ	1	Chiếc	331.000	364.100
BIW60001255	RAIL,F/CMPT UPR SI	THANH RAY CẠNH PHÍA TRÊN KHOANG ĐỘNG CƠ	1	Chiếc	333.000	366.300
BIW60000842	RAIL,U/B RR SI	THANH RAY GẦM XE BÊN SƯỜN PHÍA SAU	1	Chiếc	2.461.000	2.707.100
BIW60000843	RAIL,U/B RR SI	THANH RAY GẦM XE BÊN SƯỜN PHÍA SAU	1	Chiếc	2.461.000	2.707.100
BIW60000838	RAIL,F/CMPT SI	THANH RAY SƯỜN KHOANG ĐỘNG CƠ (INCLS 5, 7-13)	1	Chiếc	5.625.000	6.187.500
BIW60001486	ROD,RR S/D O/S HDL	THANH TAY NẮM NGOÀI CỬA SAU (MỘT PHẦN CỦA 20)	1	Chiếc	64.000	70.400
BIW60001487	ROD,RR S/D O/S HDL	THANH TAY NẮM NGOÀI CỬA SAU (MỘT PHẦN CỦA 20)	1	Chiếc	64.000	70.400
SVC60001218	ROD,RR S/D I/S HDL	THANH TRUYỀN, TAY NẮM BÊN TRONG CỬA SAU	1	Chiếc	46.000	50.600
SVC60001219	ROD,RR S/D I/S HDL	THANH TRUYỀN, TAY NẮM BÊN TRONG CỬA SAU	1	Chiếc	46.000	50.600
BIW60001484	ROD,FRT S/D O/S HDL	THAY ĐẨY TAY NẮM NGOÀI CỬA TRƯỚC (PHẦN 28)	1	Chiếc	41.000	45.100
BIW60001485	ROD,FRT S/D O/S HDL	THAY ĐẨY TAY NẮM NGOÀI CỬA TRƯỚC (PHẦN 28)	1	Chiếc	41.000	45.100
SVC60001136	DRUM,RR BRK	TRỐNG PHANH SAU	1	Chiếc	1.003.000	1.103.300
SVC60001750	COLUMN, STRG (W/ ASST MOT)	TRỤ LÁI	1	Chiếc	25.311.000	**27.842.100**
SVC60001449	COLUMN,STRG (W/ ASST MOT)	TRỤ THƯỚC LÁI	1	Chiếc	25.639.000	28.202.900
SVC60001345	SHAFT KIT,REV IDLER GR	TRỤC BÁNH RĂNG QUAY TRƠN ĐẢO CHIỀU QUAY	1	Chiếc	174.000	191.400
CHS60000662	SHAFT,INTER STRG	TRỤC CÁC ĐĂNG LÁI	1	Chiếc	2.578.000	2.835.800
SVC60000838	CAMSHAFT,INT	TRỤC CAM NẠP (BAO GỒM 35)	1	Chiếc	1.792.000	1.971.200
SVC60000837	CAMSHAFT,EXH	TRỤC CAM XẢ (BAO GỒM 34)	1	Chiếc	1.942.000	2.136.200
SVC60000748	SHAFT,FRT STAB	TRỤC CÂN BĂNG TRƯỚC (BAO GỒM 35, 36)	1	Chiếc	1.828.000	2.010.800
SVC60001080	SHAFT,MAN SHFT DTNT LVR	TRỤC CẦN HÃM SANG SỐ BẰNG TAY (4.105)	1	Chiếc	63.000	69.300
SVC60000266	SHAFT,MAIN	TRỤC CHÍNH	1	Chiếc	1.973.000	2.170.300
SVC60000712	CRANKSHAFT,(MCHG)	TRỤC KHUỶU (GIA CÔNG)	1	Chiếc	3.970.000	4.367.000
SVC60001068	SHAFT,SHFT FORK	TRỤC NẠNG CHUYỂN SỐ (155MM) (TRỤC BÁNH RĂNG TỐC ĐỘ THẤP)	1	Chiếc	230.000	253.000
SVC60001018	SHAFT,SHFT FORK	TRỤC NẠNG CHUYỂN SỐ (234, 5MM) (SỐ NĂM VÀ SỐ LÙI)	1	Chiếc	281.000	309.100
SVC60001016	SHAFT,SHFT FORK	TRỤC NẠNG CHUYỂN SỐ (TRỤC BÁNH RĂNG TỐC ĐỘ CAO)	1	Chiếc	232.000	255.200
BIN60000962	AIRBAG,STRG WHL INFL RST MDL	TÚI KHÍ Ở VÔ LĂNG (MÀU ĐEN)	1	Chiếc	4.589.000	5.047.900
SVC60001390	AIRBAG,F/SEAT OUTBOARD ST BK	TÚI KHÍ TRÊN LƯNG GHẾ TRƯỚC	1	Chiếc	2.034.000	2.237.400
SVC60001391	AIRBAG,F/SEAT OUTBOARD ST BK	TÚI KHÍ TRÊN LƯNG GHẾ TRƯỚC	1	Chiếc	2.034.000	2.237.400
BIN60000767	AIRBAG,I/P	TÚI KHÍ, BẢNG ĐỒNG HỒ THIẾT BỊ	1	Chiếc	4.683.000	5.151.300
CHS60001560	SCREWDRIVER,	TUỐC-NƠ-VÍT,	1	Chiếc	31.000	34.100
SVC60001132	BAFFLE,CTR PLR LWR LWR	VÁCH NGĂN, PHÍA DƯỚI TRỤ GIỮA (MỘT PHẦN CỦA 13)	1	Chiếc	159.000	174.900
SVC60001133	BAFFLE,CTR PLR LWR LWR	VÁCH NGĂN, PHÍA DƯỚI TRỤ GIỮA (MỘT PHẦN CỦA 13)	1	Chiếc	159.000	174.900
CHS60000352	VALVE,BODY PRESS RLF	VAN AN TOÀN (9.264)	1	Chiếc	89.000	97.900
SVC60001186	VALVE,MODE	VAN CHẾ ĐỘ	1	Chiếc	227.000	249.700
SVC60000690	VALVE,CM/SHF POSN ACTR SOL	VAN ĐIỆN TỪ BỘ TRUYỀN ĐỘNG VỊ TRÍ TRỤC CAM	1	Chiếc	853.000	938.300
SVC60000873	VALVE,VAC REG	VAN ĐIỀU CHỈNH CHÂN KHÔNG	1	Chiếc	637.000	700.700
SVC60000980	VALVE KIT,BRK PRESS MOD	VAN ĐIỀU HÒA LỰC PHANH (BAO GỒM 7, 8)	1	Chiếc	20.553.000	22.608.300
SVC60000709	VALVE,INT	VAN ĐIỀU KHIỂN GIÓ Ở CHẾ ĐỘ KHÔNG TẢI (MỘT PHẦN CỦA 14)	1	Chiếc	150.000	165.000
SVC60001183	VALVE,AIR INL	VAN HÚT GIÓ VÀO	1	Chiếc	117.000	128.700
SVC60000575	VALVE,OIL FLOW CHK	VAN KIỂM TRA DÒNG DẦU (MỘT PHẦN CỦA 14)	1	Chiếc	91.000	100.100
SVC60001187	VALVE,TEMP	VAN NHIỆT ĐỘ	1	Chiếc	84.000	92.400

BẢNG GIÁ PHỤ TÙNG XE VINFAST FADIL

Mã phụ tùng	Tên phụ tùng tiếng Anh	Tên phụ tùng tiếng Việt	Số lượng	Đơn vị	Giá bán lẻ (chưa VAT)	Giá bán lẻ (VAT)
SVC60001089	VALVE,RAD VENT (W/COOL EXPN TK)	VAN THÔNG GIÓ CỦA KÉT NƯỚC LÀM MÁT (CÓ BÌNH CHỨA NƯỚC MÁT PHỤ) (MỘT PHẦN CỦA 1)	1	Chiếc	95.000	104.500
SVC60001481	VALVE,PCV	VAN THÔNG HƠI ĐỘNG CƠ (CHI TIẾT CỦA 12) (BAO GỒM 26) (NGHẸT PHỤ)	1	Chiếc	666.000	732.600
SVC60000798	VALVE,PCV	VAN THÔNG HƠI ĐỘNG CƠ (CHI TIẾT CỦA 12) (BAO GỒM 6) (TƯƠI MỚI)	1	Chiếc	483.000	531.300
SVC60001338	VALVE,FRT BRK CLPR BLEDR	VAN XẢ KHÍ BỘ NGÀM PHANH TRƯỚC (MỘT PHẦN CỦA 2)	1	Chiếc	25.000	27.500
SVC60001232	VALVE,RR BRK BLEDR	VAN XẢ KHÍ PHANH SAU (MỘT PHẦN CỦA 16)	1	Chiếc	29.000	31.900
SVC60001361	VALVE,A/C REFRIG HIGH PRESS SERV	VAN, BẢO TRÌ ÁP SUẤT CAO CHẤT LÀM LẠNH ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ (MỘT PHẦN CỦA 16) (PHÍA ỐNG CHẤT LỎNG) (9.177)	1	Chiếc	40.000	44.000
SVC60001362	VALVE,A/C REFRIG LOW PRESS SERV	VAN, BẢO TRÌ ÁP SUẤT THẤP CHẤT LÀM LẠNH ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ (MỘT PHẦN CỦA 16) (PHÍA ỐNG HÚT) (9.177)	1	Chiếc	18.000	19.800
SVC60000688	VALVE,O/PMP FLOW CONT SOL	VAN, ĐIỆN TỪĐIỀU KHIỂN DÒNG BƠM DẦU BÔI TRƠN (MỘT PHẦN CỦA 12) (KHÔNG CÓ BU LÔNG & KẸP GIỮ)	1	Chiếc	1.556.000	1.711.600
BIN60000783	WHEEL,STEERING	VÀNH, VÔ LĂNG (BAO GỒM 2,4-6,8) (MÀU ĐEN)	1	Chiếc	2.072.000	2.279.200
BIN60000785	WHEEL,STEERING	VÀNH, VÔ LĂNG (BAO GỒM 2,4-7,9)	1	Chiếc	5.165.000	5.681.500
BIW60000913	FENDER,FRT	VÈ TRƯỚC	1	Chiếc	2.583.000	2.841.300
BIW60000914	FENDER,FRT	VÈ TRƯỚC	1	Chiếc	2.583.000	2.841.300
SVC60001020	DIFFERENTIAL,FRT	VI SAI TRƯỚC (BAO GỒM 2-11)	1	Chiếc	4.420.000	4.862.000
STD60000946	BOLT/SCREW-FRT S/D O/S HDL INS	Vít bắt ốp tay mở (dài)	1	Chiếc	1.000	1.100
BEX60000567	FASCIA-RR BPR UPR	VỎ BA ĐỜ XỐC SAU	1	Chiếc	3.000.000	3.300.000
SVC60001202	HOUSING,A/CL	VỎ BẦU LỌC GIÓ (*KIT1)	1	Chiếc	267.000	293.700
SVC60001201	COVER,A/CL HSG	VỎ BỘ LỌC GIÓ (*KIT1)	1	Chiếc	178.000	195.800
SVC60000804	HOUSING,W/PMP	VỎ BƠM NƯỚC (MỘT PHẦN CỦA 18)	1	Chiếc	1.687.000	1.855.700
BIN60000529	COVER,W/S O/S MSTRE SEN	VỎ CẢM BIẾN ĐỘ ẨM BÊN NGOÀI KÍNH CHẮN GIÓ (MÀU ĐEN)	1	Chiếc	46.000	50.600
BIN60000531	COVER,W/S O/S MSTRE SEN	VỎ CẢM BIẾN ĐỘ ẨM BÊN NGOÀI KÍNH CHẮN GIÓ (MÀU ĐEN)	1	Chiếc	43.000	47.300
SVC60000265	HOUSING,SHFT CONT (W/SHF CONT SHF)	VỎ ĐIỀU KHIỂN CHUYỂN SỐ (CÓ TRỤC ĐIỀU KHIỂN SỐ) (BAO GỒM 1-7, 9-13,41-45)	1	Chiếc	2.826.000	3.108.600
SVC60000625	CASE,HTR & A/C EVPR	VỎ GIÀN LẠNH ĐIỀU HÒA (BAO GỒM 3, 4,6,8, 9,18,20,36,39)	1	Chiếc	2.376.000	2.613.600
SVC60000626	CASE,HTR & A/C EVPR	VỎ GIÀN LẠNH ĐIỀU HÒA (BAO GỒM 3, 4,6,8, 9,22,24,41,44)	1	Chiếc	2.376.000	2.613.600
SVC60000821	HOUSING,ENG COOL THERM	VỎ HẰNG NHIỆT LÀM MÁT ĐỘNG CƠ (MỘT PHẦN CỦA 18)	1	Chiếc	1.308.000	1.438.800
STD60000431	SPACER,FRT S/D LK	VỎ KHÓA CỬA TRƯỚC (CHO TIẾNG LÁCH CÁCH ĐÒN KHUỶU VÀ NÚT KHÓA)	1	Chiếc	9.000	9.900
SVC60000401	COVER,W/PMP ENG COOL CHMBR	VỎ KHOANG LÀM MÁT ĐỘNG CƠ CỦA BƠM NƯỚC (MỘT PHẦN CỦA 18) (0.293)	1	Chiếc	12.000	13.200
SVC60000937	HOUSING,FRT BRK CLPR	VỎ NGÀM PHANH TRƯỚC (BAO GỒM 6-8, 12, 13)	1	Chiếc	1.856.000	2.041.600
SVC60000938	HOUSING,FRT BRK CLPR	VỎ NGÀM PHANH TRƯỚC (BAO GỒM 6-8, 12, 13)	1	Chiếc	1.856.000	2.041.600
SVC60000865	COVER,ENG FRT(W/CR/SHF FRT OIL SEAL)	VỎ PHÍA TRƯỚC ĐỘNG CƠ (CÓ GIOĂNG DẦU PHÍA TRƯỚC TRỤC KHUỶU) (BAO GỒM 31, 34- 36,39,40)	1	Chiếc	1.767.000	1.943.700
SVC60001398	HOUSING,IGN & START SW	VỎ, CÔNG TẮC KHỞI ĐỘNG & KHÓA ĐIỆN (*KIT1)	1	Chiếc	1.228.000	1.350.800
SVC60000794	NOZZLE,PSTN OIL	VÒI PHUN DẦU PÍT TÔNG (BAO GỒM 30, 31)	1	Chiếc	195.000	214.500
SVC60000742	NOZZLE,TMG CHAIN OIL	VÒI PHUN DẦU XÍCH CAM	1	Chiếc	148.000	162.800
SVC60000801	NOZZLE,TMG CHAIN OIL	VÒI PHUN DẦU XÍCH CAM	1	Chiếc	438.000	481.800
BEX60000453	NOZZLE,R/WDO WA	VÒI PHUN NƯỚC KÍNH HẬU	1	Chiếc	47.000	51.700
SVC60000531	NOZZLE,WSWA	VÒI PHUN NƯỚC RỬA KÍNH CHẮN GIÓ	1	Chiếc	77.000	84.700
SVC60000532	NOZZLE,WSWA	VÒI PHUN NƯỚC RỬA KÍNH CHẮN GIÓ	1	Chiếc	77.000	84.700
SVC60000711	ORIFICE,PCV VLV	VÒI PHUN, XU PÁP THÔNG HƠI THÂN MÁY LIÊN TỤC (MỘT PHẦN CỦA 12)	1	Chiếc	281.000	309.100
BIW60001434	BOW,RF PNL #2	VÒM MÁI SỐ 2	1	Chiếc	422.000	464.200
BIW60001435	BOW,RF PNL #3	VÒM MÁI SỐ 3	1	Chiếc	356.000	391.600
BEX60000200	RING,PARK ASST ALARM SEN	VÒNG CẢM BIẾN BÁO ĐỘNG HỖ TRỢ ĐỖ XE	1	Chiếc	5.000	5.500
SVC60001273	RING,FRT WHL DRV SHF CV JT INR RACE RET	VÒNG CHẶN RÃNH TRONG Ổ NỐI TRỤC BÁNH DẪN DƯỚNG TRƯỚC (CHI TIẾT CỦA 1, 2,5)	1	Chiếc	9.000	9.900
CHS60000312	STRAP,SPA WHL STOW	VÒNG DÂY, KHOANG CHỨA BÁNH XE DỰ PHÒNG	1	Chiếc	404.000	444.400
SVC60000785	SPACER,3RD & 4TH GR	VÒNG ĐỆM BÁNH RĂNG SỐ 3 & SỐ 4	1	Chiếc	56.000	61.600
SVC60001347	SPACER,5TH GR BRG	VÒNG ĐỆM BÁNH RĂNG SỐ 5	1	Chiếc	113.000	124.300
PWT60000277	GASKET,CTLTC CONV	VÒNG ĐỆM BẦU TRUNG HÒA KHÍ THẢI	1	Chiếc	328.000	360.800
SVC60000721	GASKET,ENG COOL THERM HSG	VÒNG ĐỆM HỘP VAN HẰNG NHIỆT LÀM MÁT ĐỘNG CƠ (MỘT PHẦN CỦA 18)	1	Chiếc	216.000	237.600
SVC60001359	SPACER,1ST GR BRG RLR	VÒNG ĐỆM Ổ BI BÁNH RĂNG SỐ 1	1	Chiếc	79.000	86.900
SVC60000500	WASHER,FRT BRK HOSE	VÒNG ĐỆM ỐNG DẦU PHANH TRƯỚC	1	Chiếc	6.000	6.600
SVC60001343	SPACER,A/CL RESO INSL	VÒNG ĐỆM TẤM BỌC CỘNG HƯỞNG LỌC GIÓ (MỘT PHẦN CỦA 18) (3.405)	1	Chiếc	7.000	7.700
SVC60001087	WASHER,HDLNG T/PNL	VÒNG ĐỆM TẤM GIỮ TRẦN XE (MỘT PHẦN CỦA 1)	1	Chiếc	9.000	9.900
SVC60000694	GASKET,THROT BODY	VÒNG ĐỆM THÂN BƯỚM GA (MỘT PHẦN CỦA 12)	1	Chiếc	61.000	67.100
CHS60001219	WASHER,FRT C/MBR	VÒNG ĐỆM THANH NGANG TRƯỚC (5.416)	1	Chiếc	10.000	11.000
SVC60000338	WASHER,S/GR	VÒNG ĐỆM THƯỚC LÁI	1	Chiếc	14.000	15.400
SVC60000503	WASHER,REV IDLER GR SHF	VÒNG ĐỆM TRỤC SỐ QUAY TRƠN HỘP SỐ	1	Chiếc	5.000	5.500
SVC60000882	GROMMET,WSWA SOLV CNTNR	VÒNG ĐỆM, BÌNH NƯỚC RỬA KÍNH CHẮN GIÓ (10.153)	1	Chiếc	18.000	19.800
BIW60000032	GROMMET,FRT S/D LKG ROD	VÒNG ĐỆM, CẦN KHÓA CỬA TRƯỚC	1	Chiếc	12.000	13.200
SVC60001036	WASHER,A/TRNS MAN SHFT SHF POSN SW	VÒNG ĐỆM, CÔNG TẮC VỊ TRÍ CỦA TRỤC SANG SỐ BẰNG TAY HỘP SỐ TỰ ĐỘNG (4.046)	1	Chiếc	110.000	121.000
SVC60000360	SPACER,TRANS FLUID CLR PIPE	VÒNG ĐỆM, ĐƯỜNG ỐNG BẦU LÀM MÁT DẦU HỘP SỐ (MỘT PHẦN CỦA 1) (4.408)	1	Chiếc	108.000	118.800
SVC60000551	WASHER,FRT SUSP STRUT MT	VÒNG ĐỆM, LẮP THANH GIẰNG HỆ THỐNG TREO TRƯỚC	1	Chiếc	15.000	16.500
SVC60001243	GROMMET,P/B BOOS VAC TUBE	VÒNG ĐỆM, ỐNG CHÂN KHÔNG TỔNG PHANH (MỘT PHẦN CỦA 5)	1	Chiếc	26.000	28.600
BIN60001242	GROMMET,BODY SI RR T/PNL	VÒNG ĐỆM, TẤM ỐP TRANG TRÍ PHÍA SAU THÂN XE (15.099)	1	Chiếc	3.000	3.300
SVC60000686	RING,CM/SHF SPKT OIL SEAL	VÒNG GIOĂNG DẦU ĐĨA XÍCH CAM (PHẦN 41)	1	Chiếc	159.000	174.900
SVC60001279	RING,FRT WHL DRV SHF TRI-POT JT SPIDER RET	VÒNG GIỮ CAO SU KHỚP CẦU BÁN TRỤC TRƯỚC (MỘT PHẦN CỦA 1, 9, 12)	1	Chiếc	5.000	5.500
SVC60001120	RING,FRT WHL BRG RET	VÒNG GIỮ Ổ BI BÁNH TRƯỚC	1	Chiếc	35.000	38.500
SVC60001281	RING,FRT WHL DRV SHF RET	VÒNG GIỮ TRỤC DẪN ĐỘNG BÁNH TRƯỚC (MỘT PHẦN CỦA 1, 9, 12)	1	Chiếc	5.000	5.500
SVC60000407	KEY,VLV STEM	VÒNG HÃM CẦN XU PÁP	1	Chiếc	22.000	24.200
SVC60001503	KEY,VLV STEM	VÒNG HÃM CẦN XU PÁP	1	Chiếc	2.000	2.200
SVC60000561	RETAINER,CTLTC CONV BR BRKT BOLT	VÒNG HÃM, BU LÔNG BẮT GIÁ ĐỠ BÌNH CHUYỂN ĐỔI XÚC TÁC (MỘT PHẦN CỦA 12) (2. 335)	1	Chiếc	19.000	20.900
SVC60000350	RETAINER,RR S/D W/STR	VÒNG KẸP, GIOĂNG KHUNG CỬA SAU	1	Chiếc	103.000	113.300
SVC60000481	RETAINER,RR S/D W/STR	VÒNG KẸP, GIOĂNG KHUNG CỬA SAU	1	Chiếc	103.000	113.300
BIW60000275	RETAINER,FRT W/H PNL EXTN(PUSH IN)	VÒNG KẸP, PHẦN MỞ RỘNG TẤM ỐP HỘC BÁNH TRƯỚC (ĐẨY VÀO) (MÀU ĐEN) (M8.5X11. 9MM) (MỞ)	1	Chiếc	3.000	3.300
STD60000217	BOLT,L/GATE LWR TR FIN PNL	VÒNG KẸP, TẤM LÓT KHOANG VÀNH BÁNH TRƯỚC (MÀU ĐEN) (M6.5X17.5MM) (8.154)	1	Chiếc	5.000	5.500
SVC60000479	CLIP,L/GATE TR FIN PNL	VÒNG KẸP, TẤM ỐP TRANG TRÍ HOÀN THIỆN MỘT PHẦN TƯ BÊN DƯỚI (LOẠI ĐẨY VÀO) (CHI TIẾT CỦA 4,15) (M19.9X14.1MM) (NÂNG LÊN BẰNG ỐNG LỒNG) (SƠN CÙNG MÀU) (14. 683)	1	Chiếc	5.000	5.500
SVC60000487	RETAINER,FRT S/D W/STR	VÒNG KẸP,GIOĂNG KHUNG CỬA TRƯỚC	1	Chiếc	145.000	159.500
SVC60000488	RETAINER,FRT S/D W/STR	VÒNG KẸP,GIOĂNG KHUNG CỬA TRƯỚC	1	Chiếc	145.000	159.500
SVC60001479	RING,CR/SHF POSN SEN RELUCTOR	VÒNG TỪ TRỞ CẢM BIẾN VỊ TRÍ TRỤC KHUỶU	1	Chiếc	891.000	980.100
SVC60000968	CYLINDER,RR BRK	XI LANH PHANH SAU (BAO GỒM 2, 14,15,17)	1	Chiếc	453.000	498.300
SVC60000830	CHAIN,CM/SHF TMG	XÍCH CAM	1	Chiếc	1.097.000	1.206.700
SVC60000691	CHAIN,O/PMP DRV	XÍCH, BƠM DẦU DẪN ĐỘNG	1	Chiếc	384.000	422.400

BẢNG GIÁ PHỤ TÙNG XE VINFAST FADIL

Mã phụ tùng	Tên phụ tùng tiếng Anh	Tên phụ tùng tiếng Việt	Số lượng	Đơn vị	Giá bán lẻ (chưa VAT)	Giá bán lẻ (VAT)
SVC60001466	VALVE,EXH	XU PÁP XẢ (MỘT PHẦN CỦA 14)	1	Chiếc	241.000	265.100
BIW60000839	RAIL,F/CMPT SI	XƯƠNG DỌC ĐẦU XE PHẢI	1	Chiếc	4.922.000	5.414.200
BIW60000942	BODY ASM-FRT S/D O/S HDL	Xương tay mở (ốp dài)	1	Chiếc	29.000	31.900
BIW60000941	CYLINDER,LK	XY LANH Ổ KHÓA	1	Chiếc	2.951.000	3.246.100